

www.pvdrilling.com.vn

PV Drilling
Mạnh mẽ hơn
và
Chuyên
nghiệp hơn



Tổng Công Ty Cổ Phần Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí

Lầu 4, Tòa nhà Scilling Tower
111A Pasteur, Quận 1, TPHCM

Báo Cáo Thường Niên
2009



www.pvdrilling.com.vn

Nội dung

- 2** Tầm Nhìn, Sứ Mệnh
- 4** Thư Gửi Cổ Đông
- 6** Cơ Cấu Tổ Chức
- 8** Giới Thiệu HĐQT, BTGD, BKS
- 14** Giới Thiệu Tổng Công Ty
- 20** Giới Thiệu Các Đơn Vị Thành Viên
- 26** Các Sự Kiện Tiêu Biểu Trong Năm 2009
- 28** Báo Cáo Của Hội Đồng Quản Trị
- 58** Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc
- 60** Hoạt Động Quan Hệ Cổ Đông Tại PV Drilling
- 62** Quan Hệ Cộng Đồng
- 64** Báo Cáo Tài Chính



Mạnh mẽ hơn và Chuyên nghiệp hơn



Tầm Nhìn

Trở thành một nhà thầu khoan và cung cấp dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí tin cậy và có uy tín trên thế giới.



Sứ Mệnh

Trở thành nhà thầu khoan và cung cấp dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí hàng đầu trong khu vực, tạo ra những giá trị gia tăng cho khách hàng bằng những dịch vụ chất lượng cao và giá cả cạnh tranh.

Thư Gửi Cổ Đông

Kính thưa quý cổ đông,

Năm 2009, năm của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, một năm khó khăn cho hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam và thế giới. Không nằm ngoài xu thế chung, ngành dầu khí cũng gánh chịu những ảnh hưởng nặng nề từ cuộc khủng hoảng do sự sụt giảm của giá dầu, kéo theo sự giảm sút đầu tư phát triển các mỏ dầu khí mới. Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực khoan dầu khí, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 của PV Drilling bị ảnh hưởng lớn do giá cung cấp dịch vụ giàn khoan đã giảm đến trên 40% so với năm 2008, các dịch vụ khác cũng suy giảm nhiều.

Trong bối cảnh chung nhiều khó khăn và thử thách đó, đánh giá những thành quả mà PV Drilling đã đạt được năm 2009, có thể nói PV Drilling đã có sự phát triển vượt bậc thông qua những sự kiện mà sẽ là những cột mốc lịch sử quan trọng xuyên suốt quá trình phát triển của PV Drilling như:

- Giàn khoan PV DRILLING I tiếp tục hoạt động với hiệu suất cao trên 99% và đạt thành tích 3 năm vận hành an toàn (LTI free);
- Tiến hành đặt tên và đưa vào vận hành thêm 2 giàn khoan PV DRILLING II và PV DRILLING III an toàn và đạt hiệu suất trên 98%;
- Hoàn tất việc sáp nhập Công ty PVD Invest vào PV Drilling – thương vụ sáp nhập thành công đầu tiên của thị trường chứng khoán Việt nam – góp phần nâng tổng vốn điều lệ PV Drilling lên 2.105 tỷ đồng, tổng tài sản ước tính hơn 12.368 tỷ đồng;
- Triển khai đầu tư giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (Tender Assist Drilling Unit – TAD) có khả năng khoan ở mực nước sâu hơn, việc quản lý điều hành đòi hỏi nhiều kỹ thuật phức tạp hơn, giàn khoan cũng đã có hợp đồng cung cấp dài hạn trong 5 năm;
- Tiếp tục phát triển thành công các dịch vụ Mud Logging, Slickline, dịch vụ cơ khí nâng thị phần các dịch vụ kỹ thuật cao lên đến 80%;
- Tiến hành thành lập liên doanh mới với tập đoàn dầu khí nước ngoài uy tín Baker Hughes để tiến tới cung cấp các dịch vụ trọn gói cho các chiến dịch khoan...

Song song với những bước phát triển có ý nghĩa đó là kết quả kinh doanh đạt được khá ấn tượng trong năm 2009 của PV Drilling, với doanh thu 4.097 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 926 tỷ đồng, lần lượt vượt 2,4% và 4,8% so với kế hoạch đã cam kết với các cổ đông.

Tận dụng cơ hội thị trường để phát triển mạnh mẽ là chiến lược PV Drilling lựa chọn để thực hiện trong năm 2009 nhằm tạo tiền đề cho sự phát triển vượt bậc vươn lên những tầm cao mới trong những năm tiếp theo khi nền kinh tế thế giới phục hồi sau khủng hoảng.

Song hành cùng sự phát triển mạnh mẽ luôn là sự chuyên nghiệp trong mỗi con người của PV Drilling. Được xây dựng từ những ngày đầu thành lập, đến nay PV Drilling hoàn toàn tự tin để khẳng định, ở tất cả các vị trí công tác khác nhau từ những vị trí làm việc trên giàn khoan, các công trình dịch vụ cho đến vị trí điều hành, những con người PV Drilling đều thực hiện nhiệm vụ được giao với tính chuyên nghiệp cao, đó chính là giá trị cốt lõi tạo nên sự thành công của PV Drilling ngày hôm nay.



Kính thưa quý cổ đông,

Ngành dầu khí Việt nam sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, các hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí hứa hẹn sẽ sôi nổi hơn trong năm 2010 và các năm tiếp theo. Riêng trong lĩnh vực cung cấp và điều hành giàn khoan, số lượng các giàn khoan hoạt động trong năm tới ước tính sẽ tăng khoảng trên 15% so với hiện tại. Với số lượng khoảng 12 giàn khoan tự nâng đang hoạt động tại Việt Nam, PV Drilling đã chiếm lĩnh 50% thị phần, bao gồm cả 3 giàn khoan thuê từ nước ngoài đưa về điều hành phục vụ các hợp đồng khoan cho các công ty dầu khí tại Việt nam. Ban điều hành PV Drilling xác định PV Drilling sẽ phát triển đi lên không chỉ bằng chính sức mạnh nội tại từ các giàn khoan hiện có của mình mà PV Drilling sẽ khai thác cao nhất nhu cầu giàn khoan đang ngày càng tăng tại thị trường khoan trong nước bằng cách thuê thêm giàn khoan của các nhà thầu khoan uy tín khác trên thế giới để điều hành phục vụ hoạt động thăm dò, khai thác trong nước và khu vực.

Hiện nay, PV Drilling đã xác lập được vị thế vững mạnh trong ngành khoan nói riêng và ngành dịch vụ kỹ thuật dầu khí nói chung tại khu vực và trên thế giới. Mạnh mẽ hơn và Chuyên nghiệp hơn sẽ là chiến lược phát triển PV Drilling lựa chọn cho năm 2010.

Chiến lược phát triển của PV Drilling trong năm 2010 sẽ là phát triển **mạnh mẽ hơn và chuyên nghiệp hơn**. Hiện nay, PV Drilling đã xác lập được vị thế vững mạnh trong ngành khoan nói riêng và ngành dịch vụ kỹ thuật dầu khí nói chung của khu vực và trên thế giới như các chuyên gia và lãnh đạo cao cấp của ngành dầu

khí đã nhận xét. Điều đó sẽ mở ra cơ hội lớn cho PV Drilling tiếp tục tăng trưởng mạnh và ngày càng nâng cao quyền lợi cho quý cổ đông của công ty cũng như mang lại thu nhập và phúc lợi cao nhất cho tập thể CBCNV PV Drilling.

Mặc dù, vẫn còn đối diện với nhiều khó khăn trước mắt như giá dịch vụ sụt giảm nhiều, tổng mức đầu tư hiện nay của PV Drilling là rất lớn, làm tăng chi phí vận hành... nhưng với chiến lược phát triển mạnh mẽ, sự chuyên nghiệp của tập thể CBCNV PV Drilling cùng với sự hỗ trợ kịp thời, hiệu quả của Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt nam, tôi hoàn toàn tin tưởng rằng PV Drilling sẽ tiếp tục bước những bước đi vững chắc, tiếp tục thể hiện bản lĩnh của **"Người Tiên Phong của ngành khoan dầu khí Việt Nam"** vượt qua gian nan để làm nên nhiều thành công trong tương lai.

Thay mặt Ban Lãnh đạo PV Drilling, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn đến các quý vị cổ đông đã tin tưởng và ủng hộ PVD, chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực vì sự phát triển mạnh mẽ và chuyên nghiệp của PV Drilling./

ĐỖ VĂN KHANH
Tổng giám đốc

Cơ Cấu Tổ Chức

Tổng Công Ty Cổ Phần Khoan
Và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí

Đại Hội Đồng Cổ Đông

Ban Kiểm Soát

Hội Đồng Quản Trị

Ban Tổng Giám Đốc

Văn Phòng TCT

Phòng Quản Trị
CNTT

Phòng Nhân sự

Phòng Pháp Chế

Phòng Tài Chính

Phòng Chiến lược
và Phát triển Kinh
doanh

Phòng Thương Mại
& Đầu Tư

Phòng Quản Lý
Dự Án và Xây
dựng cơ bản

Phòng Kế Toán

Phòng Kỹ thuật
và Hỗ trợ SX

Phòng Kiểm toán
Nội bộ

Phòng An Toàn
Chất Lượng

Cty TNHH 1 TV Dịch Vụ
Kỹ Thuật Dầu Khí Biển

PVD Offshore

Cty TNHH 1 TV Địa Vật Lý Giếng
Khoan Dầu Khí

PVD Logging

Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư
Khoan Dầu Khí Việt Nam

PVD Invest

Mới được thành lập năm 2010

Cty TNHH 1 TV Dịch Vụ Giếng
Khoan Dầu Khí

PVD Well Services

Xí Nghiệp Điều Hành Khoan

PVD Drilling Division

Cty TNHH 1 TV Thương Mại Dịch
Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí

PVD Tech

Văn Phòng Điều Hành Dự Án
tại Algeria

Cty LD Dịch Vụ Dầu Khí
PV Drilling – PTI (51%)

Cty Cổ Phần Đào Tạo
Kỹ Thuật PVD

PVD Training (51%)

Công ty LD Kỹ thuật
Giếng khoan

PV Drilling – Baker Hughes (51%)

Mới được thành lập năm 2010

Cty TNHH LD Dịch Vụ
BJ-PVD (49%)

Công ty Liên doanh

PVD Tubular Management (51%)

Hội Đồng Quản Trị



Ông Đỗ Đình Luyện

Chủ tịch HĐQT

Quá trình công tác

1975 - 1988

Kỹ sư, Vụ Hợp tác Quốc tế - Tổng cục Dầu khí Việt Nam

1988 - 1997

Phó giám đốc Công ty Thăm dò khai thác Dầu khí

1997 - 2001

Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí - Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam

2001 - 2006

Trưởng ban Khí điện - Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam

2006 - đến nay

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty PV Drilling

Trình độ chuyên môn

1973

Kỹ sư cơ khí Dầu khí tại Rumani

1993

Cử nhân kinh tế

Tiến sỹ Đỗ Văn Khanh

Thành viên HĐQT
Tổng giám đốc PV Drilling

Ông Trần Văn Hoạt

Thành viên HĐQT
Phó Tổng giám đốc PV Drilling

Ông Phạm Tiến Dũng

Thành viên HĐQT
Phó Tổng giám đốc Thường trực PV Drilling



Ông Đàm Hải Giang

Thành viên HĐQT
Phó Tổng Giám đốc Công ty Quý Đầu tư chứng khoán Ngân hàng Vietcombank

Quá trình công tác

1994 - 2001

Công tác tại Phòng Thẩm định đầu tư Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)

2001 - 2008

Trưởng Phòng Đầu tư Dự án Vietcombank

2008 - 2009

Trưởng phòng Quản lý rủi ro tín dụng Vietcombank

2009 - đến nay

Phó Tổng Giám đốc Công ty Quý đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Trình độ chuyên môn

1999

Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng tại Vương quốc Anh.

Ban Kiểm Soát



Ông Dương Xuân Quang

Thành viên HĐQT
Giám đốc chi nhánh Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam, Chi nhánh Hồ Chí Minh

Quá trình công tác

1994 - 2000

Chuyên viên Phòng Kế toán, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam;

2000 - 2002

Chuyên viên Phòng Kiểm toán nội bộ, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam;

2002 - 2005

Phó phòng Tài chính Kế toán, Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long (Liên kết giữa PVEP và một số nhà đầu tư nước ngoài);

2005 - 2008

Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long;

2009

Phó Ban Tài chính Kế toán, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN); Phó Giám đốc chi nhánh Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh;

2010 - đến nay

Giám đốc chi nhánh Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.



Bà Nguyễn Thị Thủy

Trưởng Ban kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Quá trình công tác

1989 - 1993

Kế toán viên tại Công ty Phát triển Côn Đảo

1993 - 2001

Kế toán viên tại Công ty Thương Mại - Xây Dựng - Đầu Tư, Bà Rịa Vũng Tàu

2002 - 2003

Kế toán viên tại Xí nghiệp Điều hành Khoan, PV Drilling

2003 - 2007

Kế toán trưởng - Xí nghiệp Điều hành Khoan, PV Drilling

2007 - đến nay

Trưởng Ban Kiểm soát PV Drilling

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kế toán - Tài chính



Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Thành viên Ban Kiểm soát Phó Phòng Kế toán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank

Quá trình công tác

1994 - 1996

Kế toán viên tại Trung tâm Dịch vụ, Vietcombank

1996 - 1999

Chuyên viên phòng Quản lý Dự án, Vietcombank

1999 - 2001

Chuyên viên phòng Kế toán Tài chính, Vietcombank

2001 - 2006

Kiểm soát viên phòng Kế toán Tài chính, Vietcombank

2006 - đến nay

Phó phòng Kế toán, Vietcombank, Thành viên Ban kiểm soát PV Drilling

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Tài chính - Ngân hàng.

Ban Tổng Giám Đốc



Tiến Sĩ Đỗ Văn Khanh

Tổng Giám đốc - PV Drilling

Quá trình công tác

1984 - 1992

Kỹ sư khoan Công ty Dầu khí Thái Bình, Kỹ sư khoan PetroVietnam II và là Trưởng đại diện PetroVietnam tại Đà Nẵng

1992 - 1994

Phó Giám đốc Công ty Liên doanh Khoan Odfjell, đơn vị liên doanh giữa PetroVietnam và Công ty Dầu khí Odfjell của Na Uy.

1994 - 2001

Giám đốc Xí nghiệp PTSC Offshore, thuộc Công ty PTSC - đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

2001 - đến nay

Tổng Giám đốc PV Drilling

Trình độ chuyên môn

1984

Kỹ sư khoan Dầu khí

2005

Tiến sĩ Địa chất Dầu khí

Được đào tạo và trưởng thành trong lĩnh vực khoan dầu khí, ông Khanh có 26 năm kinh nghiệm trong ngành với hơn 18 năm giữ vai trò quản lý, đặc biệt từng giữ chức vụ lãnh đạo Công ty Odfjell - liên doanh khoan uy tín giữa Việt Nam và Na Uy. Ông đã lãnh đạo PV Drilling từ ngày đầu thành lập PTSC Offshore - tiền thân của PV Drilling, và là người đã xây dựng và đồng hành cùng sự lớn mạnh của thương hiệu PV Drilling - nhà thầu khoan đầu tiên của Việt nam đạt đẳng cấp quốc tế. Với cương vị là Tổng Giám đốc PV Drilling, ông chịu trách nhiệm điều hành chung toàn Tổng Công ty, định hướng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển của Tổng Công ty.



Ông Phạm Tiến Dũng

Phó Tổng Giám đốc Thường trực - PV Drilling

Quá trình công tác

1992 - 1997

làm việc tại các công ty dịch vụ dầu khí đa quốc gia (Singapore, Úc, Thái Lan...)

1997 - 2001

Xưởng trưởng Xưởng Cơ khí của PTSC Offshore

2001 - 2005

Giám Đốc Xí nghiệp Khoan Dầu khí thuộc PV Drilling

2005 - 2009

Phó Tổng Giám Đốc PV Drilling kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điều hành Khoan

2009 - đến nay

Phó Tổng Giám đốc Thường trực PV Drilling

Trình độ chuyên môn

1988 Kỹ sư Cơ khí

Gia nhập ngành dầu khí từ năm 1992, với nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các công ty dầu khí đa quốc gia, uy tín trên thế giới, ông Dũng là người đã xây dựng và phát triển thành công dịch vụ xưởng cơ khí cho PTSC Offshore - tiền thân của PV Drilling, sự thành công trong các hoạt động của xưởng cơ khí đã tạo tiền đề cho PV Drilling thực hiện các dự án đầu tư giàn khoan sau này. Ông Dũng hiện đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc thường trực PV Drilling, phụ trách công tác điều hành sản xuất và phát triển kinh doanh.



Bà Hồ Ngọc Yến Phương

Phó Tổng Giám đốc - PV Drilling

Quá trình công tác

1993 - 1995

Kế toán tại Tổng Công ty Nông Thổ sản (Agrimex)

1995 - 1998

Kế toán trưởng Công ty FDI VMEP (nay là Công ty SYM)

1998 - 2000

Phó Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán Công ty VMEP - SYM

2000 - 2003

Financial Controller của Công ty Holcim Việt Nam

2003 - 2007

Giám đốc Tài chính (CFO) Công ty S Telecom (Sfone)

2007 - 2008

Trưởng phòng Tài chính Chứng khoán - Giám đốc Tài chính PV Drilling

2008 - đến nay

Phó Tổng Giám đốc PV Drilling

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Tài chính Kế toán Quốc tế tại Trường Đại học Swinburne, Úc.

Với 15 năm kinh nghiệm làm quản lý trong lĩnh vực tài chính - kế toán tại các công ty lớn, bà Phương gia nhập PV Drilling từ năm 2007. Bà là người chỉ đạo triển khai thành công hệ thống quản trị doanh nghiệp tại PV Drilling, giúp cải thiện và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp. Hiện bà Phương đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc PV Drilling, phụ trách công tác tài chính, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin; quản lý quy trình/hệ thống quản trị doanh nghiệp và công tác quan hệ cổ đông của Tổng Công ty.



Ông Trần Văn Hoạt

Phó Tổng Giám đốc - PV Drilling

Quá trình công tác

1983 - 1987

Đốc công khoan tại công ty Dầu khí I Thái Bình;

1987 - 2001

Chánh kỹ sư và Giàn trưởng giàn khoan tự nâng Cửu Long Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro;

2001 - đến nay

Phó Tổng Giám Đốc PV Drilling

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư khoan Dầu khí năm 1982

Kỹ sư khoan dầu khí nâng cao tại Liên Xô cũ.

Ông Hoạt có 26 năm kinh nghiệm trong ngành dầu khí, đặc biệt là kinh nghiệm trong quản lý và điều hành giàn khoan tự nâng. Ông đã tham gia vào ban lãnh đạo PV Drilling từ ngày đầu thành lập. Hiện ông Hoạt đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc PV Drilling, phụ trách công tác nội chính và là chủ tịch Hội đồng thẩm định các dự án đầu tư của PV Drilling.



Tiến Sĩ Văn Đức Tông

Phó Tổng Giám đốc - PV Drilling

Quá trình công tác

1981 - 1982

Chuyên viên cơ khí thiết bị khoan tại Công ty Dầu khí I Thái Bình;

1982 - 1984

Cán bộ Trường Đào tạo CBCN tại XNLD Vietsovpetro, Vũng Tàu;

1984 - 1987

Kỹ sư trưởng XNLD Vietsovpetro (VSP);

1987 - 2002

Phó Giàn cơ khí Xí nghiệp Khoan VSP; Phó phòng cơ khí XN khoan VSP; Trưởng phòng cơ khí XN khoan VSP; Trưởng phòng Cơ khí-điện-Tự động hóa Liên Doanh VSP;

2002 - đến nay

Phó Tổng Giám đốc PV Drilling

Trình độ chuyên môn

1981

Tiến sĩ Thiết bị công nghệ chế tạo máy khoan và Khai thác dầu khí tại Rumani.

Ông Tông có 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cơ khí thiết bị khoan và khai thác dầu khí. Ông là một trong những chuyên gia của Việt nam am hiểu sâu rộng trong lĩnh vực đóng giàn khoan, ông đã trực tiếp tham gia chỉ đạo các dự án đóng giàn khoan của PV Drilling cho đến khi đưa giàn vào hoạt động thành công. Hiện ông là Phó Tổng Giám Đốc PV Drilling, trực tiếp hỗ trợ Tổng Giám Đốc trong công tác quản lý dự án đối với giàn khoan và hỗ trợ triển khai công tác đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn.



Ông Hồ Vũ Hải

Phó Tổng Giám đốc - PV Drilling
Giám đốc Xí nghiệp Điều hành Khoan

Quá trình công tác

1994 - 2001

Đội trưởng đội ứng cứu tràn dầu thuộc Xí nghiệp PTSC Offshore - đơn vị thành viên Công ty PTSC

2001 - 2006

Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Ứng cứu Sự cố Tràn dầu - đơn vị thành viên PV Drilling

2006 - 2007

Giám đốc Xí nghiệp Khoan - đơn vị thành viên PV Drilling

2007 - 2008

Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí Biển PVD (PVD Offshore) trực thuộc PV Drilling

2008 - 2009

Phó Tổng Giám đốc PV Drilling, kiêm Giám đốc Công ty PVD Offshore

2009 - đến nay

Phó Tổng Giám đốc PV Drilling, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điều hành Khoan

Trình độ chuyên môn

1992

Kỹ sư điều khiển tàu biển

Gia nhập PV Drilling từ những ngày còn là PTSC Offshore, ông Hải là người quản lý và phát triển thành công dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu cho PV Drilling. Với 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí, hiện ông Hải đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc PV Drilling, trực tiếp đảm nhiệm công tác điều hành các giàn khoan của Tổng Công ty và đồng thời là Giám đốc Xí nghiệp điều hành khoan thuộc Tổng Công ty.



Ông Đào Ngọc Anh

Phó Tổng Giám đốc, PV Drilling

Quá trình công tác

1987 - 1994

Nhân viên phòng Phương tiện Nổi - Công ty Xuất Nhập Khẩu Thiết bị & Kỹ Thuật Dầu khí, PETECHIM

1994 - 2001

Phó phòng Nhập Công ty Thương Mại Dầu khí, PETECHIM

2001 - 2003

Phó phòng Vận Tải Dầu khí Công ty Thương Mại Dầu khí, PETECHIM

2003 - 2008

Trưởng phòng Nhập Công ty Thương Mại Dầu khí, PETECHIM

2008 - 2009

Trưởng phòng Quản lý Dự án & Xây dựng cơ bản, PV Drilling

12/2009 - đến nay

Phó Tổng Giám Đốc PV Drilling

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Thiết bị Động lực Tàu thủy, Trường Đại học Đóng Tàu Leningrad, Liên Xô.

Với 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí, trong đó hơn 18 năm kinh nghiệm trong quản lý dự án dầu khí và trong lĩnh vực thương mại hợp đồng dầu khí, hiện ông Đào Ngọc Anh đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc PV Drilling, phụ trách các vấn đề thương mại, đầu tư và quản lý các dự án của Tổng Công ty.



Ông Đoàn Đắc Tùng

Kế toán trưởng - PV Drilling

Quá trình công tác

1998 - 2001

Phụ trách công tác kế toán cho Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển (PTSC Offshore) - đơn vị thành viên Công ty PTSC

2002 - 2006

Phó phòng Tài chính - Kế toán của PV Drilling

2006 - đến nay

Kế toán trưởng PV Drilling

Trình độ chuyên môn

1994

Cử nhân kinh tế của Trường Đại học Tài chính Kế toán

Gia nhập và đảm nhiệm vị trí Kế toán trưởng PTSC Offshore - tiền thân PV Drilling vào năm 1998. Ông Tùng đã có hơn 8 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực kế toán, ông giữ chức vụ Kế toán trưởng PV Drilling kể từ khi công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty đại chúng vào năm 2006 cho đến nay.

Kế toán trưởng

Giới Thiệu Tổng Công Ty



Những sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của PV Drilling:

2001

Đánh dấu sự ra đời của PV Drilling, tiền thân là Xi nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển (PTSC Offshore) thuộc Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC). PV Drilling ngày đầu thành lập có 3 Xi nghiệp: Xi nghiệp Khoan dầu khí, Xi nghiệp Dịch vụ

Kỹ thuật giếng khoan và Xi nghiệp Dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu. Việc thành lập PV Drilling là chủ trương tập trung xây dựng và phát triển các loại hình dịch vụ kỹ thuật dầu khí chuyên sâu của Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam.

2004 2005

PV Drilling thành lập Xi nghiệp Địa vật lý giếng khoan Dầu khí nay là Công ty TNHH Một thành viên Địa vật lý giếng khoan Dầu khí (PVD Logging), đơn vị triển khai thành công các dịch vụ kỹ thuật cao (karota, slickline, thử vỉa...), góp phần vào sự thành công chung của chiến lược phát triển PV Drilling.

Bộ Công nghiệp ban hành quyết định số 3477/QĐ-BCN phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí thành công ty cổ phần, là một trong những công ty cổ phần đầu tiên của ngành dầu khí Việt Nam.

“Tự hào là người tiên phong của ngành khoan dầu khí Việt nam, trong những năm qua PV Drilling không ngừng nỗ lực phát triển hướng đến mục tiêu trở thành nhà thầu khoan và cung cấp dịch vụ khoan tin cậy và có uy tín trên thế giới.”



2006

Cổ phiếu của PV Drilling với mã chứng khoán “PVD” chính thức được niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam và luôn là cổ phiếu blue chip dành được sự quan tâm của đông đảo nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước. Vốn điều lệ ban đầu của PV Drilling tại thời điểm này là 680 tỷ đồng, PV Drilling cũng là công ty dầu khí đầu tiên giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố

Hồ Chí Minh. Trong năm này, PV Drilling thành lập Xi nghiệp Thương mại & Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp nay là Công ty TNHH một thành viên Thương mại & Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PVD Tech), đơn vị triển khai thành công dịch vụ đầu giếng, đưa PV Drilling trở thành công ty Việt Nam đầu tiên có thể thực hiện dịch vụ này mà trước đây chỉ do các công ty nước ngoài đảm nhận.

2007 2008 2009

Giàn khoan PV DRILLING I và cũng là giàn khoan tự nâng đa năng đầu tiên do người Việt nam sở hữu 100% đã được khánh thành trong sự hân hoan chào đón của cả ngành khoan dầu khí Việt Nam, đánh dấu sự ra đời của một nhà thầu khoan trẻ tại Việt Nam - PV Drilling. Trong năm này, PV Drilling thành lập Xi nghiệp Điều hành khoan (PVD Drilling Division) thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động các giàn khoan của Tổng Công ty, đơn vị đã mang về nguồn thu lớn cho PV Drilling kể từ khi được thành lập và đi vào hoạt động.

Tiến hành sáp nhập Công ty cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam (PVD Invest) vào PV Drilling, đánh dấu sự kiện hai công ty đại chúng đầu tiên sáp nhập trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nâng giá trị tổng tài sản của Tổng Công ty lên đến 12.000 tỷ đồng và số vốn điều lệ của Tổng Công ty lên đến 2.105 tỷ đồng.

PV Drilling đưa vào vận hành thêm 2 giàn khoan biển tự nâng đa năng (jack up rig), đưa tổng số giàn khoan biển đang hoạt động lên 3 giàn và tiến hành đầu tư giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD), đặt viên gạch đầu tiên cho việc phát triển PV Drilling theo chiều sâu và rộng với mục tiêu trở thành nhà thầu khoan Việt Nam chuyên nghiệp, đẳng cấp quốc tế. Cũng trong năm này, PV Drilling nhận được nhiều giải thưởng cũng như đánh giá tích cực của cộng đồng trong và ngoài nước như: “Cổ phiếu vàng 2009”, Cúp vàng “Thương hiệu chứng khoán uy tín - 2009”.



Ngành nghề kinh doanh:

PV Drilling chuyên cung cấp giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật khoan phục vụ hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí trong và ngoài nước:

- Sở hữu & điều hành giàn khoan biển và đất liền.
- Dịch vụ thiết bị khoan.
- Đo karota khí và cung cấp chuyên gia địa chất.
- Kéo thả ống chống.
- Dịch vụ thiết bị đầu giếng.
- Ứng cứu sự cố dầu tràn.
- Sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định vật tư thiết bị và phương tiện chuyên ngành dầu khí.
- Đào tạo, cung cấp nhân lực khoan.
- Đào tạo công nhân kỹ thuật phục vụ ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác.
- Cung cấp vật tư, thiết bị cho ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác.
- Bảo trì thiết bị công nghiệp: lắp đặt, kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng các cụm thiết bị, và dây chuyền công nghiệp.
- Chế tạo ống chống, thiết kế chế tạo cụm thiết bị và kết cấu kim loại.
- Dịch vụ kỹ thuật khác hợp tác với các đối tác nước ngoài: Bơm trám xi măng và kích thích vỉa; Cung cấp dịch vụ trộn gói OCTG, sửa chữa bảo dưỡng OCTG; Thử vỉa và khai thác sớm, Khoan định hướng và khảo sát; Đo trong khi khoan; Lấy mẫu lõi; Đo địa vật lý giếng khoan (trừ dịch vụ đo karota khai thác); Treo đầu ống chống lừng; Cứu kẹt sự cố giếng khoan; Hóa chất và dung dịch khoan; Đại lý bán hàng cho hóa phẩm cho khai thác; Choàng khoan; Ép vỉa nhân tạo; Hoàn thiện giếng thông minh; Công nghệ khai thác mở.





Cơ cấu tổ chức

Hiện nay, PV Drilling và các đơn vị trực thuộc có tổng số cán bộ công nhân viên hơn 1.374 người và cơ cấu tổ chức của PV Drilling bao gồm văn phòng điều hành Tổng Công ty và các đơn vị thành viên như sau:

Các Công ty 100% vốn của PV Drilling:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan
[PVD Drilling Division](#)
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam
[PVD Invest](#)
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển
[PVD Offshore](#)
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí
[PVD Well Services](#)
- Công ty TNHH MTV Địa vật lý Giếng khoan Dầu khí
[PVD Logging](#)
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí
[PVD Tech](#)

Các Công ty Cổ phần và Liên doanh do PV Drilling góp vốn và điều hành:

- Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD
[PVD Training \(51%\)](#)
- Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling
[BJ-PV Drilling \(49%\)](#)
- Công ty Liên doanh Dịch vụ Dầu khí PV Drilling-PTI
[PV Drilling-PTI \(51%\)](#)
- Công ty TNHH Cần ống Khoan dầu khí Việt Nam
[PVD Tubulars Management \(51%\)](#)
- Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes
[PV Drilling- Baker Hughes \(51%\)](#)

Giới Thiệu Các Đơn Vị Thành Viên



Xí nghiệp Điều hành Khoan

PVD Drilling Division

Là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty PV Drilling, với chức năng nhiệm vụ chính là điều hành hoạt động các giàn khoan của Tổng Công ty.

Năm 2009 đã đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của Xí nghiệp Điều hành Khoan với việc giàn khoan PV DRILLING I được Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế (IADC) công nhận liên tục hai năm vận hành an toàn hiệu quả đạt hiệu suất sử dụng cao 99,74% và tiếp nhận đưa vào vận hành an toàn thêm hai giàn khoan tự nâng PV DRILLING II và PV DRILLING III trước thời hạn. Đây là hai giàn khoan thuộc thế hệ mới, được đầu tư với công nghệ hiện đại và trang bị các thiết bị tiên tiến.

Với mức doanh thu 1.400 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là 505 tỷ đồng, Xí nghiệp đã đóng góp phần đáng kể vào

tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2009 của PV Drilling. Mặc dù doanh thu của Xí nghiệp Điều hành Khoan chỉ chiếm 34% trong tỷ trọng tổng doanh thu nhưng mức lợi nhuận trước thuế của đơn vị chiếm hơn 55% tổng lợi nhuận của PV Drilling, là đơn vị mang lại lợi nhuận cao nhất cho Tổng công ty trong năm 2009 cũng như các năm tiếp theo khi mà các giàn khoan được đưa vào hoạt động hết công suất.

Năm 2010 Xí nghiệp Điều hành Khoan sẵn sàng và tự tin đón nhận nhiệm vụ cùng với những thử thách mới với những giếng khoan có độ sâu, dài và phức tạp hơn, từng bước khẳng định thương hiệu của PV Drilling trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ khoan ở Việt Nam cũng như trong khu vực.



Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu khí biển PVD

PVD Offshore

Là đơn vị hạch toán độc lập với 100% vốn sở hữu của PV Drilling. Năm 2009, PVD Offshore đóng góp 405 tỷ đồng doanh thu và 162 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của PV Drilling. So với năm 2008, doanh thu và lợi nhuận trước thuế của PVD Offshore tăng trưởng đáng kể, cụ thể doanh thu năm 2009 tăng 97 tỷ đồng hay 31% và lợi nhuận trước thuế vượt 74 tỷ đồng tương đương 84%. Có thể nói sự thành công này bắt đầu từ một chiến lược kinh doanh đúng đắn, đó là tiếp tục duy trì sự phát triển trong đó tập trung vào 3 mảng dịch vụ thế mạnh, cụ thể:

Đối với dịch vụ cung ứng nhân lực khoan

PVD Offshore đã xây dựng được một đội ngũ trên 600 nhân lực khoan lành nghề và đã qua các khóa đào tạo chuyên nghiệp. Hiện Công ty đang đảm nhận cung ứng các vị trí/chức danh làm việc trên giàn khác nhau cho hầu hết

các giàn khoan/tàu khoan hoạt động tại Việt Nam và một số giàn khoan hoạt động trong khu vực Đông Nam Á.

Về dịch vụ sửa chữa, kiểm định và bảo dưỡng các thiết bị khoan dầu khí: trong năm 2009, PVD Offshore đã tiếp tục duy trì được tốc độ phát triển mạnh và đã chiếm lĩnh được phần lớn thị phần cho loại hình dịch vụ này tại Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn nghiên cứu phát triển thêm một số dịch vụ mới như chế tạo container, crossover sub, cáp nâng hạ chuyên dụng cho các giàn khoan, kiểm tra thiết bị nâng trên các giàn khoan,...

Dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu

Với đội ngũ nhân lực ứng cứu sự cố tràn dầu chuyên nghiệp cùng với việc đầu tư lớn các trang thiết bị chuyên dụng, Công ty luôn duy trì giữ vững thị phần dịch vụ hơn 90%.



Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Giếng khoan Dầu khí

PVD Well Services

Với 100% vốn sở hữu của PV Drilling và hạch toán độc lập, năm 2009 PVD Well Services tiếp tục giữ vững 100% thị phần ở các dịch vụ thế mạnh của mình như dịch vụ cho thuê thiết bị khoan, dịch vụ khoan định hướng, dịch vụ kéo thả ống chống và dịch vụ cứu kẹt sự cố giếng khoan...

Bên cạnh đó, để nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường khả năng phục vụ khách hàng, đối với dịch vụ kéo thả ống chống, PVD Well Services đã tiến hành đầu tư và đưa vào vận hành thành công thiết bị lác ống tự động (Derrickman Arm), là thiết bị có tính công nghệ cao & hiện đại, góp phần giảm thời gian kéo thả ống chống, đảm bảo an toàn cho nhân công và các khâu khác trong quá trình vận hành. Đồng thời, đơn vị cũng đang trong giai đoạn hoàn tất đầu tư mua mới bộ thiết bị kéo thả ống chống với mục tiêu đưa vào hoạt động sản xuất trong năm 2010, nâng cao năng lực kéo thả ống chống của công ty lên gấp 2 - 3 lần.

Đối với dịch vụ cho thuê thiết bị khoan, PVD Well Services đang tiến hành khảo sát và nghiên cứu kỹ thuật nhằm khởi động dự án mua mới bộ cần thử vỉa 3-1/2" và 4-1/4". Đây là bộ thiết bị nhận được rất nhiều đơn đặt hàng từ các khách hàng mà trước đây PVD Well Services chỉ đi thuê ngoài và chưa đầu tư thêm.

Năm 2009 là một năm thành công của PVD Well Services nhờ vào những cố gắng và nỗ lực trong việc phát triển các dịch vụ thế mạnh, tìm tòi và nghiên cứu thị trường tiềm năng. Doanh thu PVD Well Services đạt được năm 2009 là 735 tỷ đồng, đóng góp 18% vào doanh thu của Tổng Công ty PV Drilling. Lợi nhuận trước thuế mang lại vào khoảng 79 tỷ đồng, chiếm 9% trong tổng lợi nhuận mà PV Drilling đạt được trong năm 2009. So với năm 2008 doanh thu cao hơn 15% và lợi nhuận trước thuế cao hơn 70%.

Công ty TNHH MTV Địa vật lý Giếng khoan Dầu khí

PVD Logging

Đây cũng là một trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu của PV Drilling và hạch toán độc lập, chuyên về các dịch vụ kỹ thuật cao như: đo karota khí, cung cấp chuyên gia địa chất, đo địa vật lý giếng khoan và thử vỉa... Trong năm 2009 PVD Logging đã gia tăng thị phần dịch vụ Mud Logging lên đến 80% và 40% thị phần dịch vụ Slickline, mang về doanh thu và lợi nhuận cao cho công ty.

Năm 2009 cũng là năm phát triển vượt bậc đối với PVD Logging, doanh thu đạt 837 tỷ đồng, tăng 51% so với năm 2008 và lợi nhuận trước thuế đạt 78 tỷ đồng tăng 99% so với năm 2008. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế đóng góp vào tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty PV Drilling lần lượt là 20% và 8%.

Nhờ vào việc duy trì đầu tư vào các dịch vụ kỹ thuật cao có tỷ suất lợi nhuận cao như Mud Logging, Slickline, Wellsite Geologist nên PVD Logging đã đạt được những kết quả khả quan nêu trên. Trong năm những năm tới, PVD Logging tiếp tục đầu tư vào dịch vụ Mud logging và Slickline để từng bước chiếm lĩnh thị phần dịch vụ tại Việt Nam và mở rộng ra nước ngoài.



Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí

PVD TECH

Do PV Drilling sở hữu 100% vốn và hạch toán độc lập, PVD Tech năm 2009 đã đạt được mức doanh thu là 719 tỷ đồng, tăng nhẹ (2%) so với doanh thu của năm 2008, nhưng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 37 tỷ đồng, cao hơn 63% so với năm trước chủ yếu được đóng góp từ dịch vụ mới – dịch vụ hàn ống Conductor. Ngoài ra, hoạt động hiệu quả của dịch vụ cho thuê & vận hành thiết bị đầu giếng và giảm chi phí phát sinh của Xưởng Đồng Xuyên so với năm 2008 do Xưởng đã đi vào hoạt động tạo ra doanh thu và lợi nhuận ổn định cũng là một trong những nhân tố góp phần gia tăng mức lợi nhuận cho đơn vị.

Bên cạnh việc ổn định dịch vụ thương mại dầu khí, dịch vụ đóng góp chủ yếu (80%) trong tổng doanh thu của PVD Tech, Công ty đã tập trung phát triển các dịch vụ đầu giếng, mudline và thiết kế chế tạo trong năm 2009. Về mảng dịch vụ đầu giếng, do đã đầu tư đầy đủ thiết bị cùng với nguồn

nhân lực được đào tạo và có nhiều kinh nghiệm đến nay đơn vị đã đáp ứng được hầu hết nhu cầu của khách hàng và chiếm lĩnh hơn 90% thị phần dịch vụ trong nước.

Đối với dịch vụ hàn ống Conductor, PVD Tech là đơn vị duy nhất trong ngành đã đầu tư đồng bộ nhà xưởng và dây chuyền hàn ống tự động theo công nghệ của Oil States và hoàn toàn chủ động cung cấp dịch vụ cung cấp ống chống trọn gói.

Hiện nay, PVD Tech đang đầu tư mở rộng nhà xưởng phát triển dịch vụ thiết kế chế tạo các cụm thiết bị cho các công trình dầu khí trong và ngoài biển, đồng thời xây dựng chiến lược đào tạo phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và cung cấp dịch vụ tốt nhất với chất lượng cao nhất cho khách hàng.



Công ty CP Đào tạo Kỹ thuật PVD

PVD Training

Với 51% vốn điều lệ của PV Drilling, Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (PVD Training) hiện là đối tác độc quyền của Viện Công nghệ hàn Vương Quốc Anh (TWI) tại Việt Nam và Công ty đào tạo an toàn SeaTag Offshore Newzeland, chuyên cung cấp các khóa đào tạo và cấp chứng chỉ trong lĩnh vực an toàn và chuyên ngành kỹ thuật cao cho ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác như đào tạo kỹ sư/chuyên viên giám sát chất lượng công tác hàn; đào tạo kỹ năng giàn giáo công nghiệp, lái cầu, móc cáp treo hàng, tổ chức đào tạo và thi thợ hàn cấp chứng chỉ quốc tế; đào tạo an toàn biển.... Bên cạnh việc chuyên sâu về đào tạo, PVD Training cũng tập trung phát triển dịch vụ cung ứng nhân lực cũng như mở rộng thêm các dịch vụ gia công chế tạo các kết cấu kim loại vừa và nhỏ trong năm 2009.

Ngoài ra, trong năm 2009 PVD Training đã hoàn thành quy hoạch tổng thể mặt bằng công ty và hoàn thiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bao gồm tòa nhà văn phòng, phòng học, trang thiết bị giảng dạy, tạo tiền đề để công ty ổn định và phát triển trong tương lai. Năm 2009 có thể được nhìn nhận là một năm tự hoàn thiện để phát triển của PVD Training, với mức tăng trưởng 19% về doanh thu so với năm 2008, đạt được 39 tỷ đồng doanh thu và mang lại 7 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế cho PVD Training trong năm 2009 và đóng góp 3 tỷ đồng vào lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty PV Drilling. Tuy đóng góp vào Tổng công ty một mức lợi nhuận nhỏ nhưng vai trò và mục tiêu của PVD Training trong chiến lược đào tạo nguồn nhân lực của PV Drilling lại mang lại ý nghĩa rất lớn cho sự phát triển chung của Tổng công ty.

Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ – PV Drilling

BJ- PVD

Là liên doanh giữa PV Drilling và BJ trong đó PV Drilling góp vốn 49%. Tính cho cả năm 2009, Liên doanh đã đạt được hơn 482 tỷ đồng và 96 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, đóng góp vào lợi nhuận thuần của PV Drilling là 47 tỷ đồng. Đạt được kết quả này là nhờ sự tăng trưởng của hoạt động thử vỉa (fracturing job) với hợp đồng cung cấp cho Petronas, tăng cung cấp dịch vụ coiled tubing và cementing cho XNLD Vietsovpetro và khách hàng mới Sentos trong 6 tháng đầu năm 2009.





Công ty Liên doanh Dịch vụ Dầu khí PV Drilling - PTI

PVD - PTI

Là liên doanh giữa PVD Logging và PTI, trong đó PVD Logging đóng góp 51%. Liên doanh PVD – PTI mới đi vào thành lập đầu năm 2008 với các dịch vụ cung cấp ban đầu là dịch vụ thử vỉa và dịch vụ khai thác sớm. Kết quả đạt được bước đầu còn khá khiêm tốn với 51 tỷ đồng doanh thu và đạt được hơn 8 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế năm 2009, đóng góp 4 tỷ vào lợi nhuận sau thuế cho Tổng công ty PV Drilling.



Công ty TNHH Cần ống khoan Dầu khí Việt Nam

PVD Tubulars Management

Là liên doanh giữa PVD Tech với Công ty Marubeni của Nhật, trong đó PVD Tech nắm 51% vốn chủ sở hữu. Công ty được thành lập với mục tiêu cung cấp trọn gói dịch vụ quản lý ống chống nhằm giảm bớt khó khăn và rủi ro cho khách hàng trong việc tự đảm nhận mọi công việc mua bán và quản lý ống chống. Liên doanh PVD Tubular với hơn 6 hecta nhà xưởng đang được đầu tư ở Khu Công Nghiệp Phú Mỹ với mong muốn thực hiện chiến lược gia công ren nội địa tại Việt Nam. Trong năm 2009, dịch vụ quản lý ống chống của PVD Tech và liên doanh PVD Tubular cũng đã được những bước tăng trưởng đáng kể. Doanh thu đạt được gần 101 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế với hơn 5 tỷ đồng, từ đó chia lợi nhuận cho PV Drilling khoảng 2,6 tỷ cho năm 2009.



Các Sự Kiện Tiêu Biểu Trong Năm 2009

2009

Ngày 10 Tháng 03

Giàn khoan PV DRILLING I được Hiệp hội các nhà thầu khoan quốc tế (IADC) công nhận liên tục 2 năm vận hành an toàn (LTI free) với hiệu suất 99,9%.

2009

Ngày 11 Tháng 10

Tại Hà Nội, PV Drilling vinh dự được Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam trao tặng giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” năm 2009.

2009

Ngày 29 Tháng 05

PV Drilling vinh dự được trao tặng giải thưởng “Cổ phiếu vàng Việt Nam năm 2009” do hội đồng chuyên môn bao gồm các chuyên gia tài chính đã chọn ra 19 mã cổ phiếu trong tổng số 361 cổ phiếu trên hai sàn Hà Nội và TP HCM để trao giải.

2009

Ngày 19 Tháng 11

Tại Thành phố Vũng Tàu, PV Drilling ký kết hợp đồng cung cấp dài hạn dịch vụ giàn khoan PV DRILLING III cho XNLD Vietsovpetro; hợp đồng cung cấp giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) cho Công ty dầu khí Biển Đông ngay sau khi giàn khoan này được hoàn tất đóng mới, đồng thời, triển khai ký kết hợp đồng đóng mới giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) với nhà thầu Keppel FELS, đánh dấu bước phát triển PV Drilling theo chiều sâu và rộng.

2009

Ngày 04 Tháng 09

PV Drilling hoàn tất thủ tục sáp nhập Công ty cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam (PVD Invest) vào PV Drilling sau khi nhận được giấy phép của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

2009

Còn là năm PV Drilling tiến hành ký kết thành công các hợp đồng cung cấp giàn khoan cho các khách hàng như JVPC, Bạch Đằng, Phú Quý...

2009

Ngày 09 Tháng 09

Tại Singapore, PV Drilling tổ chức Lễ đặt tên cho 02 giàn khoan biển tự nâng đa năng PV DRILLING II và PV DRILLING III, tạo ra kỷ lục mới cho lịch sử ngành đóng giàn khoan trên thế giới do đây là lần đầu tiên một công ty có đến 2 giàn khoan tự nâng được đặt tên cùng một lúc. Hai giàn khoan sau khi được hoàn thành đã được đưa vào hoạt động an toàn và hiệu quả tại Việt Nam.

Năm 2009 đã ghi dấu những sự kiện quan trọng sẽ là những cột mốc lịch sử xuyên suốt quá trình phát triển của PV Drilling.



Báo Cáo Của Hội Đồng Quản Trị



Tổng Quan Tình Hình Kinh Tế Năm 2009

Năm 2009, trước tình hình khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới, Việt Nam đã chuyển sang mục tiêu ngăn chặn suy giảm kinh tế và duy trì sự ổn định kinh tế vĩ mô. Kinh tế Việt Nam năm 2009 bên cạnh những điểm sáng thể hiện thành tựu đạt được vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế và thách thức.

Theo Tổng cục Thống kê, GDP của Việt Nam tăng 5,32% trong năm 2009, cao hơn kế hoạch đề ra 5%. Năm 2009, vốn đầu tư toàn xã hội ước tính tăng 15,3% so với 2008 và bằng 42,8% GDP. Các quyết định 131/QĐ-TTg, 443/QĐ-TTg và 497/QĐ-TTg về hỗ trợ lãi suất 4% cho doanh nghiệp cả ngắn hạn lẫn trung hạn đã phát huy tác dụng rất lớn. Gần đây nhất là quyết định 2072/QĐ-TTg hỗ trợ lãi suất 2% đã tạo “bước đệm” cần thiết cho nền kinh tế. Nguồn vốn tập trung đúng hướng là yếu tố then chốt giúp kinh tế Việt Nam giảm thiểu được tác động của suy thoái và từng bước phục hồi vững chắc.

Trong nhiều năm trở lại đây, Ngân hàng nhà nước (NHNN) Việt Nam kiên trì chính sách ổn định đồng tiền Việt Nam so với đồng đô la Mỹ. Diễn biến tỷ giá trong năm 2009 là tương đối phức tạp. Càng về cuối năm tỷ giá càng biến động và mất giá mạnh, thị trường ngoại hối luôn có biểu hiện căng thẳng, đồng thời USD tín dụng thì thừa, USD thương mại thì thiếu. Các ngân hàng không có ngoại tệ để bán cho doanh nghiệp và nếu có bán thì mức tỷ giá cũng cao hơn mức tỷ giá trần do NHNN quy định. Những bất ổn trên thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái đã tiếp tục gây ra những khó khăn cho hoạt động xuất nhập khẩu. Hơn nữa, đồng tiền mất giá còn ảnh hưởng đến lạm phát trong nước do giá hàng nhập khẩu tăng mạnh. Trong bối cảnh lạm phát có xu hướng gia tăng và tình không ổn định trên thị trường tiền tệ, đòi hỏi cần phải có sự lựa chọn linh hoạt cơ chế điều hành tỷ giá để đạt được mục tiêu kiềm chế lạm phát và ổn định thị trường tiền tệ. Vì vậy, đến ngày 25/11/2009 Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh nâng tỷ giá ngoại tệ liên ngân hàng lên 5,4% từ 17.034 VNĐ/USD lên 17.961 VNĐ/USD và tăng biên độ từ + 3% lên + 5%.

Giá dầu thô trên thị trường thế giới trong năm 2009 đã chạm đáy, có lúc chỉ 37 USD/thùng vào tháng 2/2009 so với giá dầu thô đạt kỷ lục là 147 USD/thùng vào thời điểm tháng 07/2008. Đến cuối năm 2009, giá dầu thô đã phục hồi và dao động từ mức USD 76 - USD 82/thùng.

Vượt qua những nghi ngại về ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu cũng như giá dầu thô giảm mạnh trên thị trường thế giới, PV Drilling vẫn hoạt động thành công và bền vững trong năm 2009.



Hoạt Động Kinh Doanh Của PV Drilling Năm 2009

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ khoan với giá cao đã hết hạn trong năm 2009 như Hợp đồng cung cấp giàn khoan PV DRILLING I cho Hoàn Vũ JOC với giá thuê 215.000 USD/ngày hết hạn vào tháng 3/2009 và được gia hạn đến tháng 5/2009; hợp đồng cung cấp giàn khoan PV DRILLING I cho Vietgazprom từ tháng 5/2009 đến tháng 8/2009 với giá thuê 225.000 USD/ngày.

Cuối tháng 9/2009, giàn khoan PV DRILLING II đã được hoàn tất và đưa vào hoạt động cho Bạch Đằng POC vào tháng 10/2009 góp phần bổ sung phần giảm sút của doanh thu và lợi nhuận dịch vụ khoan do ảnh hưởng của việc giảm giá cho thuê giàn khoan trong Quý 4/2009. Giàn khoan PV DRILLING III cũng được nỗ lực hoàn tất vào đầu tháng 12/2009, sớm hơn dự kiến một tháng nhưng không thể đưa ngay vào hoạt động cho Liên doanh Vietsovpetro do điều kiện thời tiết.

Việc sáp nhập công ty con PVD Invest (51% vốn) vào PV Drilling đã hoàn tất trong năm 2009 giúp cho PV Drilling cùng lúc sở hữu 3 giàn khoan biển tự nâng, nâng cao vị thế và năng lực cạnh tranh, trở thành Công ty niêm yết có tiềm lực lớn mạnh trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Giá dầu thô trên thế giới giảm sâu vào đầu năm 2009 đã ảnh hưởng đến giá cho thuê các giàn khoan. Tuy nhiên việc ảnh hưởng của giá dầu đến giá thuê giàn khoan có độ trễ nhất định khoảng 6 tháng đến 1 năm nên giá thuê giàn khoan trong quý 4 năm 2009 đã giảm đáng kể, còn khoảng 150.000 USD/ngày so với trên 200.000 USD/ngày trước đây.

Việc giá dầu thô giảm đã ảnh hưởng đến kế hoạch khoan của các Công ty dầu khí. Trong lúc nền kinh tế khủng hoảng và giá dầu thấp, ngân sách đầu tư của các công ty này giảm nên nhiều chiến dịch khoan thăm dò, khai thác đã được trì hoãn hay hủy bỏ nhằm giảm thiểu chi phí và duy trì hoạt động. Vì vậy, các dịch vụ liên quan đến khoan khác của PV Drilling cũng bị ảnh hưởng, nhiều hợp đồng kết thúc sớm hơn dự kiến, sức ép giảm giá các dịch vụ từ khách hàng cũng gia tăng.

NHNN Việt Nam điều chỉnh tăng tỷ giá liên ngân hàng VNĐ/USD vào cuối tháng 11/2009 đã làm phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá khoảng 150 tỷ đồng cho PV Drilling, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của PV Drilling.



Kết Quả Kinh Doanh Năm 2009

Vượt qua những nghi ngại về ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu cũng như giá dầu thô giảm mạnh trên thị trường thế giới, Tổng Công ty PV Drilling vẫn hoạt động thành công và bền vững trong năm 2009 thông qua các chỉ số tài chính dưới đây:

Các chỉ số tài chính	Đơn vị tính	2009	2008	2007	2006
----------------------	-------------	------	------	------	------

Kết quả hoạt động kinh doanh

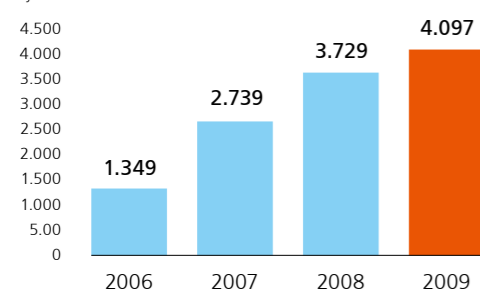
Doanh thu	tỷ đồng	4.097	3.729	2.739	1.349
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	926	929	580	162
Lợi nhuận sau thuế (của cổ đông của Công ty Mẹ)	tỷ đồng	815	892	572	116

Hiệu quả hoạt động kinh doanh

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	%	22,60	24,91	21,17	11,98
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	19,88	23,92	20,88	8,63
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (số CP bình quân) - EPS	đồng	5.865	7.183	6.192	1.712
Số lượng cổ phiếu cuối kỳ	triệu	210,51	132,17	110,14	68,00
Tỷ lệ cổ tức sau khi trích lập các quỹ	%	38,68	49,57	38,51	14,00

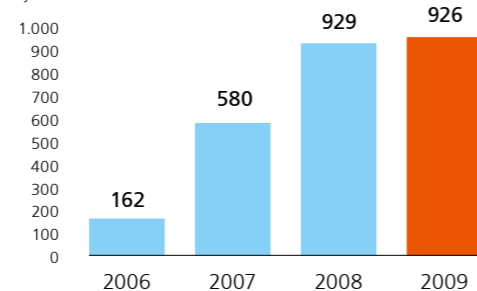
Doanh thu

Tỷ VNĐ / Năm



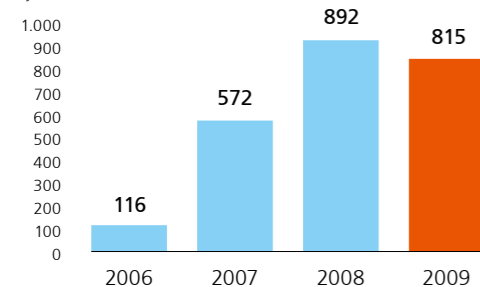
Lợi nhuận trước thuế

Tỷ VNĐ / Năm



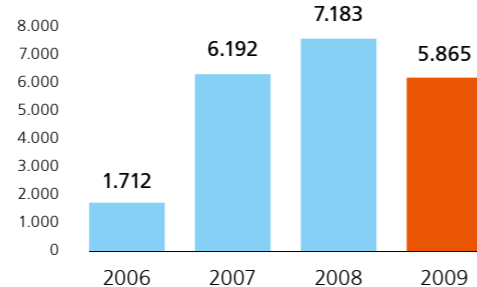
Lợi nhuận sau thuế

Tỷ VNĐ / Năm



Lãi cơ bản trên cổ phiếu

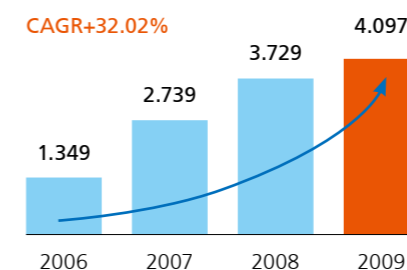
VNĐ / Năm



Chỉ số CAGR (tổng tăng trưởng trung bình hàng năm) tính trên doanh thu và lợi nhuận từ năm 2006 đến năm 2009 cho thấy PV Drilling tăng trưởng rất nhanh. Đối với doanh thu, chỉ số này đạt được 32% và lợi nhuận trước thuế ở mức ấn tượng 55%.

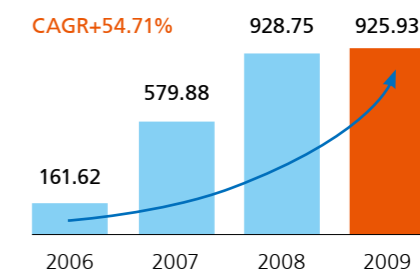
Xu hướng doanh thu

Tỷ VNĐ / Năm



Xu hướng lợi nhuận trước thuế

Tỷ VNĐ / Năm



Doanh Thu

Tuy năm 2009 cũng là một năm đầy khó khăn nhưng PV Drilling vẫn đạt được kết quả kinh doanh đáng khích lệ với 4.097 tỷ đồng doanh thu. So với năm 2008, doanh thu năm 2009 cao hơn 368 tỷ đồng, tương đương cao hơn 10%. PV Drilling đạt được kết quả khả quan như vậy chủ yếu là do giàn khoan PV DRILLING I vẫn tiếp tục duy trì hiệu suất hoạt động cao 99,74% với giá cho thuê tốt đến giữa Quý 3/2009. Bên cạnh đó việc giàn khoan PV DRILLING II được đưa vào hoạt động từ tháng 10/2009 đã hỗ trợ bù đắp doanh thu sụt giảm trong Quý 4/2009 do ảnh hưởng của việc giảm giá dầu. Ngoài ra, cùng với việc tăng trưởng vượt bậc của các Công ty con trong cung cấp các dịch vụ thế mạnh như cung ứng nhân lực, cơ khí, kéo thả ống chống, cho thuê thiết bị khoan,... việc tập trung phát triển các dịch vụ thiết kế chế tạo, cho thuê và vận hành thiết bị đầu giếng, đo karota khí, đo địa vật lý giếng khoan,... cũng như việc đưa ra dịch vụ mới như hàn ống conductor, cũng góp phần đóng góp vào sự tăng trưởng của doanh thu trong năm 2009.

Lợi Nhuận Trước Thuế

Lợi nhuận trước thuế PV Drilling đạt được năm 2009 là 926 tỷ đồng, giảm 3 tỷ đồng so với năm 2008 (0,3%) nhưng vượt 42 tỷ đồng (5%) so với kế hoạch 2009. Đạt được kết quả trên trong hoàn cảnh nền kinh tế chung vẫn đang từng bước vượt qua khủng hoảng, tiếp tục duy trì sự tăng trưởng của doanh thu trong năm 2009 bên cạnh việc kiểm soát chi phí hoạt động hợp lý và hiệu quả.

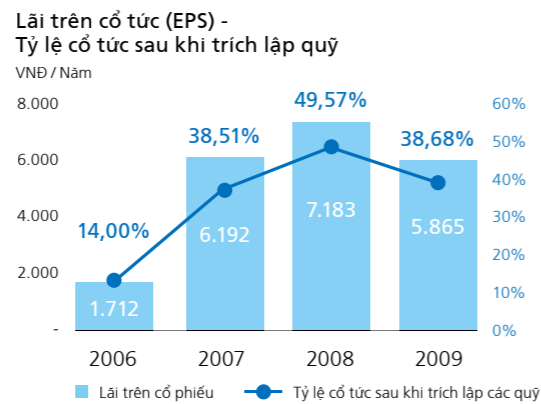
Lợi Nhuận Sau Thuế

Tổng công ty PV Drilling đã hoàn thành và vượt 2% kế hoạch năm 2009 với mức lợi nhuận sau thuế 815 tỷ đồng. Do trong năm 2009 PV Drilling chỉ được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp, không còn được miễn thuế như những năm trước nên lợi nhuận sau thuế giảm 77 tỷ đồng tương đương 8% so với năm 2008.

Cổ Tức

Thu nhập cơ bản trên cổ phiếu (EPS) của PV Drilling đạt được trong năm 2009 là 5.865 đồng, thấp hơn năm 2008 là 1.318 đồng. Lợi nhuận sau thuế năm 2009 thấp hơn năm 2008 là nguyên nhân chính đầu tiên dẫn đến việc giảm EPS. Ngoài ra, việc hoàn tất sáp nhập PVD Invest vào PV Drilling và tạm ứng cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu vào tháng 12/2009 đã nâng tổng số cổ phiếu của PV Drilling từ 132 triệu cổ phiếu lên 210 triệu cổ phiếu và làm giảm chỉ số EPS của năm 2009.

Cổ tức năm 2009: Với 815 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ, sau khi trích 26% cho các quỹ theo Điều lệ, lợi nhuận còn lại có thể chi trả cho cổ đông là 611 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ cổ tức có thể chi trả là 38,68%. So với năm 2008, tỷ lệ có thể chia cổ tức năm 2009 thấp hơn 10,89%. Vào tháng 12/2009, PV Drilling đã tạm ứng cổ tức 2009 cho cổ đông hiện hữu dưới hình thức chi trả bằng cổ phiếu với tỷ lệ 3:1 (mỗi cổ đông sở hữu 3 cổ phiếu được quyền nhận thêm 1 cổ phiếu mới) tương đương tỷ lệ trả cổ tức 33,33%. Phần cổ tức còn lại (84 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ cổ tức 5,35% trên mệnh giá), PV Drilling đã giữ lại để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.



Tuy nhiên, việc giảm sút EPS và cổ tức trong năm 2009 chỉ là ảnh hưởng trong ngắn hạn. Về dài hạn, các chỉ số này sẽ dần tăng cao do PV Drilling sở hữu cùng lúc 03 Giàn khoan tự năng đang hoạt động, nhờ lợi thế về thông hiểu kỹ thuật vận hành, sử dụng chung nguồn nhân lực, cơ sở hậu cần sẵn có nên sẽ tiết kiệm chi phí quản lý, nhân sự vận hành giàn khoan và tăng hiệu quả kinh doanh. Việc sáp nhập và đầu tư thêm giàn khoan sẽ tăng cường vị thế của PV Drilling, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của PV Drilling trước các đối thủ cạnh tranh có nhiều tiềm lực trong khu vực, từ đó góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh. Chính các yếu tố này khẳng định tương lai phát triển bền vững cho PV Drilling, nâng cao giá trị nội tại và từ đó làm tăng thị giá của cổ phiếu PVD.



Sáp Nhập PVD Invest Vào PV Drilling – Thương Vụ Sáp Nhập Thành Công Đầu Tiên Tại Việt Nam

Do mắc phải không ít những va vấp, khó khăn nên một số công ty tại Việt Nam trong những thương vụ sáp nhập đầu tiên đã không thành công. Trong số các thương vụ sáp nhập tại Việt Nam, trường hợp sáp nhập Công ty Đầu tư Khoan Dầu Khí Việt Nam (với 51% vốn của PV Drilling) vào Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu Khí (PV Drilling – mã cổ phiếu: PVD) là thương vụ thành công đầu tiên trong năm 2009, tạo được tiếng vang lớn trên thị trường chứng khoán. Đây là thương vụ sáp nhập theo chiều ngang diễn ra giữa hai Công ty đại chúng, có mối quan hệ Mẹ - Con, nhằm tạo ra một doanh nghiệp có vị thế tài chính mạnh, sức cạnh tranh cao, giảm thiểu chi phí quản lý và vận hành tiến tới đạt hiệu quả cao trong kinh doanh.



Sự thành công của thương vụ này là một minh chứng và là câu trả lời chính thức, cụ thể nhất của Ban Lãnh đạo hai công ty với các cổ đông, nhà đầu tư và tất cả những ai quan tâm và theo dõi diễn biến của việc sáp nhập từ những ngày đầu tiên cho câu hỏi: “Thương vụ sáp nhập này liệu có thành công?”.

Trước hết, để thành công, việc sáp nhập PVD Invest vào PV Drilling luôn được tuân thủ đúng theo quy định của Luật Chứng Khoán và Luật Doanh nghiệp trong quá trình thực hiện phát hành thêm 25,7 triệu cổ phiếu PVD để chuyển đổi sáp nhập PVD Invest cũng như các thủ tục khác để hoàn tất việc sáp nhập.

Kể đến, vai trò của cổ đông, đặc biệt là cổ đông của Công ty đại chúng lại càng trở nên quan trọng hơn. Sở dĩ, việc sáp nhập này thành công là nhờ vào sự đồng thuận của cổ đông cả 2 Công ty cũng như thông qua tỷ lệ chuyển đổi cổ phiếu và số vốn góp đầu tư giàn khoan do việc sáp nhập đáp ứng được sự mong đợi của cổ đông về quyền lợi lâu dài của cổ đông. Đó chính là sự gia tăng giá trị cổ phiếu PVD lâu dài và bền vững sau khi sáp nhập do PV Drilling sở hữu thêm 2 giàn khoan và tận dụng được lợi thế của việc đưa 2 giàn khoan vào hoạt động vào thời điểm cuối năm 2009 và lợi nhuận của PV Drilling được dự báo sẽ tăng lên đáng kể ở những năm tiếp theo khi mà tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam phục hồi. Bên cạnh đó, vụ sáp nhập mang lại cho nguồn vốn thặng dư trên 1.000 tỷ đồng cho các cổ đông và cơ hội để hưởng quyền chia cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư này khi lợi nhuận PV Drilling tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm sau.

Ngoài ra, việc sáp nhập này đã giải quyết bài toán khó khăn về tiềm lực tài chính của PVD Invest trong huy động vốn cho giàn khoan PV DRILLING III, mang lại cho PV Drilling một lợi thế đặc biệt trong hoạt động kinh doanh giàn khoan và đồng thời tránh những xung đột về lợi ích của cổ đông 2 Công ty trong tương lai khi mà PVD Invest sở hữu 2 giàn khoan và PV Drilling thực hiện việc điều hành hoạt động kinh doanh của 2 giàn khoan cho PVD Invest.

Sau khi sáp nhập, PV Drilling trở thành một công ty niêm yết có tiềm lực lớn mạnh trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Với những động thái tích cực của các nhà lãnh đạo trên toàn thế giới nhằm giải thoát tình hình tài chính – kinh tế ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay, đây cũng chính là cơ hội lớn cho PV Drilling thể hiện đẳng cấp nhà thầu khoan hàng đầu Việt Nam. Bên cạnh đó, việc sáp nhập đã tiết kiệm chi phí quản lý và nhân sự vận hành giàn khoan, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Về lâu dài, theo nhận định của giới phân tích, các cổ đông của cả hai Công ty đều được hưởng lợi từ lợi nhuận tăng trưởng của Tổng công ty khi thị trường tài chính thế giới hồi phục và thặng dư vốn vì sau khi sáp nhập, tiềm lực tài chính mạnh gấp đôi sẽ mang lại cơ hội vay vốn với các điều khoản vay vốn tốt hơn.

Ngoài ra, để thành công trong việc sáp nhập này, PV Drilling cũng đã ứng dụng chọn lọc phương pháp sáp nhập, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam nói chung và của Tổng Công ty nói riêng. Tuy nhiên, điểm nổi bật nhất mang lại thành công vang dội cho thương vụ sáp nhập này chính là sự quan tâm thực sự đến quyền lợi của cổ đông của Ban lãnh đạo PV Drilling. Chỉ có nỗi trăn trở đối với quyền lợi của nhà đầu tư mới giúp cho việc sáp nhập nhận được sự ủng hộ của các cổ đông, đồng lòng nhất trí trong việc sáp nhập để củng cố và xây dựng thương hiệu PV Drilling vững mạnh trong lòng khách hàng.

Chính những lý do trên đã giúp PV Drilling thành công trong thương vụ này - thương vụ sáp nhập hai Công ty đại chúng thành công đầu tiên tại Việt Nam. Điều đó thể hiện sự tiên phong trong mọi hoạt động của PV Drilling, phù hợp với khẩu hiệu cũng như tâm nhìn và sứ mệnh mà PV Drilling đã đề ra: **“PV Drilling – Người tiên phong của Ngành Khoan Dầu Khí Việt Nam”**.



Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc



Hoạt Động Sản Xuất Kinh Doanh Năm 2009

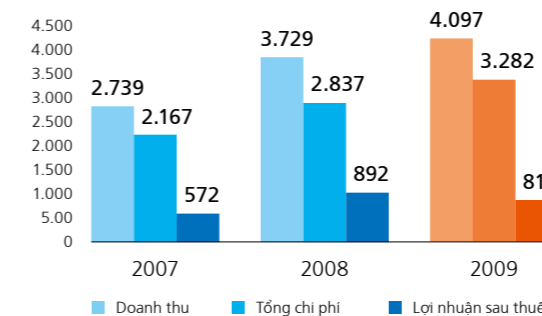
Kết quả sản xuất kinh doanh

Nếu năm 2007, PV Drilling chỉ đạt được 2.739 tỷ đồng doanh thu và 580 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế thì đến năm 2009, doanh thu đã tăng 50%, đạt 4.097 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế cũng gia tăng đáng kể, đạt 926 tỷ đồng, tăng 60% so với năm 2007, trong đó 71% đóng góp từ dịch vụ khoan và dịch vụ kỹ thuật giếng khoan. Trong thời gian sắp tới, khi cùng lúc vận hành 3 giàn khoan biển và 1 giàn khoan đất liền, tập trung đầu tư vào các dịch vụ kỹ thuật cao với tỷ suất sinh lợi lớn cũng như nâng cao tỷ lệ các dịch vụ tự cung tự cấp sẽ mang lại sự tăng trưởng hơn nữa về doanh thu và lợi nhuận cho PV Drilling.

Tổng Công ty hoạt động kinh doanh hiệu quả với tỷ suất lợi nhuận tương đối cao và duy trì qua các năm trên 20%. Mặc dù bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế, giá dầu thô và giá cho thuê giàn khoan giảm cùng với việc không còn được hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN như các năm trước, tình hình kinh doanh năm 2009 của PV Drilling khá khả quan, tỷ suất lợi nhuận sau thuế vẫn đạt 20% trên doanh thu. Tỷ suất lợi nhuận cao nhất đạt được vào năm 2008 với mức 24% do giá dầu thô đạt mức cao kỷ lục và các hợp đồng cho thuê giàn khoan đạt mức giá cao 215.000 USD/ngày.

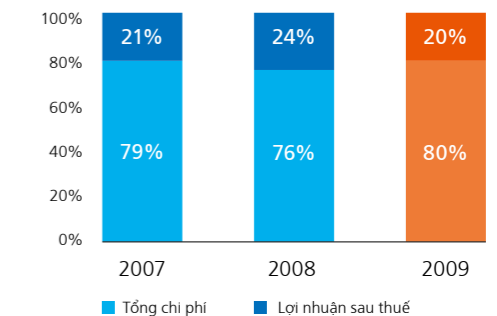
Cơ cấu doanh thu - chi phí - lợi nhuận sau thuế

Tỷ đồng/Năm



Tỷ trọng Chi phí - Lợi nhuận sau thuế trong doanh thu

Lợi nhuận sau thuế trong doanh thu

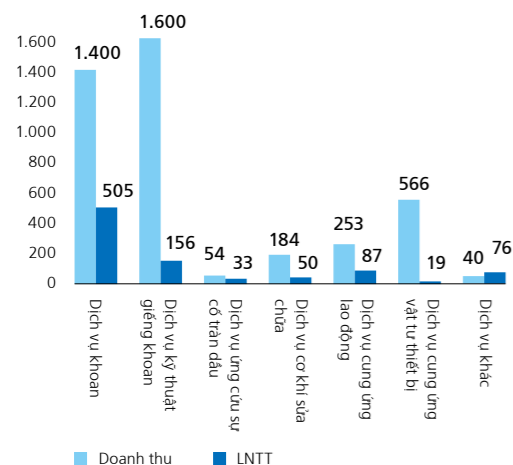


Doanh thu

Doanh thu của PV Drilling năm 2009 tăng trưởng 10% so với năm 2008, từ 3.729 tỷ lên 4.097 tỷ đồng, trong đó đóng góp chính từ dịch vụ khoan 34% và các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan 39%. Giá cho thuê giàn khoan giảm từ giữa Quý 3 năm 2009 được bù đắp bằng việc đưa thêm giàn khoan PV DRILLING II vào hoạt động từ tháng 10/2009 làm doanh thu dịch vụ khoan chỉ giảm 7% so với năm 2008. Tuy nhiên, đối với các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, với sự nỗ lực gia tăng các hợp đồng cung cấp dịch vụ cho khách hàng, tập trung đầu tư và phát triển các dịch vụ kỹ thuật cao, các dịch vụ tự cung tự cấp, doanh thu dịch vụ này đã tăng trưởng 31% so với năm trước, đóng góp phần lớn vào sự tăng trưởng của doanh thu trong năm 2009. Bên cạnh đó, các dịch vụ khác như cung ứng vật tư thiết bị, sửa chữa cơ khí, ứng cứu sự cố tràn dầu và cung ứng lao động cũng đóng góp đáng kể trong việc tăng trưởng doanh thu, khẳng định thế mạnh của PV Drilling trong ngành khoan dầu khí Việt Nam. Chi tiết doanh thu cho từng loại dịch vụ theo bảng đính kèm.

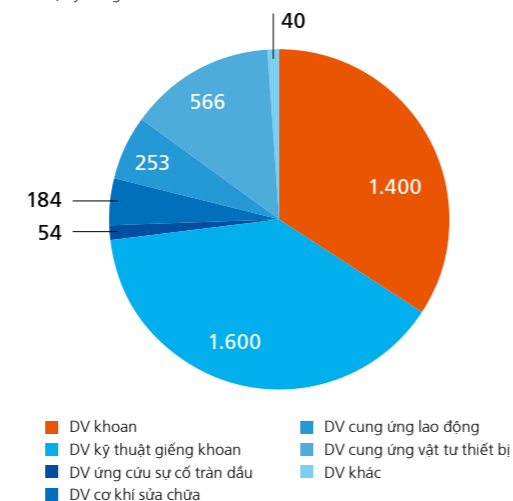
Chỉ tiêu doanh thu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Tăng (giảm) so với 2008		
	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng	Tỷ VNĐ	%	Tỷ trọng
DV vụ khoan	952	35%	1.504	40%	1.400	34%	(104)	-7%	-6%
DV vụ kỹ thuật giếng khoan	636	23%	1.221	33%	1.600	39%	378	31%	6%
DV vụ ứng cứu sự cố tràn dầu	35	1%	38	1%	54	1%	15	39%	0%
DV vụ cơ khí sửa chữa	54	2%	126	3%	184	4%	58	46%	1%
DV vụ cung ứng lao động	117	4%	207	6%	253	6%	46	22%	1%
DV vụ cung ứng vật tư thiết bị	796	29%	602	16%	566	14%	(36)	-6%	-2%
DV vụ khác	149	5%	30	1%	40	1%	10	33%	0%
Doanh thu từ hoạt động SXKD	2.739	100%	3.729	100%	4.097	100%	368	10%	0%

Doanh thu & Lợi nhuận trước thuế từng dịch vụ - Năm 2009



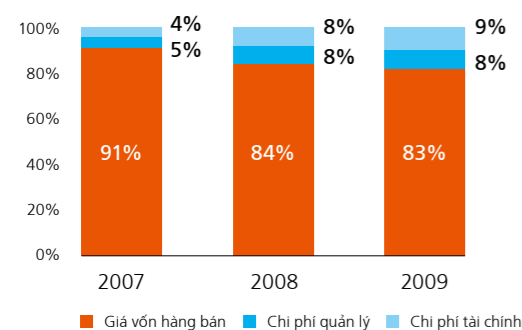
Cơ cấu doanh thu theo dịch vụ năm 2009

Đơn vị: tỷ đồng

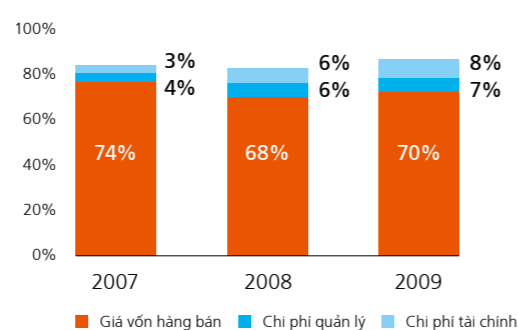


CƠ CẤU CHI PHÍ

Cơ cấu từng loại chi phí/Tổng chi phí



Cơ cấu từng loại chi phí/Doanh thu



Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán có tỷ trọng cao nhất trong tổng chi phí, chiếm trên 80% tổng chi phí qua 03 năm gần đây. Trong cơ cấu giá vốn hàng bán, chiếm hơn 75% là chi phí liên quan trực tiếp đến việc tạo ra doanh thu như là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí dịch vụ mua ngoài (back-to-back). Phần còn lại là các chi phí nhân công gián tiếp hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí phụ tùng & bảo trì, bảo dưỡng, chi phí khấu hao máy móc thiết bị và các chi phí khác.

So với giá vốn hàng bán của năm 2008, giá vốn hàng bán năm 2009 là 2.857 tỷ đồng, tăng 336 tỷ đồng tương đương 13% chủ yếu do tăng doanh thu như đã được đề cập cũng như phát sinh thêm chi phí hoạt động cho giàn khoan PV DRILLING II và PV DRILLING III do giàn đã đưa về Việt Nam và hoạt động trong Quý 4/2009.

Tỷ lệ lợi nhuận gộp của PV Drilling là 30,3% trong năm 2009, thấp hơn 2% so với năm 2008 chủ yếu do giá cho thuê giàn khoan trung bình năm 2009 thấp hơn của năm 2008, hay nói cách khác làm giảm đi tỷ lệ lợi nhuận gộp so với năm trước.

Chi phí bán hàng

Hiện tại, chi phí bán hàng chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ (0,1%) trong cơ cấu chi phí của PV Drilling. Có thể nói hiện nay thị trường cho thuê giàn khoan ở Việt Nam còn tương đối tốt và PV Drilling là doanh nghiệp Việt Nam dẫn đầu trong lĩnh vực này, do đó chưa phát sinh nhiều chi phí cho hoạt động quảng cáo và tìm kiếm khách hàng. Tuy nhiên, trong những năm tới khi thị trường khoan và dịch vụ khoan có thể đối mặt với sự khó khăn và cạnh tranh hơn, PV Drilling sẽ tăng cường hoạt động Marketing để luôn giữ vững vị thế là Người tiên phong của ngành khoan Việt Nam.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp của PV Drilling phát sinh trong năm 2009 là 272 tỷ đồng, tăng 38 tỷ tương đương 16% so với chi phí năm 2008. Tuy nhiên, về tỷ trọng trong tổng chi phí, chi phí quản lý doanh nghiệp của PV Drilling được duy trì ở mức 8% trong cơ cấu chi phí qua 2 năm 2008 và 2009.

Mức tăng về mặt tuyệt đối của chi phí quản lý năm 2009 so với năm 2008 như nêu trên là hợp lý. Trong năm 2009, PV Drilling có bước chuyển lớn khi Tổng Công ty và hầu hết các công ty thành viên chuyển văn phòng và trụ sở hoạt động sang cùng Tòa nhà Sailing Tower để thuận tiện cho việc công tác, gắn bó tất cả các thành viên, tạo mối liên kết và là tiền đề để Tổng Công ty ngày càng phát triển nên phát sinh thêm chi phí khấu hao, chi phí thuê, cải tạo và trang trí văn phòng làm việc cho năm 2009. Ngoài ra, chi phí quản lý cũng tăng lên do PV Drilling đã bước đầu quản lý thêm 2 giàn khoan tự nâng mới vừa hoàn tất việc xây dựng và đưa về Việt Nam từ quý 4/2009.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phát sinh trong năm 2009 là 322 tỷ đồng, tăng 93 tỷ đồng so với năm 2008, cụ thể như sau:

Trước tình hình khan hiếm về đồng USD, PV Drilling đã chủ động đàm phán với các khách hàng để nhận phần lớn doanh thu bằng đồng USD. Bên cạnh đó, chi phí thanh toán bằng USD của PV Drilling cũng chiếm tỷ trọng lớn nên không phát sinh nhiều lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá thực tế thanh toán. Do đó, chi phí hoạt động tài chính của PV Drilling trong năm 2009 chủ yếu là chi phí lãi vay đầu tư các giàn khoan và đánh giá khoản công nợ bằng USD vào cuối năm.

Chi phí lãi vay của PV Drilling năm 2009 giảm 7 tỷ đồng tương đương 9% so với năm 2008. Năm 2008 đánh dấu thời điểm cao trào của cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế thế giới, tình hình khan hiếm đồng USD đã đẩy mặt bằng lãi suất cho vay lên cao. Tuy nhiên PV Drilling cũng đạt thỏa thuận vay dài hạn với chi phí cạnh tranh, lãi suất bình quân của các khoản vay dài hạn của PV Drilling là 3,61%/năm trong năm 2009.

Việc điều chỉnh tăng tỷ giá liên ngân hàng lên 5,4% từ 17.034đ/USD lên 17.961đ/USD vào cuối tháng 11/09 của NHNN Việt Nam cũng là một yếu tố khách quan làm giảm 150 tỷ đồng lợi nhuận năm 2009 của PV Drilling do phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá từ việc đánh giá lại các khoản vay bằng ngoại tệ vào cuối năm 2009. Khoản lỗ này cũng là khoản ghi nhận dự phòng, trên thực tế doanh thu của PV Drilling nhận bằng đô la Mỹ nên PV Drilling sẽ thanh toán khoản vay và lãi suất bằng đô la Mỹ. Như vậy khoản lỗ dự phòng này sẽ được điều chỉnh giảm lỗ hàng năm theo dư nợ giảm dần.

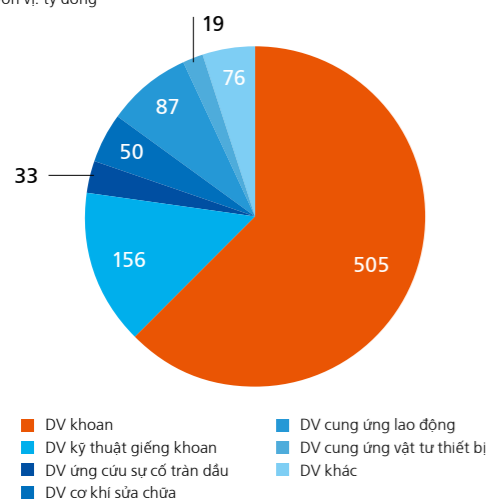
Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế PV Drilling đạt được trong năm 2009 là 926 tỷ đồng, giảm nhẹ 3 tỷ đồng tương đương 0,3% so với năm 2008 theo chi tiết ở bảng dưới đây. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu đạt được 23%, thấp hơn 2% so với năm 2008.

Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Tăng (giảm) so với 2008		
	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng	Tỷ VNĐ	%	Tỷ trọng
Dịch vụ khoan	462	80%	721	78%	505	55%	(215)	-30%	-23%
Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan	48	8%	84	9%	156	17%	71	84%	8%
Dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu	13	2%	20	2%	33	4%	13	64%	1%
Dịch vụ cơ khí sửa chữa	12	2%	22	2%	50	5%	28	131%	3%
Dịch vụ cung ứng lao động	27	5%	57	6%	87	9%	30	53%	3%
Dịch vụ cung ứng vật tư thiết bị	12	2%	10	1%	19	2%	9	98%	1%
Dịch vụ khác	6	1%	16	2%	76	8%	61	386%	7%
Lợi nhuận trước thuế	580	100%	929	100%	926	100%	(3)	-0,3%	0%

Cơ cấu lợi nhuận trước thuế theo dịch vụ năm 2009

Đơn vị: tỷ đồng



Sự tăng trưởng doanh thu năm 2009 đóng góp đáng kể vào kết quả tăng trưởng lợi nhuận gộp. Với việc đưa giàn khoan tự nâng PV DRILLING II vào vận hành từ quý 4 năm 2009 và sự chiếm lĩnh thị trường của một số dịch vụ cung ứng nhân lực, cơ khí, dịch vụ khoan định hướng, đo karota khí... làm tăng 368 tỷ đồng doanh thu cho năm 2009, dẫn đến tăng hơn 31 tỷ đồng lợi nhuận gộp so với năm 2008. Tuy nhiên, giá cho thuê giàn khoan giảm từ giữa Quý 3/2009 cùng với khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản vay vào thời điểm cuối tháng 12/2009 (150 tỷ đồng) cũng như việc ghi nhận chi phí liên quan đến giàn khoan PV DRILLING III (62 tỷ đồng) nhưng chưa có doanh thu trong năm 2009 đã làm giảm kết quả lợi nhuận trước thuế của PV Drilling trong năm.

Nếu loại trừ phần lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản vay 150 tỷ đồng, PV Drilling đạt được 1.076 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế cho năm 2009, tăng 75 tỷ đồng hay 8% so với năm 2008.

Lợi nhuận sau thuế PV Drilling đạt được là 815 tỷ đồng cho năm 2009, thấp hơn lợi nhuận sau thuế năm 2008 là 77 tỷ đồng hay 8% do PV Drilling không còn được hưởng ưu đãi miễn thuế như năm 2008 mà chỉ được giảm 50% thuế suất từ năm 2009 đến năm 2013. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu năm 2009 vì thế cũng thấp hơn tỷ suất năm 2008 là 4% (20% năm 2009 so với 24% của năm 2008).

Tuy kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009 giảm so với năm 2008 nhưng PV Drilling vẫn mong đợi kết quả tốt trong tương lai khi mà tình hình kinh tế thế giới đã và đang có triển vọng hồi phục, giá dầu đã dần phục hồi và duy trì ở mức 76 - 82 USD/thùng trong các tháng gần đây nên PV Drilling mong đợi giá cho thuê giàn khoan trên thị trường cũng sẽ được cải thiện vào cuối Quý 2, đầu Quý 3/2010.



Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo loại hình dịch vụ

Dịch vụ khoan

Doanh thu: 1.400 tỷ, chiếm 34% trong tổng DT
LN trước thuế: 505 tỷ, đóng góp 55% trong tổng LN

Dịch vụ khoan mặc dù đạt được 1.400 tỷ đồng về doanh thu, nhưng so với năm 2008 mức doanh thu này thấp hơn 104 tỷ đồng tương đương 7% và giảm tỷ trọng đóng góp trong cơ cấu doanh thu từ 40% xuống 34%. Có thể nói để duy trì mức doanh thu này trong năm 2009 là một nỗ lực rất lớn của PV Drilling trong hoàn cảnh giá cho thuê giàn khoan giảm do ảnh hưởng từ việc giảm giá dầu thô trên thế giới. Trong năm 2008, đơn giá cho thuê giàn khoan biển trung bình khoảng 215 ngàn USD/ngày khi giá dầu thô ở mức 98 USD/thùng. Tuy nhiên, giá dầu thô trung bình năm 2009 chỉ duy trì 64 USD/thùng - giảm 35% so với năm 2008 do đó giá cho thuê chỉ khoảng 150 ngàn USD/ngày trong Quý 4/2009 do Hợp đồng khoan giá cao với Hoàn Vũ JOC và Vietgazprom vẫn còn kéo dài đến giữa Quý 3/2009.

Mặc dù không có doanh thu từ giàn khoan đất liền PV DRILLING 11 trong năm 2009 và giá cho thuê giàn khoan giảm như được đề cập phần trên, nhưng doanh thu từ dịch vụ khoan vẫn duy trì ở mức cao và ổn định do Giàn khoan biển PV DRILLING I hoạt động liên tục và duy trì hiệu suất cao 99,74% và giàn khoan mới PV DRILLING II được đưa vào hoạt động từ quý 4 năm 2009. Giàn PV DRILLING III cũng về đến Việt Nam vào đầu tháng 12 năm 2009 để cung cấp hợp đồng khoan dài hạn cho Liên doanh Vietsopetro. Tuy nhiên, do điều kiện thời tiết nên thời gian bắt đầu khoan chuyển từ tháng 12/2009 sang tháng 01/2010.

Về chi phí, tổng chi phí quản lý và vận hành giàn khoan năm 2009 tăng 23 tỷ đồng hay 3,4% so với chi phí của năm 2008 chủ yếu do PV Drilling ghi nhận 160 tỷ đồng chi phí hoạt động của giàn khoan PV DRILLING II thực hiện chiến dịch khoan cho Bạch Đằng POC từ quý 4/2009 và hạch toán 62 tỷ đồng chi phí hoạt động liên quan của giàn khoan PV DRILLING III trong tháng 12/2009. Ngược lại, do giàn khoan đất liền không hoạt động trong năm 2009 nên chi phí thấp hơn 114 tỷ đồng. Hơn nữa, với hơn 2 năm kinh nghiệm quản lý giàn khoan, PV Drilling đã thành công trong vấn đề kiểm soát chi phí, đóng góp 86 tỷ đồng vào sự gia tăng lợi nhuận cho dịch vụ khoan nói riêng và lợi nhuận cho PV Drilling nói chung.

Doanh thu dịch vụ khoan chỉ đóng góp 34% trong tổng doanh thu nhưng lợi nhuận mà dịch vụ này mang lại chiếm 55% trong tổng lợi nhuận trước thuế. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu năm 2009 đạt được là 36%.

Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan

Doanh thu: 1.600 tỷ, chiếm 39% trong tổng DT

LN trước thuế: 156 tỷ, đóng góp 17% trong tổng LN

Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan điển hình như Well testing, Wireline logging, Mud logging, Tool rental và DD/MWD-LWD tăng trưởng mạnh trong năm 2009, nâng tỷ trọng đóng góp trong tổng doanh thu của PV Drilling từ 33% của năm 2008 lên 39% năm 2009. So với kết quả doanh thu đạt được năm 2008, dịch vụ kỹ thuật giếng khoan đạt được 1.600 tỷ đồng, cao hơn 378 tỷ đồng tương đương 31%. Bên cạnh yếu tố tăng trưởng doanh thu do tăng nhu cầu của các dịch vụ này trong năm 2009, việc tăng trưởng này là kết quả đạt được từ việc tăng cường đầu tư vào các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan như đầu tư thêm 3 trạm Mud Logging mới, nâng tổng số lên 7 trạm tính đến thời điểm cuối tháng 12/2009; mở rộng thêm các dịch vụ mới như Coring, Slickline MPLT...cũng như tuyển dụng và đào tạo những kỹ sư có tiềm năng nhằm nâng cao tỷ trọng các dịch vụ tự cung tự cấp, phát triển thế mạnh của PV Drilling.

So với năm 2008, giá vốn hàng bán cho dịch vụ kỹ thuật giếng khoan năm 2009 tăng 320 tỷ đồng tương đương 29% chủ yếu là tăng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp & chi phí dịch vụ mua ngoài (back-to-back) do tăng doanh thu như được đề cập. Bên cạnh đó, chi phí khấu hao và chi phí nhân sự của năm 2009 cao hơn năm 2008 chủ yếu do tăng cường đầu tư vật tư & thiết bị cũng như tăng lương & thưởng cho các kỹ sư có năng lực, có chuyên môn cao, nhằm tận dụng và phát triển nguồn lực sẵn có, dần thay thế chuyên gia người nước ngoài trong đội ngũ nhân lực của PV Drilling.

Như đã đề cập phân trên, do PV Drilling đang trong quá trình đầu tư vào các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan cũng như tăng tỷ trọng tự cung tự cấp của các dịch vụ này, vì vậy tỷ suất lợi nhuận mang lại từ dịch vụ kỹ thuật giếng khoan vẫn còn khiêm tốn, đạt được gần 10% trên doanh thu trong năm 2009, tăng 3% so với tỷ suất lợi nhuận năm 2008. Khả năng sinh lợi từ các dịch vụ này sẽ được cải thiện trong tương lai gắn từ việc tập trung đầu tư các dịch vụ kỹ thuật cao, các dịch vụ tự cung cấp và phát triển các liên doanh của PV Drilling.

Dịch vụ cung ứng vật tư & thiết bị

Doanh thu: 566 tỷ, chiếm 14% trong tổng DT

LN trước thuế: 19 tỷ, đóng góp 2% trong tổng LN

Doanh thu cung ứng thiết bị thực hiện được trong năm 2009 là 566 tỷ đồng, giảm 36 tỷ đồng hay 6% so với năm 2008, dẫn đến giảm 2% tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu. Trong năm 2009, PV Drilling đã đấu thầu thành công hợp đồng cung cấp steel & riser cho dự án Tê giác trắng của Hoàng Long, cung cấp linepipes cho dự án phát triển TPDP của Petronas, cung cấp cầu cho PTSC & Đại Hùng và cung cấp phụ tùng cũng như cung cấp vật tư cho dự án mới thu gom khí đồng hành & gaslift mỏ Rồng – Đồi mới cho Vietsopetro. Ngược lại, trong năm 2008 PV Drilling có được những hợp đồng giá trị lớn như cung cấp drill pipe cho Vietsopetro, cung cấp casing cho Cửu Long và cung cấp topside-jacket cho Đại Hùng.

Hiện nay, PV Drilling chỉ là trung gian trong việc cung cấp vật tư & thiết bị, do đó tỷ lệ lợi nhuận gộp cho dịch vụ này tương đối thấp, khoảng 5% trên doanh thu cho năm 2009, nhưng so với tỷ lệ đạt được của năm 2008 thì kết quả của năm 2009 cao hơn 2%.

Dịch vụ cung ứng nhân lực

Doanh thu: 253 tỷ, chiếm 6% trong tổng DT

LN trước thuế: 87 tỷ, đóng góp 9% trong tổng LN

Doanh thu cung ứng nhân lực tăng trưởng rất tốt trong năm 2009. So với năm 2008, doanh thu dịch vụ này tăng 46 tỷ tương đương 22%, dẫn đến tăng 1% tỷ trọng đóng góp của dịch vụ này trong tổng doanh thu PV Drilling. Lợi nhuận trước thuế của dịch vụ cung ứng nhân lực năm 2009 tăng vượt bậc 30 tỷ đồng hay 53% so với năm 2008. Đạt được điều này trước tiên nhờ vào việc tăng nhu cầu cung ứng nhân lực cho các giàn khoan mới trên thị trường trong năm 2009 cho các giàn Energy Searcher, Ocean General, Offshore Resolute và Hakuryu 5 và mặt khác, PV Drilling đã thay thế và cung ứng được một số chức danh trước đây do người nước ngoài đảm nhiệm như là trợ lý kíp trưởng, trợ lý thuyền trưởng, lái cầu....

Một cách chi tiết hơn, PV Drilling đang cung cấp hơn 80% cho thị trường nhân lực chuyên ngành khoan ở Việt Nam trong đó bao gồm nhân lực cho 4 giàn khoan do chính PV Drilling sở hữu và cho các nhà thầu dầu khí nước ngoài đang tiến hành chiến dịch khoan tại Việt Nam. Với những nỗ lực hoàn thiện đội ngũ nhân lực, cam kết cung cấp chuyên gia tốt nhất cho thị trường đã đem lại sự tin tưởng của khách hàng và sự phát triển tốt cho dịch vụ này trong năm 2009. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của dịch vụ này đạt được gần 34% trên doanh thu, tăng 7% so với kết quả của năm 2008.

Dịch vụ cơ khí sửa chữa

Doanh thu: 184 tỷ, chiếm 4% trong tổng DT

LN trước thuế: 50 tỷ, đóng góp 5% trong tổng LN

Dịch vụ cơ khí sửa chữa cụ thể là dịch vụ chế tạo và bảo dưỡng thiết bị khoan đạt được 184 tỷ đồng doanh thu và đóng góp 50 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế trong năm 2009. So với kết quả năm 2008, dịch vụ này có sự phát triển nhanh: doanh thu tăng 58 tỷ đồng hay 46%, lợi nhuận trước thuế 50 tỷ đồng, tăng 28 tỷ đồng hay 131%.

Kết quả hoạt động của dịch vụ cơ khí sửa chữa tăng trưởng tốt như trên là do trong năm 2009 PV Drilling tiếp tục duy trì và phát triển các dịch vụ truyền thống, điển hình là dịch vụ kiểm định, cắt tiện ren, hàn hard band. Bên cạnh đó, PV Drilling cũng đã mở rộng và cung cấp các dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu của khách hàng, cụ thể như chế tạo container và chế tạo sản phẩm theo yêu cầu đặt ra, đem lại lợi nhuận cao. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu năm 2009 đạt được khoảng 27%, vượt 10% tỷ suất của năm 2008.

Dịch vụ ứng cố sự cố dầu tràn

Doanh thu: 54 tỷ, chiếm 1% trong tổng DT

LN trước thuế: 33 tỷ, đóng góp 4% trong tổng LN

Mặc dù doanh thu từ dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn chỉ đạt được 54 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng rất nhỏ (1%) trong tổng doanh thu PV Drilling, nhưng lợi nhuận đem lại từ dịch vụ này tương đối tốt, đóng góp 33 tỷ đồng hay 4% vào tổng lợi nhuận trước thuế cho Tổng Công ty năm 2009. Có thể nói, với mức tỷ suất lợi nhuận trước thuế 61% trên doanh thu là một kết quả rất đáng được khích lệ. Với đội ngũ nhân lực ứng cứu sự cố tràn dầu chuyên nghiệp cùng với việc đầu tư lớn các trang thiết bị chuyên dụng, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn nhận được sự tin tưởng rất cao từ khách hàng. Vì vậy dịch vụ luôn duy trì được mức thị phần hơn 90% trong lĩnh vực dầu khí.

So với năm 2008, doanh thu của dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu năm 2009 tăng 15 tỷ đồng tương đương 39% chủ yếu do sự tăng trưởng của dịch vụ ứng cứu tràn dầu trên sông. Ngoài ra, chi phí phát sinh cho dịch vụ ứng cứu trên sông rất nhỏ chủ yếu ứng cứu ở trạng thái chờ (stand-by) nên kết quả lợi nhuận trước thuế năm 2009 tăng trưởng rất tốt 13 tỷ đồng hay 64% so với năm 2008.

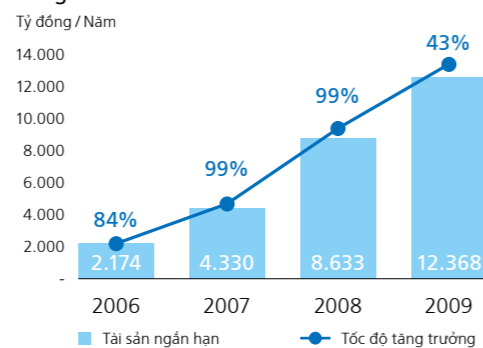
Tài sản - nguồn vốn

Tài sản - nguồn vốn	Đơn vị tính	2009	2008	2007	2006
Tổng tài sản	tỷ đồng	12.368	8.633	4.330	2.174
- Tài sản ngắn hạn	tỷ đồng	2.565	2.065	1.659	680
- Tài sản dài hạn	tỷ đồng	9.803	6.568	2.671	1.494
Vốn chủ sở hữu bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số	tỷ đồng	4.245	2.582	2.361	792
Tổng nợ phải trả	tỷ đồng	8.123	6.051	1.969	1.383

Tổng tài sản

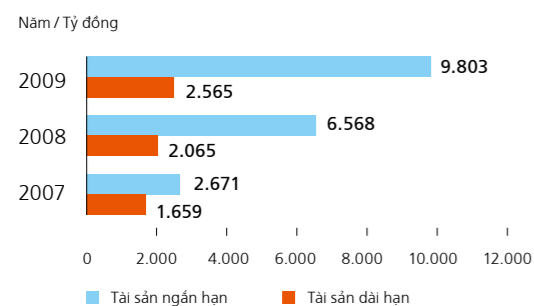
Tổng tài sản của PV Drilling là 2.174 tỷ đồng vào cuối năm 2006 và đã tăng lên 12.368 tỷ đồng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, trong đó tài sản cố định là 9.420 tỷ đồng, chiếm 76% tổng tài sản chủ yếu đóng góp từ giá trị đầu tư của 3 giàn khoan tự nâng PV DRILLING I, II, III và 1 giàn khoan đất liền PV DRILLING 11 và phần còn lại là các tài sản ngắn hạn. So với năm 2008, tổng tài sản của PV Drilling tăng 3.735 tỷ đồng hay 43% chủ yếu do 02 giàn khoan PV DRILLINGII và III đã hoàn tất và đưa vào hoạt động.

Tổng tài sản

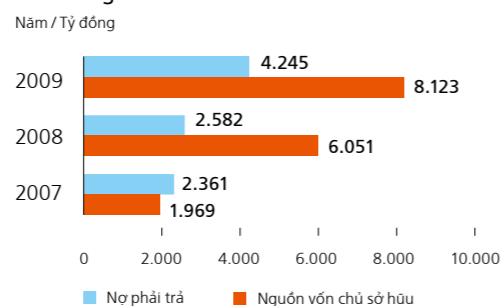


Cơ cấu tài sản - nguồn vốn	Năm 2009		Năm 2008		Năm 2007	
	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng	Tỷ VNĐ	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	2.565	20,7%	2.065	23,9%	1.659	38%
Tài sản dài hạn	9.803	79,3%	6.568	76,1%	2.671	62%
Tổng nợ phải trả	8.123	65,7%	6.051	70,1%	1.969	45%
Nguồn vốn chủ sở hữu (bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số)	4.245	34,3%	2.582	29,9%	2.361	55%

Cơ cấu tài sản



Cơ cấu nguồn vốn



Tài sản ngắn hạn

Tổng tài sản ngắn hạn của PV Drilling tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là 2.565 tỷ đồng, tăng 500 tỷ đồng tương đương 24% so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 chủ yếu do tăng tiền & các khoản tương đương tiền 187 tỷ đồng, tăng khoản phải thu từ khách hàng 93 tỷ đồng do tăng doanh thu trong năm 2009 và tăng hàng tồn kho 147 tỷ đồng do tăng dự trữ vật tư, phụ tùng cần thiết phục vụ cho hoạt động của 02 giàn khoan mới PV DRILLING II & III. Khoản phải thu khách hàng tăng 9% mặc dù doanh thu năm 2009 tăng 10% so với năm 2008 khẳng định PV Drilling

vẫn đang thực hiện tốt việc thu tiền từ khách hàng, đạt hiệu quả hơn trong công tác kiểm soát dòng tiền, tránh ứ đọng vốn trong kinh doanh.

Tài sản dài hạn

Tổng tài sản dài hạn tăng 3.236 tỷ đồng từ 6.568 tỷ đồng vào cuối năm 2008 lên 9.803 tỷ đồng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 trong đó:

- Tăng 3.147 tỷ đồng tài sản cố định do: Đã hoàn tất việc xây dựng hai giàn khoan tự nâng PV DRILLING II và PV DRILLING III trong năm 2009 cũng như đầu tư thêm Xưởng cơ khí, thiết bị đầu giếng và mua sắm thêm thiết bị Slickline và xây dựng thêm 3 trạm Mud Logging mới nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty con, đây là các dịch vụ mang lại tỷ suất lợi nhuận cao cho Tổng công ty. PV Drilling đã ký hợp đồng mua lại tầng 3 & 4 của Tòa nhà Sailing Tower làm trụ sở văn phòng Tổng công ty, tạo điều kiện để các CBCNV được làm việc trong môi trường sạch đẹp & hiện đại, đồng thời xây dựng hình ảnh một Tổng Công ty năng động và chuyên nghiệp.
- Khoản mục chi phí trả trước dài hạn tăng 211 tỷ đồng chủ yếu do ghi nhận chi phí trước hoạt động của 2 giàn khoan PV DRILLINGII & III và chi phí này sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 03 năm đầu đưa giàn vào hoạt động.
- Tuy nhiên, PV Drilling đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu PV Shipyard và Sao Mai Bến Đình cho PTSC trong quý 3/2009, đây là nguyên nhân chính dẫn đến khoản mục đầu tư tài chính khác giảm 133 tỷ so với thời điểm cuối năm 2008 để tập trung dài hạn vào hoạt động của các giàn khoan.

Tỷ trọng tài sản dài hạn đã tăng từ 62% trong năm 2007 lên 79% trong năm 2009 chứng tỏ PV Drilling đang trong giai đoạn phát triển nhanh và mạnh, với tốc độ tăng trưởng đầu tư cao nhằm mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và chiếm lĩnh thị trường khoan.

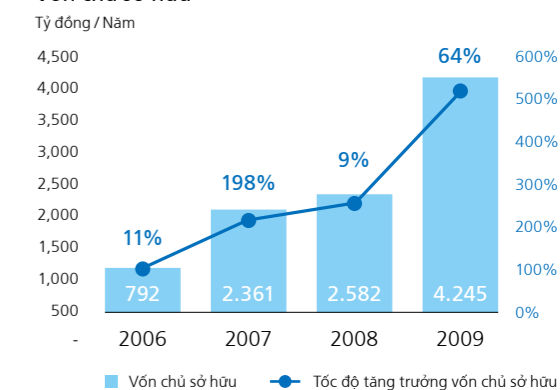
Vốn Chủ Sở Hữu

Vào cuối năm 2009, nguồn vốn chủ sở hữu của PV Drilling là 4.245 tỷ đồng, tăng 1.663 tỷ đồng tương đương 64% so với thời điểm cuối năm 2008 chủ yếu do phát hành thêm cổ phiếu trả cổ tức và sáp nhập PVD Invest vào PV Drilling, cụ thể như sau:

Vốn điều lệ của PV Drilling đến cuối năm 2009 là 2.105 tỷ đồng tương đương với 210,51 triệu cổ phiếu, tăng 783 tỷ đồng tương đương tăng 78,3 triệu cổ phiếu so với thời điểm 31/12/2008 từ việc PV Drilling đã phát hành thêm 25,7 triệu cổ phiếu để sáp nhập PVDI vào PV Drilling cũng như phát hành thêm 52,6 triệu cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2009 cho cổ đông của PV Drilling vào tháng 12/2009.

Ngoài ra, việc sáp nhập PVD Invest vào PV Drilling đã tạo ra một khoản thặng dư vốn 1.181 tỷ đồng, tương ứng với phần chênh lệch giữa giữa giá trị vốn cổ phần PV Drilling phát hành thêm cho cổ đông thiểu số của PVD Invest theo mệnh giá và giá trị tài sản thuần của PVD Invest.

Vốn chủ sở hữu

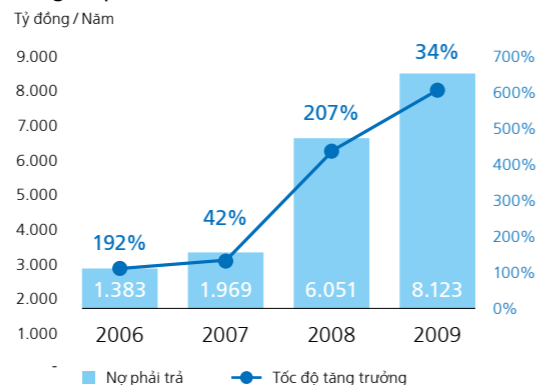


Nợ phải trả

Tổng nợ phải trả của PV Drilling tính đến cuối năm 2009 là 8.123 tỷ đồng. So năm 2008, tổng nợ phải trả năm 2009 tăng 2.072 tỷ đồng trong đó tăng nợ vay ngân hàng là 2.486 tỷ đồng do tiếp tục giải ngân từ ngân hàng BIDV & HSBC để đầu tư giàn khoan PV DRILLING II & III và giảm khoản phải trả cho nhà cung cấp & phải trả khác là 414 tỷ đồng.

Tổng nợ phải trả năm 2009 chiếm 66% trong tổng nguồn vốn, giảm 4% so với năm 2008 chủ yếu do tăng nguồn vốn chủ sở hữu từ việc phát hành cổ phiếu và thực hiện sáp nhập PVD Invest, từ đó giúp giảm tỷ lệ Nợ trên Vốn chủ sở hữu từ 2,3 lần vào cuối năm 2008 xuống còn 1,9 lần vào cuối năm 2009.

Tổng nợ phải trả



Các Chỉ Số Tài Chính

Các Chỉ Số Tài Chính	2009	2008	2007	2006
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,03	0,95	2,47	1,01
Hệ số thanh toán nhanh	0,90	0,87	2,42	0,91
Khả năng thanh toán lãi vay	13,91	12,80	8,54	-
2. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay tổng tài sản	0,39	0,58	0,84	0,85
Vòng quay tài sản cố định	0,50	0,81	1,32	1,26
Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	80	73	75	86
Kỳ trả tiền bình quân (ngày)	130	95	60	92
Vòng quay hàng tồn kho (ngày)	32	16	10	12
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi				
Hệ số lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần	19,88%	23,92%	20,88%	8,63%
ROE-Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	25,77%	45,11%	43,06%	15,49%
ROA-Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	7,76%	13,76%	17,59%	6,93%
Hệ số lợi nhuận HĐKD / doanh thu thuần	23,58%	26,10%	19,80%	11,20%

Khả Năng Thanh Toán

Tỷ suất thanh toán hiện hành và tỷ suất thanh toán nhanh của PV Drilling vẫn duy trì ở mức khá tốt, xấp xỉ 1 lần từ năm 2008 đến 2009 chủ yếu do việc điều chuyển các khoản vay dài hạn đến hạn thanh toán trong vòng 01 năm. Bên cạnh đó, khoản phải trả cho nhà cung cấp cũng tương đối cao bao gồm khoản phải trả cho nhà thầu Keppel Fels liên quan đến xây dựng 02 giàn khoan PV DRILLING II và III và khoản phải trả cho các nhà thầu phụ do có một số dịch vụ PV Drilling là người trung gian thực hiện hợp đồng.

Nhìn chung, khoản nợ phải trả cụ thể là các khoản vay ngân hàng của PV Drilling đang ở mức cao, tuy nhiên điều này là khá hợp lý khi công ty đang trong lĩnh vực hoạt động đặc thù, đòi hỏi sự đầu tư lớn vào các giàn khoan và các loại máy móc

thiết bị trong thời gian ngắn.

Khả năng trả lãi vay tăng dần qua các năm thể hiện khả năng thanh toán lãi vay là rất tốt do lợi nhuận của PV Drilling tăng dần qua các năm. Năm 2007 chỉ số này thấp là 8.5 lần do PV Drilling phải trả lãi vay để đầu tư cho các giàn khoan PV DRILLING I và PV DRILLING 11 và các giàn khoan này mới đưa vào hoạt động tháng 4/2007. Đến năm 2009, chỉ số này đạt 13,9 lần, do 3 giàn khoan biển và 1 giàn khoan đất liền hoạt động với công suất 99% và đã mang lại lợi nhuận cho PV Drilling, giúp khả năng thanh toán lãi vay ngày càng được cải thiện.

Năng lực hoạt động

Năng lực hoạt động của PV Drilling khá tốt thể hiện qua các chỉ số vòng quay tài sản, tài sản cố định. PV Drilling sử dụng tài sản khá hiệu quả. Tuy nhiên năm 2009 chỉ số vòng quay tổng tài sản là 0,39, vòng quay tài sản cố định là 0,50 so với năm 2008 các chỉ số này lần lượt là 0,58 và 0,81, các chỉ số này giảm chủ yếu do Tổng công ty đã đầu tư và đưa vào sử dụng thêm 2 giàn khoan biển là PV DRILLING II và PV DRILLING III.

Tình hình thu nợ ổn định qua các năm thể hiện qua chỉ số kỳ thu tiền bình quân đạt mức dưới 3 tháng, chỉ số này cho thấy Tổng công ty rất quan tâm đến việc quản trị các khoản nợ phải thu nhằm thu tiền kịp thời và ổn định dòng tiền trong kinh doanh, giảm thiểu các khoản nợ khó đòi.

Vòng quay hàng tồn kho là 32 ngày cho năm 2009 cao hơn các năm trước như năm 2008 vòng quay hàng tồn kho là 16 ngày, chủ yếu do trong năm 2009 phải chuẩn bị vật tư, phụ tùng phục vụ cho hoạt động của 02 giàn khoan PV DRILLING II & III vừa hoàn tất và đưa vào hoạt động trong Quý 4/2009, nhưng vẫn đảm bảo không có quá nhiều hàng tồn kho trong năm, tránh sử dụng vốn không hiệu quả.

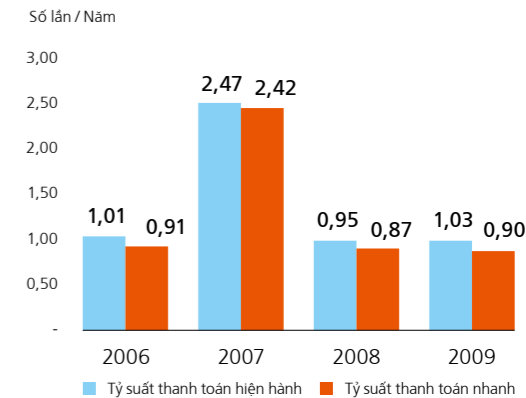
Kỳ trả tiền bình quân tăng trong năm 2009 do ghi nhận thêm khoản phải trả cho nhà thầu đóng giàn khoan PV DRILLING II và III vào thời điểm cuối năm. Việc thanh toán các khoản phải trả cho nhà cung cấp vẫn được duy trì tốt và đúng thời hạn.

Khả Năng Sinh Lãi

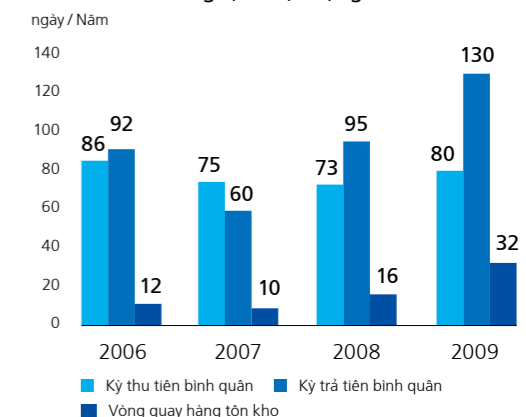
Với những nỗ lực và cố gắng vượt bậc trong tình hình kinh tế chung đang từng bước vượt qua khủng hoảng, PV Drilling đã đạt được một kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2009 thể hiện rõ qua sự tăng trưởng doanh thu và cố gắng duy trì lợi nhuận ở mức tương đối cao.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tài sản (ROA) của PV Drilling năm 2009

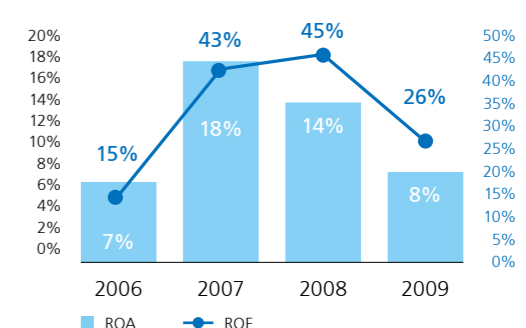
Khả năng thanh toán



Các chỉ số về năng lực hoạt động



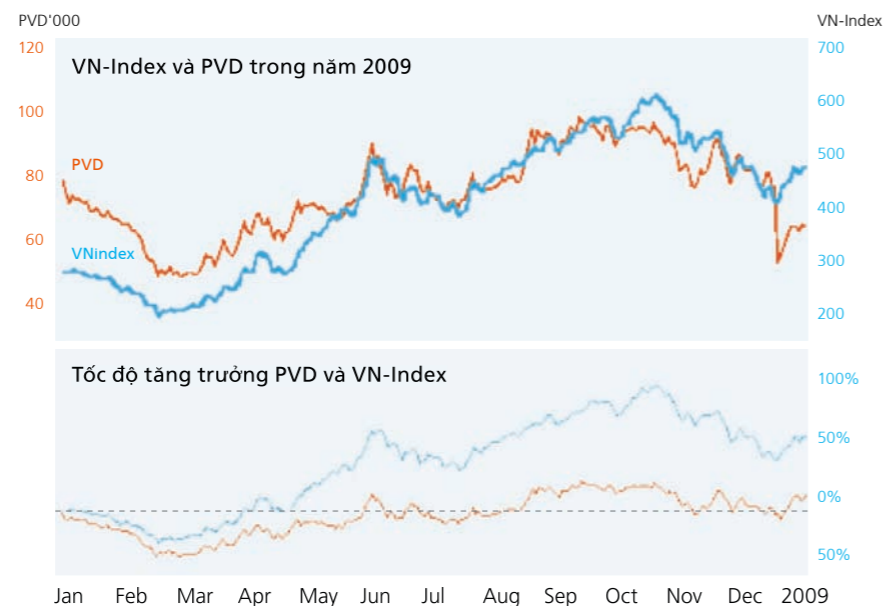
Chỉ số ROA & ROE



lần lượt là 26% và 8%. Kết quả này khá khả quan nếu so sánh với các công ty cùng ngành. Điển hình như Transocean, nhà cung cấp dịch vụ khoan lớn nhất thế giới, chỉ số ROE và ROA năm 2009 đạt được tương ứng là 17% và 8%.

Biến Động Của Vn-Index Và Cổ Phiếu PVD Trong Năm 2009

Trong năm 2009, TTCK VN được đánh dấu có nhiều sự thay đổi lớn và lần đầu tiên có mối liên hệ chặt chẽ với TTCK thế giới. Khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế tác động mạnh đến thị trường Việt Nam khiến chỉ số VN-Index rơi vào đáy từ cuối quý I/2009. Từ đầu quý II/2009 đến cuối năm, cùng với sự hồi phục của nền kinh tế và với gói kích cầu hỗ trợ lãi suất kịp thời của Chính phủ, chỉ số VN-Index hồi phục trở lại. VN-Index đóng cửa cuối năm 2009 ở mức 494 điểm, tương đương với mức tăng 58% so với mức 313 điểm đầu năm. Còn nếu so sánh VN-Index ở mức đáy 235 điểm vào tháng 2/2009 với mức cao nhất 624 điểm vào tháng 10/2009 thì VN-Index đã tăng 165%.



Tuy nhiên đối với cổ phiếu PVD, sự biến động là không đáng kể, hay nói cách khác mức độ ổn định của cổ phiếu khá tốt. So với mức giá 80 nghìn đồng đầu năm 2009, cổ phiếu PVD tăng trưởng 11% vào cuối năm, tương ứng với mức giá 67,5 nghìn đồng sau khi điều chỉnh giá kỹ thuật của đợt chia cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu. Nếu so sánh mức giá PVD ở mức đáy là 52,5 nghìn đồng với mức đỉnh là 100 nghìn đồng thì thị giá cổ phiếu PVD có biên độ biến động 90%, thấp hơn nhiều với biên độ biến động 165% của VN-Index. Sự ổn định của cổ phiếu PVD như trên chứng tỏ sự ổn định trong sản xuất kinh doanh của PV Drilling trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế cũng như sự nỗ lực công bố thông tin kịp thời và minh bạch của PV Drilling và sự giữ vững niềm tin của cổ đông/nhà đầu tư đối với Tổng công ty.

Đánh Giá Rủi Ro Tài Chính Của PV Drilling

Lưu chuyển tiền tệ của PV Drilling:

	2006	2007	2008	2009
Dòng tiền hoạt động	(355.472)	179.334	1.787.171	1.225.937
Dòng tiền đầu tư	(527.096)	(1.524.364)	(3.589.895)	(3.367.467)
Dòng tiền hoạt động tài chính	472.619	1.714.378	1.968.931	2.328.175
Lưu chuyển tiền trong năm	(409.949)	369.348	166.207	186.646

Đơn vị: triệu VND

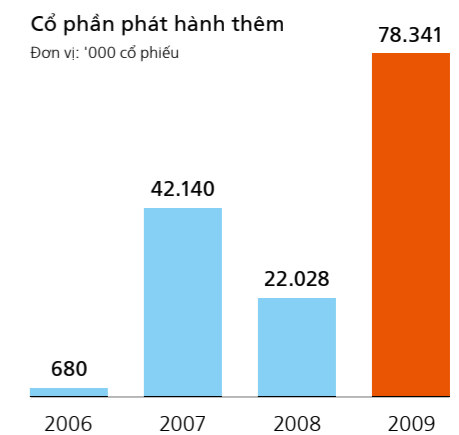
Là một công ty con của Tập đoàn Dầu khí (PVN) với tỷ lệ sở hữu 50,38%, việc tăng trưởng đầu tư một cách mạnh mẽ từ 2005 đến nay cũng bắt nguồn từ chiến lược phát triển của PVN. Với nhiệm vụ xây dựng quỹ dầu mỏ dự trữ, đồng thời phải gia tăng sản lượng để đóng góp khoảng 25% vào ngân sách quốc gia, PVN đã tích cực gia tăng tìm kiếm, khai thác thăm dò với khoản chi tiêu 1,6 tỷ USD năm 2007; 2,5 tỷ USD năm 2008; 3 tỷ USD năm 2009 và dự kiến khoảng 4,5 tỷ USD trong năm 2010. Trong năm 2009, PVN triển khai hoạt động ở 5 mỏ mới là Nam Rồng – Đồi Mồi, Pearl, Bunga Orkid, D30 và Dana. Trong năm 2010, kế hoạch của PVN tiếp tục ở mỏ Sư Tử Đen Đông Nam và Topaz, đồng thời kế hoạch từ 2011 nhắm tới Sư Tử Trắng, Sư Tử Nâu, Tê Giác Trắng, Hải Sư Trắng, Kim Cương, Lân Đò, Hải Thạch – Mộc Tinh, Kim Long – Ác Quỷ – Cá Voi.

Nắm bắt được nhu cầu của thị trường khoan Việt Nam, ngay từ giữa năm 2005, PV Drilling đã bắt đầu đầu tư đóng mới giàn khoan biển tự nâng PV DRILLING I với chi phí 110 triệu USD nhằm phục vụ công việc thăm dò, khai thác dầu khí và tốc độ tăng trưởng đầu tư tăng theo cấp số nhân ở các năm tiếp theo.

Nguồn vốn đầu tư

Là một doanh nghiệp đang trong giai đoạn phát triển nên những khoản lợi nhuận giữ lại của PV Drilling không đủ trang trải cho những khoản đầu tư lớn này. Chính vì vậy, các dự án đầu tư giàn khoan đều được tài trợ khoảng 70% bằng các khoản vay dài hạn và 30% từ nguồn vốn tự có, cụ thể như sau:

- **Giàn khoan PV DRILLING I:** vay 80.237.605 USD từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, thời hạn vay 109,5 tháng từ ngày 4/7/2005.
- **Giàn khoan PV DRILLING 11:** vay 18.599.000 USD từ Tổng Công ty Tài Chính Dầu khí, thời hạn vay 84 tháng từ ngày 13/11/2006.
- **Giàn khoan PV DRILLING II:** vay 153.500.000 USD từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, thời hạn vay là 132 tháng từ ngày 31/12/2007.
- **Giàn khoan PV DRILLING III:** vay 150.000.000 USD, trong đó 115.000.000 USD từ khoản vay hợp vốn với các Ngân hàng HSBC, ANZ và ABN AMRO, thời hạn vay 78 tháng từ ngày 8/12/2008 và 35.000.000 USD từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, thời hạn vay 72 tháng từ ngày 28/9/2008.



Chi tiết các khoản vay, xem phần Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Bên cạnh việc tăng cường các khoản vay để tài trợ cho việc đầu tư các giàn khoan, PV Drilling cũng đã phát hành thêm cổ phiếu để có thêm nguồn vốn đầu tư. Vì vậy, cùng với kế hoạch đầu tư và sự tăng trưởng của PV Drilling, nguồn vốn cổ phần cũng gia tăng một cách đáng kể, từ 680 tỷ đồng ban đầu vào cuối năm 2006 lên 2.105 tỷ đồng vào cuối năm 2009:

- Trong năm 2007, PV Drilling đã phát hành thêm 33.572.000 cổ phiếu để tăng vốn, đồng thời phát hành thêm 8.567.730 cổ phiếu để trả cổ tức nhằm bổ sung nguồn tiền vào đầu tư.
- Năm 2008, Tổng công ty phát hành thêm 22.027.774 cổ phiếu để trả cổ tức vào giữa năm.
- Trong năm 2009 được đánh dấu sự kiện quan trọng về việc phát hành thêm vốn cổ phần. Trước tiên là việc phát hành thành công 25.716.285 cổ phiếu để thực hiện chuyển đổi cổ phiếu sáp nhập công ty con PVD Invest (51% vốn của PV Drilling) vào PV Drilling. Việc sáp nhập giúp PV Drilling sở hữu và quản lý hoàn toàn

2 giàn khoan PV Drilling II và PV Drilling III, từ đó giúp nâng cao lợi thế và năng lực cạnh tranh của mình. Đến cuối tháng 12/2009, PV Drilling đã phát hành thêm 52.624.426 cổ phiếu để tạm ứng cổ tức 2009. Nguồn tiền giữ lại dự kiến dùng để tài trợ dự án đầu tư giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) để phục vụ hợp đồng dài hạn gần 5 năm cung cấp dịch vụ khoan được ký kết với Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông.

Với các khoản vay và nguồn vốn chủ sở hữu nêu trên, cơ cấu về nguồn vốn của PV Drilling thể hiện qua các năm như sau:

Cơ cấu vốn	2006	2007	2008	2009
Nợ ngắn hạn	31,1%	15,5%	45,6%	20,2%
Nợ dài hạn	32,5%	30,0%	24,5%	45,5%
Tổng nợ	63,6%	45,5%	70,1%	65,7%
Vốn chủ sở hữu	36,4%	54,5%	29,9%	34,3%

Với việc giải ngân hết các khoản vay dài hạn vào cuối năm 2009 để tài trợ đầu tư 2 giàn khoan tự nâng PV Drilling II & III, cơ cấu nguồn vốn có sự thay đổi lớn so với năm 2008. Khoản nợ ngắn hạn giảm từ 45,6% năm 2008 xuống còn 20,2% năm 2009, tương ứng từ 3.934 tỷ đồng xuống còn 2.495 tỷ đồng; đồng thời khoản nợ dài hạn tăng từ 24,5% lên 45,5%, tương ứng từ 2.116 tỷ đồng tăng lên 5.628 tỷ đồng. Về cơ cấu thì mặc dù có sự thay đổi lớn về cơ cấu nợ ngắn hạn và dài hạn, nhưng tổng cơ cấu nợ trong năm 2009 lại giảm so với 2008, xuống còn 65,7% so với 70,1% và cơ cấu vốn chủ sở hữu tăng từ 29,9% trong năm 2008 lên 34,3% trong năm 2009 do vốn chủ sở hữu cũng gia tăng trong năm 2009 từ việc sáp nhập PVD Invest.

Với sự chuyển biến trong cấu trúc vốn ở trên, chỉ số Nợ trên Vốn chủ sở hữu của PV Drilling thể hiện qua các năm như sau:

	2006	2007	2008	2009
Tổng nợ	1.383	1.969	6.051	8.123
Vốn chủ sở hữu (bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số)	792	2.361	2.582	4.245
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	1,75	0,83	2,34	1,91

Nếu so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành, chỉ số này là tương đối do PV Drilling đang trong giai đoạn phát triển và tính chất chi phí đầu tư các giàn khoan cao, thời gian hoạt động của các giàn khoan tương đối dài (trên 20 năm) nên chỉ số trên được xem là hợp lý.

	2006	2007	2008	2009
Lợi nhuận trước thuế	161.623	579.875	928.748	925.935
- (Tăng) / giảm các khoản phải thu	(214.289)	(301.746)	(19.239)	(107.457)
- (Tăng) / giảm hàng tồn kho	(45.619)	18.905	(130.447)	(146.990)
- Tăng / (giảm) các khoản phải trả	(194.627)	(110.505)	951.606	617.936
- Tiền lãi vay đã trả	0	(66.785)	(83.494)	(46.127)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(33.971)	(15.962)	(7.838)	(60.829)
- Dòng tiền từ các hoạt động kinh doanh khác	(28.590)	75.550	147.836	43.469
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	(355.473)	179.332	1.787.172	1.225.937
Tổng nợ vay	705.464	1.403.221	3.862.728	6.348.677
Hệ số dòng tiền hoạt động kinh doanh / Tổng nợ vay (lần)	(0,50)	0,13	0,46	0,19



Trong những tài sản đầu tư của PV Drilling, giàn khoan với tỷ suất sinh lợi và hiệu suất hoạt động cao là một trong những khoản đầu tư quan trọng, đóng góp đáng kể vào dòng tiền của PV Drilling. Khoản lợi nhuận thuần của dịch vụ khoan chiếm tỷ trọng từ 55% - 80% trong tổng lợi nhuận của Tổng công ty trong các năm vừa qua.

Lợi nhuận trước thuế từ 580 tỷ đồng năm 2007 tăng lên 929 tỷ đồng năm 2008 và 926 tỷ đồng năm 2009. Tương ứng với kết quả kinh doanh trên, dòng tiền hoạt động kinh doanh tăng từ 179 tỷ trong năm 2007 lên 1.787 tỷ trong năm 2008 và 1.226 tỷ đồng trong năm 2009. Cũng như đề cập ở phần trên, các khoản nợ vay dài hạn để đầu tư giàn khoan được giải ngân hết vào cuối năm 2009, nên tổng mức nợ vay tăng từ 3.863 tỷ đồng trong năm 2008 lên 6.349 tỷ đồng trong năm 2009. Tương ứng với các kết quả trên, hệ số dòng tiền hoạt động kinh doanh trên tổng nợ vay giảm từ 0,46 lần trong năm 2008 xuống còn 0,19 lần trong năm 2009. Với mức hệ số trên là 0,19 lần tương đương khoảng 5,2 năm thì tổng dòng tiền hoạt động mới bằng tổng các khoản nợ vay. Tuy nhiên, như đề cập ở trên, các khoản nợ vay hầu hết là các khoản vay dài hạn, có thời gian vay (bao gồm cả thời gian ân hạn) bình quân là 6,5 năm trở lên (> 5,2 năm), vì thế những rủi ro về dòng tiền hoạt động nằm trong mức độ an toàn.

Mức độ đảm bảo của thu nhập

Với cơ cấu nợ lớn trong tổng cơ cấu nguồn vốn nên rủi ro tài chính của PV Drilling thường được các nhà đầu tư quan tâm. Vì vậy, hiệu quả kinh doanh của dự án đầu tư cần được xem xét để bảo đảm an toàn tài chính cho PV Drilling. Mức độ đảm bảo thu nhập là một chỉ tiêu cần thiết để đánh giá mức độ rủi ro của Doanh nghiệp.

Mức độ đảm bảo thu nhập tập trung vào mối liên hệ giữa phí cố định liên quan tới các khoản nợ và thu nhập sẵn có để chi trả cho những khoản nợ đó. Thu nhập sẵn có bao gồm những khoản thu nhập trước thuế và lãi vay (bao gồm lãi vay được vốn hóa) đã loại trừ những nghĩa vụ cổ đông như chi trả lãi cho các cổ đông thiểu số. Chi phí cố định liên quan đến nợ bao gồm những chi phí lãi vay và chi phí lãi vay được vốn hóa.

Theo kết quả hoạt động kinh doanh, hệ số đảm bảo thu nhập qua các năm như sau:

Đơn vị: triệu VND

	2007	2008	2009	2010 (dự tính)
Thu nhập sẵn có	673.772	1.064.795	1.130.028	1.128.500
Lợi nhuận trước thuế (+)	579.875	928.748	925.935	800.000
Lãi vay (+)	76.857	78.731	71.726	333.000
Thu nhập chưa chia của các cổ đông ít hơn 50% (-)	-4.484	-10.817	-3.049	-4.500
Lãi vay được vốn hóa	21.524	68.133	135.416	
Phí cố định liên quan đến nợ	98.381	146.864	207.142	333.000
Lãi vay (+)	76.857	78.731	71.726	333.000
Lãi vay được vốn hóa	21.524	68.133	135.416	
Hệ số đảm bảo thu nhập (lần)	6,8	7,3	5,5	3,4

Với nguồn thu nhập ổn định và tăng trưởng, chủ yếu đến từ dịch vụ khoan, từ năm 2008 PV Drilling đã có sự chuyển biến mạnh về nguồn thu nhập sẵn có, với 674 tỷ đồng năm 2007 tăng lên 1.065 tỷ đồng năm 2008, năm 2009 tăng lên 1.130 tỷ đồng.

Mặc khác, lãi vay trong năm 2007 và 2008 chủ yếu là những khoản lãi vay cho các hợp đồng vay tài trợ cho giàn khoan PV DRILLING I và giàn khoan đất liền PV DRILLING 11. Trong năm 2008, chi phí lãi vay còn được tính thêm 68 tỷ đồng chi phí lãi vay vốn hóa cho việc đầu tư giàn khoan PV DRILLING II & III. Trong năm 2009, các khoản chi phí lãi vay giảm còn 72 tỷ đồng nhờ lãi suất giảm và các khoản nợ gốc được trả một phần. Tuy nhiên, chi phí lãi vay vốn hóa là 135 tỷ đồng liên quan đến việc đầu tư giàn khoan PV DRILLING II & III.

Từ dòng thu nhập sẵn có và chi phí cố định lãi vay, hệ số đảm bảo thu nhập của PV Drilling giữ một hệ số khá cao. Mặc dù chi phí cố định lãi vay tăng vào cuối năm 2009, nhưng hệ số vẫn giữ ở mức 5,5 lần. Theo một số kết quả thống kê, các tỷ lệ vỡ nợ được phân loại theo hệ số đảm bảo thu nhập. Với hệ số đảm bảo thu nhập lớn hơn 3 lần thì tình trạng doanh nghiệp được đánh giá là ở mức độ an toàn cao (biểu đồ về tỷ số vỡ nợ).

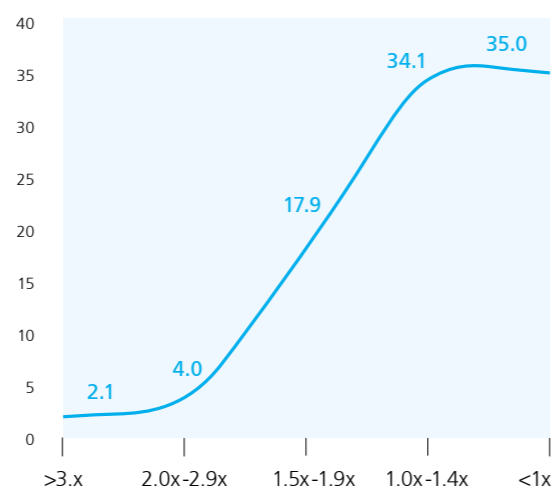
Hệ số Nợ / EBITDA

Với PV Drilling, mặc dù tổng số nợ vay cao nhưng với hiệu quả hoạt động kinh doanh tốt, rủi ro tài chính được đánh giá ở mức độ an toàn thông qua các số liệu sau:

Đơn vị: triệu VND

	2007	2008	2009	2010 (dự tính)
Tổng nợ vay bình quân	1.054.343	2.632.975	5.105.703	6.555.316
EBITDA	740.954	1.157.021	1.222.733	1.901.654
Nợ vay bình quân/ EBITDA	1,4	2,3	4,2	3,4

Tỷ số vỡ nợ (%)



Với việc giải ngân hết các khoản vay đầu tư giàn khoan PV DRILLING II & III vào cuối năm 2009 làm tổng nợ vay bình quân tăng từ 2.633 tỷ đồng năm 2008 lên 5.106 tỷ đồng. Với EBITDA trong năm 2009 là 1.222 tỷ đồng ta có hệ số Nợ vay bình quân trên EBITDA (Nợ BQ / EBITDA) là 4,2 lần. Dự kiến trong năm 2010, PV Drilling sẽ trả khoảng 44,5 triệu USD vốn gốc cho các khoản nợ dài hạn đầu tư giàn khoan, đồng thời cũng cần một khoản tài trợ nợ cho đầu tư giàn khoan Tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (Tender Assist Drilling Rig – TAD) sẽ làm tổng nợ vay bình quân tăng lên là 6.555 tỷ đồng, tương ứng với hệ số Nợ vay BQ/EBITDA là 3,4. Theo bảng thống kê chỉ số doanh nghiệp của Standard & Poors, với hệ số Nợ BQ/EBITDA là 3,4 lần thì Doanh nghiệp được nằm trong nhóm có hệ số đòn bẩy cao và chỉ số tín dụng ở mức BB. Với mức độ đánh giá trên, doanh nghiệp vẫn nằm ở mức bảo đảm có khả năng thanh toán các khoản nợ và các khoản cam kết tài chính khác.

Năm 2010 sẽ là năm PV Drilling gánh chịu chi phí lãi vay cao nhất do số lãi vay đầu tư giàn khoan PV DRILLING II & III bắt đầu được ghi nhận vào chi phí sản xuất và số lãi vay này được tính toán trên số dư nợ vay cao nhất sau khi giàn khoan được đưa vào hoạt động. Tuy nhiên, với hệ số đảm bảo thu nhập ước tính khoảng 3,4 lần và hệ số Nợ bình quân trên EBITDA khoảng 3,4 lần trong năm 2010, rủi ro về nợ của PV Drilling vẫn nằm trong mức kiểm soát được và sẽ không còn là nỗi lo của chính Doanh nghiệp và các nhà đầu tư.



Triển Vọng Kinh Doanh Ngành Dầu Khí, Kế Hoạch Kinh Doanh Năm 2010 Và Chiến lược phát triển trung, dài hạn

Triển Vọng Thị Trường Dầu Khí Thế Giới Và Việt Nam

Thế giới: cung và cầu tăng trưởng trong dài hạn và giá dầu sẽ phục hồi quanh mức 83USD/thùng

Năm 2009 đánh dấu một năm đầy biến động của nền kinh tế thế giới và mở ra một hy vọng mới cho năm 2010 khi có nhiều chuyên gia nhận định giai đoạn “khủng hoảng đã chạm đáy”. Tuy nhiên, cũng có nhiều nhận định trái chiều về tình hình kinh tế thế giới trong năm 2010, nhưng chung quy lại sự phục hồi luôn được đón đợi dù biết rằng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thử thách.

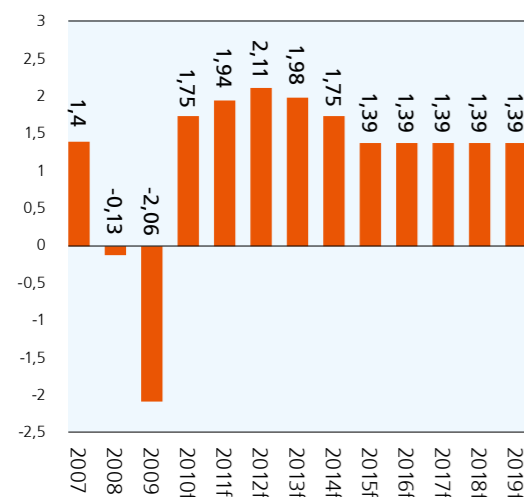
Về triển vọng trong dài hạn, BMI dự báo mức tăng trưởng bình quân hàng năm của lượng cầu đối với dầu mỏ là 1,24% trong giai đoạn từ năm 2009 đến 2014, tiếp theo đó là mức tăng trưởng bình quân 1,39% từ năm 2014 đến 2019. Đối với nguồn cung, dự báo nguồn cung thế giới sẽ tăng trưởng bình quân 1,5% hàng năm từ giai đoạn 2009 – 2014, và mức tăng bình quân 1,2% từ giai đoạn 2014 – 2019. Trong đó, nguồn cung thấp nhất trong năm 2009, tương ứng với mức giảm -1,8%.

Điều này cho thấy nền kinh tế toàn cầu đang thoát đáy trong giai đoạn cuối năm 2009 để bắt đầu xu hướng tăng trưởng tích cực hơn từ năm 2010. Đà tăng trưởng được kì vọng sẽ mạnh lên trong giai đoạn 2011-2013.

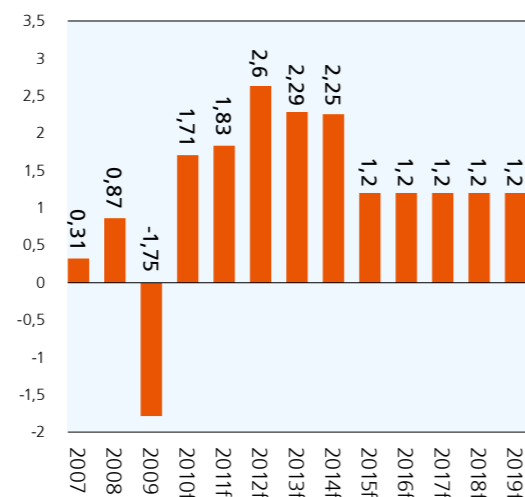
Do nhu cầu dầu mỏ vẫn chưa tăng một cách chắc chắn trong năm 2010, cũng như những nước xuất khẩu dầu mỏ không thuộc OPEC vẫn chưa mở rộng nguồn cung ứng nên rất ít khả năng OPEC đẩy mạnh nguồn cung dầu mỏ trong năm 2010. Tuy nhiên, dù nguồn cung có bị kiểm giữ thì giá dầu vẫn phục hồi và được OPEC dự báo mức giá bình quân

cho năm 2010 là 83USD/thùng. Thời điểm chuyển tiếp sang năm 2011, lượng tiêu thụ dầu mỏ sẽ tăng trưởng hơn nữa và sẽ tạo điều kiện cho OPEC đẩy mạnh cung ứng.

Tốc độ tăng trưởng nhu cầu dầu thô %



Tốc độ tăng trưởng nguồn cung dầu thô %



Việt Nam: trữ lượng xếp thứ nhì trong khu vực Đông Nam Á và tiềm năng khai thác lớn

Theo báo cáo thống kê của tập đoàn BP vừa qua thì trữ lượng dầu mỏ và khí đốt của Việt Nam đến cuối năm 2008 vào khoảng 4,73 tỷ thùng dầu và 560 tỷ m³ khí. So với các nước trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam xếp thứ nhì trong khu vực về trữ lượng dầu thô, chỉ sau Malaysia với trữ lượng 5,5 tỷ thùng dầu. Tuy nhiên, Việt Nam lại là nước có hệ số trữ lượng trên sản xuất (hệ số R/P – Reserves/Production) cao nhất trong khu vực cũng như ở mức khá cao trên thế giới với hệ số R/P của dầu thô là 41 lần và hệ số R/P của khí đốt là 70 lần.

Trữ lượng dầu	Cuối năm 2008			Cuối năm 2008			
	Nghìn triệu thùng	Nghìn triệu thùng	Nghìn triệu thùng	Nghìn triệu tấn	Nghìn triệu thùng	Tỷ trọng	Hệ số R/P
Úc	3,4	4,1	4,2	0,5	4,2	0,3%	20,4
Brunei	1,2	1,0	1,1	0,1	1,1	0,1%	16,9
Trung Quốc	17,3	17,4	16,1	2,1	15,5	1,2%	11,1
Ấn Độ	4,5	5,4	5,5	0,8	5,8	0,5%	20,7
Indonesia	9	5,1	4,0	0,5	3,7	0,3%	10,2
Malaysia	3,4	4,7	5,5	0,7	5,5	0,4%	19,8
Thái Lan	0,1	0,4	0,5	0,1	0,5		3,9
Việt Nam	0,1	1,9	3,4	0,6	4,7	0,4%	40,8
Các nước Châu Á - Thái Bình Dương khác	1,0	1,3	1,1	0,1	1,1	0,1%	12,8
Tổng cộng	39,9	41,3	41,3	5,6	42,0	3,3%	14,5

Trữ lượng dầu	Cuối năm 1988	Cuối năm 1998	Cuối năm 2007	Cuối năm 2008		Tỷ trọng	Hệ số R/P
	Nghìn tỷ mét khối	Nghìn tỷ mét khối	Nghìn tỷ mét khối	Nghìn tỷ mét khối	Nghìn tỷ "feet" khối		
Úc	1,11	1,65	2,41	88,6	2,51	1,4%	65,6
Bangladesh	0,35	0,3	0,37	13,1	0,37	0,2%	21,4
Brunei	0,32	0,38	0,34	12,4	0,35	0,2%	28,8
Trung Quốc	0,92	1,37	2,26	86,7	2,46	1,3%	32,3
Ấn Độ	0,60	0,67	1,06	38,5	1,09	0,6%	35,6
Indonesia	2,56	2,18	3,00	112,5	3,18	1,7%	45,7
Malaysia	1,49	2,41	2,39	84,3	2,39	1,3%	38,2
Myanmar	0,27	0,29	0,49	17,5	0,49	0,3%	39,9
Pakistan	0,65	0,61	0,85	30,1	0,85	0,5%	22,7
Papua New Guinea	0,13	0,43	0,44	15,6	0,44	0,2%	*
Thái Lan	0,20	0,42	0,32	10,7	0,3	0,2%	10,5
Việt Nam	n/a	0,17	0,48	19,7	0,56	0,3%	70,1
Các nước Châu Á - Thái Bình Dương khác	0,27	0,51	0,40	13,9	0,39	0,2%	22,1
Tổng cộng	8,86	11,39	14,80	543,5	15,39	8,3%	37,4

Khu vực khai thác dầu mỏ chính của Việt nam tập trung ngoài khơi phía Nam chủ yếu là bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn. Thành tựu lớn nhất trong thời gian gần đây chính là phát hiện khu mỏ Sư Tử Vàng, được khai thác từ tháng 10-2008 và đạt sản lượng 65.000 thùng/ngày tính đến đầu năm 2009. Mỏ dầu lớn thứ hai được phát hiện gần đây là Rạng Đông-Phước Đông, đã khai thác từ tháng 8-2008 với sản lượng khoảng 37.000-38.000 thùng/ngày. Nhờ thế, sản lượng khai thác dầu trong năm 2009 đạt khoảng 350.000 thùng/ngày và đang có xu hướng tăng trở lại sau 4 năm sụt giảm.

Theo dự báo của BMI, trữ lượng dầu mỏ của Việt Nam sẽ tăng lên khoảng 4,8 tỷ thùng trong giai đoạn 2010-2011 nhờ vào những đột phá và thành công trong hoạt động thăm dò và khai thác dầu. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam kỳ vọng sẽ thăm dò tìm kiếm thành công 110 triệu thùng dầu quy đổi trong giai đoạn 2011-2015 với những đối tác như Soco International and Premier Oil. Trữ lượng khí đốt ước tính sẽ đạt khoảng 650 tỷ m³ đến năm 2014.

Như vậy, với những số liệu trên cho thấy được tiềm năng khai thác dầu khí của Việt Nam còn rất lớn. Hệ số R/P khoảng 41 lần là hệ số rất cao so với khu vực và thế giới, kèm theo những phát hiện dầu khí mới giúp cho trữ lượng dầu mỏ được dự báo tăng trưởng thêm 1,5% đến cuối năm 2011. Đây là những con số minh chứng cho thị trường dầu khí Việt Nam có đầy cơ hội và thử thách ở phía trước.

Thị trường giàn khoan khu vực Đông Nam Á

Vùng Đông Nam Á là khu vực giàu nguồn hydrocarbon. Khu vực hình thành nguồn này bao gồm các nước Brunei, Burma, Cambodia, Timor-Leste, Indonesia, Lào, Malaysia, Papua New Guinea, Philippines, Singapore, Thái lan và Việt Nam.

Khu vực ngoài khơi có nhiều nguồn hydrocarbon ở khu vực Đông Nam Á là vùng nước nông và gần bờ. Chính vì tính chất địa lý như thế, Đông Nam Á là khu vực có số giàn khoan hoạt động nhiều nhất. Giai đoạn năm 2007 - 2009 vừa qua cũng là giai đoạn chứng kiến sự bùng nổ xây dựng các giàn khoan. Những hãng đóng giàn khoan lớn như Keppel, Jurong và PPL là nơi đang đóng mới nhiều giàn khoan cho khu vực. Tổng cộng hiện nay có 36 giàn khoan, 17 nửa nổi nửa chìm, 16 giàn tự nâng và 3 tàu khoan đang trong quá trình xây dựng để cung cấp cho thị trường Đông Nam Á. Giá trị của 36 giàn khoan cho khu vực Đông Nam Á hơn khoảng 14 tỷ USD, chiếm một tỷ trọng đáng kể của nền kinh tế trong khu vực, trong đó dự

tính sẽ có khoảng 20 giàn được hoàn thành trong năm 2010, 11 giàn vào năm 2011 và 5 giàn hoàn thành vào năm 2012.

Tuy nhiên, đi kèm theo sự bùng nổ đó là sự mất cân đối trong nguồn cung và cầu. Hiện nay, trong khu vực có 64 giàn khoan gồm có 3 tàu khoan, 13 giàn khoan nửa nổi nửa chìm và 48 giàn khoan tự nâng. Nhưng nhu cầu về giàn khoan lại ở mức thấp đáng kể, đặt biệt đối với giàn tự nâng, với nhu cầu có 35 giàn tự nâng, 9 giàn khoan nửa nổi nửa chìm và 2 tàu khoan. Điều này khiến hiệu suất hoạt động trong khu vực giảm xuống chỉ còn 72%.

Ngoài ra, cùng với những tác động khó lường của khủng hoảng kinh tế thế giới và sự mất cân đối nguồn cung và cầu trên thị trường khoan, giá cho thuê giàn khoan cũng bị áp lực và sụt giảm mạnh. Từ mức giá cho thuê bình quân 200.000 USD/ngày trong giai đoạn đỉnh điểm năm 2007, đến nay giá cho thuê sụt giảm mạnh hơn 40% chỉ còn bình quân khoảng 120.000 USD/ngày.

Vì thế, trong khi những yếu tố cơ bản cho thị trường khoan của giàn tự nâng là không thay đổi thì việc tìm kiếm hoạt động cho các giàn tự nâng này có nhiều thử thách hơn khi mà có sự sụt giảm giá dầu và hạn hẹp ngân sách cho tìm kiếm thăm dò dầu khí, tạo ra nhiều áp lực hơn cho cả hiệu suất hoạt động và giá thuê giàn trong khu vực. Tuy nhiên, riêng đối với thị trường Việt Nam, trong đó PV Drilling là nhà cung cấp dịch vụ khoan duy nhất ở trong nước có năng lực và kinh nghiệm tốt, được sự hỗ trợ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thì với những triển vọng khá lớn của ngành dầu khí cùng với giá dầu thô đang dần phục hồi và ổn định, thì đây là một thị trường nhiều cơ hội và đầy tiềm năng.

Kế Hoạch Kinh Doanh 2010

Đứng trước những cơ hội về triển vọng dầu khí thế giới và Việt Nam nhưng cũng có nhiều thách thức và bị tác động của thị trường giàn khoan khu vực Đông Nam Á, trong năm 2010, PV Drilling đặt ra nhiều tham vọng phía trước nhưng đồng thời lại có những bước tiến thận trọng. Năm 2010 được mong chờ sẽ chấm dứt được cuộc khủng hoảng tài chính thế giới và mở cánh cửa cho sự phục hồi. PV Drilling sẽ tận dụng mọi cơ hội để phát triển và mở rộng thị trường khoan tại Việt Nam và tiến ra khu vực, cụ thể PV Drilling sẽ chiếm lĩnh 50% thị phần dịch vụ khoan trong nước không chỉ từ các giàn khoan PV Drilling sở hữu mà còn từ các giàn khoan đi thuê từ nước ngoài đưa về điều hành phục vụ các hợp đồng khoan cho các công ty dầu khí tại Việt Nam, làm tiền đề cho sự phát triển lâu dài. **Mạnh mẽ hơn trong phát triển dịch vụ, chuyên nghiệp hơn trong phát triển con người** đó là nền tảng hướng đến sự thành công trong năm 2010 và những năm tiếp theo.

Tuy nhiên, những dấu hiệu rủi ro vẫn còn đó như tình hình thâm hụt ngân sách, áp lực lạm phát tăng cao, tỷ lệ thất nghiệp cao vẫn chưa có khuynh hướng sụt giảm. Vì thế, đứng trên quan điểm thận trọng, lường trước hết những rủi ro có thể xảy ra, PV Drilling đặt ra kế hoạch kinh doanh trong năm 2010 với các giả định sau đây:

- Giá dầu thế giới ước tính năm 2010 sẽ hồi phục ở mức bình quân 83 USD/thùng. Tuy nhiên, theo một số kết quả thống kê, giá giàn khoan thường bị tác động bởi giá dầu theo một độ trễ thời gian nhất định, bình quân khoảng 6 tháng. Ngoài ra theo kinh nghiệm, giá giàn khoan còn bị ảnh hưởng phần lớn bởi những yếu tố khác như số lượng cung và cầu giàn khoan, sự ổn định bền vững của tăng trưởng kinh tế... Với những phân tích được đề cập ở các phần trên, PV Drilling đánh giá tình hình thị trường giàn khoan ở khu vực Đông Nam Á cũng như ở Việt Nam sẽ còn gặp nhiều thử thách trong năm 2010. Giá dịch vụ cho thuê giàn khoan đang nằm trong giai đoạn chạm đáy, nhưng vẫn chưa có thể phục hồi hoàn toàn trở lại được, nên sẽ chỉ dao động ở mức 130.000 USD mỗi ngày.
- Cùng với những khó khăn của thị trường khoan, dự tính thị trường giá dịch vụ kỹ thuật giếng khoan cũng sẽ giảm so với năm 2009.
- Năm 2010 cũng là năm PV Drilling bắt đầu thanh toán những khoản lãi vay cho giàn khoan PV DRILLING II &

III, vì thế chi phí tài chính cũng sẽ tăng cao. Dự tính trong năm 2010 sẽ thanh toán khoảng trên 300 tỷ đồng lãi vay cho các khoản vay liên quan đến đầu tư giàn khoan. Vì thế, chi phí tài chính năm 2010 sẽ tăng cao gấp khoảng 4 lần so với năm 2008.

- Dịch vụ khoan là ngành đặc thù nên việc tìm kiếm nguồn nhân lực là các kỹ sư khoan có chuyên môn kỹ thuật cao làm việc trên các giàn khoan là điều không dễ dàng, nhất là đối với nhân sự là người Việt Nam.
- Tỷ giá ngoại tệ ngày càng tăng cao dẫn đến các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ và ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh.

Kế hoạch Năm 2010

Tỷ VNĐ	2010	2009	So sánh 2010 với 2009
Doanh thu	5.100	4.097	24,49%
Lợi nhuận trước thuế và trước đánh giá chênh lệch tỷ giá cho các khoản vay bằng USD	1.132	1.076	5,22%
Lợi nhuận trước thuế	800	926	-13,60%
Lợi nhuận sau thuế	700	815	-14,07%

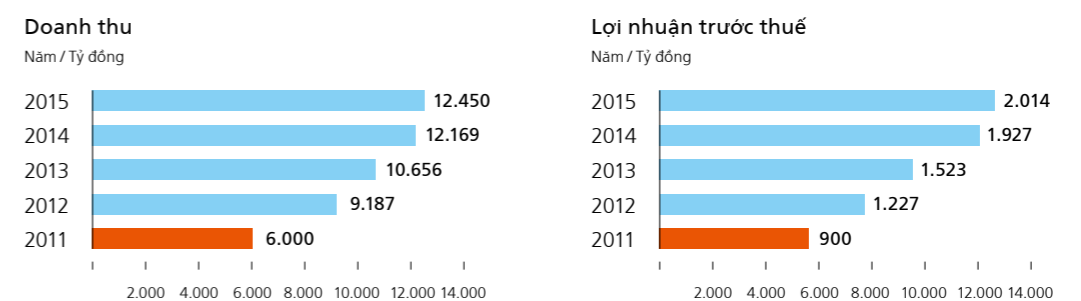
Mặc dù đối mặt với những khó khăn như đã nêu trên, PV Drilling vẫn đặt yếu tố tăng trưởng lên hàng đầu, với 5.100 tỷ đồng doanh thu, tăng 24,5% so với năm 2009. Về lợi nhuận, PV Drilling nỗ lực để duy trì hiệu quả kinh doanh trong hoàn cảnh giá thuê giàn khoan và các dịch vụ khoan giảm sút. Lợi nhuận trước thuế nếu không tính ảnh hưởng của việc đánh giá chênh lệch tỷ giá các khoản vay của năm 2010, dự kiến đạt 1.132 tỷ đồng, tăng 5% so với năm trước. Tuy nhiên, do dự trù tác động từ việc điều chỉnh tăng tỷ giá Liên ngân hàng VNĐ/USD của Ngân hàng Nhà nước trong năm 2010, PV Drilling phải dự tính thêm khoản lỗ đánh giá chênh lệch tỷ giá cho các khoản vay ngoại tệ khoảng 332 tỷ đồng, làm giảm lợi nhuận trước thuế xuống còn 800 tỷ đồng, giảm 13,6% so với 2009. Vì vậy, lợi nhuận sau thuế dự tính đạt 700 tỷ đồng trong năm 2010. Lợi nhuận tuy có suy giảm, nhưng năm 2010 PV Drilling đặt mục tiêu chiếm lĩnh thị trường giàn khoan.

Năm 2010 dự đoán vẫn còn nhiều khó khăn nhưng sẽ là năm mang lại cho PV Drilling nhiều cơ hội quý báu cho sự phát triển và gia tăng thị phần. Nếu chúng ta nhìn nhận cơ hội mở rộng thị phần trong năm này là tiền đề cho sự tăng trưởng mạnh mẽ ở những năm sau khi kinh tế hồi phục thì nhận định về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 là tích cực tuy lợi nhuận dự tính có suy giảm so với năm trước.

Chiến lược phát triển trung, dài hạn

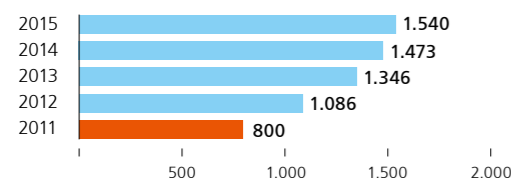
Phấn đấu đến năm 2015, PV Drilling trở thành nhà cung cấp dịch vụ khoan và kỹ thuật giếng khoan hàng đầu trong khu vực Đông Nam Á và vươn lên đứng vị trí thứ 3 ở Châu Á. Tiếp tục phát huy thế mạnh của mình, PV Drilling không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ với giá thành cạnh tranh, tạo ra giá trị gia tăng cho khách hàng nhằm khẳng định vị trí Người tiên phong của ngành khoan dầu khí Việt Nam.

Để thực hiện chiến lược phát triển dài hạn, PV Drilling cụ thể hóa những mục tiêu như sau:

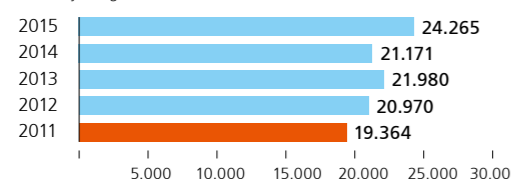


Lợi nhuận sau thuế

Năm / Tỷ đồng

**Tổng tài sản**

Năm / Tỷ đồng



- **Doanh thu:** dự tính tăng trưởng bình quân 20% hằng năm, ước tính PV Drilling đạt trên 12,000 tỷ đồng doanh thu vào năm 2015.

- **Lợi nhuận sau thuế:** dự tính tăng trưởng 18%/năm, tạo ra mức lợi nhuận sau thuế dự tính đạt trên 1,500 tỷ đồng vào năm 2015.

- **Tổng tài sản:** Với kế hoạch gia tăng thêm 3 giàn khoan biển và 2 giàn khoan đất liền cùng với sự đầu tư vào các dịch vụ khác ngoài dịch vụ khoan trong 5 năm tới, ước tính PV Drilling sở hữu tổng tài sản với giá trị khoảng 24,000 tỷ đồng vào cuối năm 2015, tăng gấp đôi so với thời điểm cuối năm 2009.

Giải Pháp Của PV Drilling Để Hoàn Thành Kế Hoạch Năm 2010 Và Để Phát Triển Bền Vững Trong Tương Lai

Đối với công tác quản trị nguồn nhân lực

PV Drilling luôn luôn coi trọng nhân tố con người là yếu tố quan trọng trong bối cảnh thị trường lao động ngoài nước cũng đang được mở rộng, lao động Việt Nam có cơ hội tham gia tích cực vào quá trình phân công lao động quốc tế. Để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của mình, PV Drilling đã có định hướng rõ ràng trong chiến lược xây dựng và phát triển lực lượng lao động chuyên ngành nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự phát triển nhảy vọt của PV Drilling với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực gắn liền với sự phát triển của Tổng Công ty.

Trong năm 2010, Tổng Công ty đã có kế hoạch đào tạo cụ thể, dự tính có khoảng 196 khóa đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý cho các cán bộ quản lý, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ nghiệp vụ, và nhất là tăng cường đào tạo chuyên môn kỹ thuật cao cho các kỹ sư, chuyên gia..., tiến tới dần thay thế các chức danh người nước ngoài bằng người Việt Nam, cụ thể thành lập Ban đào tạo các chức danh kỹ thuật cao để xây dựng lộ trình cho việc đưa người Việt Nam dần thay thế người lao động nước ngoài.

Hiện tại, PV Drilling tự hào có đội ngũ công nhân, kỹ sư, chuyên gia lành nghề, giàu kinh nghiệm, đang làm việc cho các nhà thầu dầu khí nước ngoài như Globle Santafe, Transocean, Neptune Drilling, Premium Drilling, KNOC, Seadrill... chiếm hơn 80% thị trường lao động chuyên ngành khoan của Việt Nam. Đặc biệt một số chức danh đã thay thế được chuyên gia nước ngoài như trợ lý kỹ trưởng, trợ lý thuyền trưởng, lái cầu... PV Drilling là một trong số ít các nhà thầu khoan sở hữu đội ngũ nhân lực khoan và địa chất hùng hậu. Đây chính là cơ sở vững chắc để Tổng công ty phát triển trong tương lai.

Trong kế hoạch đào tạo của mình, PV Drilling sẽ ưu tiên cho các khóa đào tạo chuyên môn sâu cho các kỹ sư, các chuyên gia trực tiếp vận hành những máy móc thiết bị công nghệ cao. Đồng thời PV Drilling cũng tuân thủ nghiêm ngặt những khóa đào tạo an toàn bắt buộc, và quan trọng nhất là kiểm tra chất lượng đào tạo.

Bên cạnh đó, PV Drilling sẽ tiếp tục duy trì chính sách lương, thưởng hợp lý và các chế độ phúc lợi tốt, nhằm động viên khuyến khích tinh thần người lao động, tạo cơ hội thăng tiến trong công việc...đảm bảo sự gắn bó lâu dài của CBCNV với Tổng Công ty, hơn thế nữa PV Drilling sẽ xây dựng quy chế lương, thưởng đặc biệt cho lao động người Việt Nam đảm nhận được các chức danh mà chỉ có người nước ngoài đảm nhận được từ trước đến nay, nhằm thu hút và giữ chân nhân tài, cũng như thu hút được lực lượng lao động có chuyên môn cao gia nhập vào PV Drilling.

Việc xây dựng, phát triển và quản trị nguồn nhân lực hợp lý và hiệu quả sẽ giúp PV Drilling củng cố năng lực kinh doanh độc lập của mình, không lệ thuộc vào nhà thầu nước ngoài trong các dịch vụ khoan có kỹ thuật cao, là nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững lâu dài của PV Drilling.

Đối với hoạt động SXKD:

Điều hành hiệu quả và an toàn các giàn khoan. Tích cực tìm kiếm hợp đồng cho các giàn khoan.

Từ năm 2010 trách nhiệm của PV Drilling trở nên nặng nề và khó khăn hơn khi điều hành cùng lúc 4 giàn khoan sao cho các giàn khoan hoạt động với hiệu suất cao nhất, giảm thiểu rủi ro và tác động môi trường để đảm bảo hiệu quả an toàn ở mức cao nhất như những thành quả đã đạt được năm 2009 (Năm 2009, giàn khoan PV DRILLING I và II đạt hiệu suất hoạt động trung bình trên 99%). Để đạt được mục tiêu trên là một thách thức rất lớn của PV Drilling, đòi hỏi sự nỗ lực của toàn bộ nhân viên PV Drilling từ đội ngũ công nhân và chuyên gia trực tiếp vận hành giàn khoan, đến đội ngũ hậu cần, bảo dưỡng bảo trì...

Bên cạnh đó, PV Drilling sẽ tích cực tìm kiếm khách hàng bằng cách tăng cường công tác marketing cho các giàn khoan của mình, tích cực tạo mối quan hệ tốt với các công ty dầu khí để tìm hiểu về các chương trình khoan của họ. Đồng thời tận dụng sự hỗ trợ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong việc tìm kiếm hợp đồng khoan và sự hậu thuẫn về các chính sách dầu khí.

Phát triển các dịch vụ khác ngoài dịch vụ khoan

Ngoài dịch vụ khoan là dịch vụ chủ lực, PV Drilling sẽ tiếp tục chú trọng đẩy mạnh việc phát triển các loại hình dịch vụ kỹ thuật cao mà PV Drilling có thể tự thực hiện hoặc tỷ lệ tự thực hiện cao như xưởng cơ khí (Workshop), nhân lực khoan (Manpower), đo Karota khí (Mud Logging), thử vỉa (Well testing), cho thuê thiết bị (tool rental), kéo thả ống chống (Tubular running), kỹ thuật giếng khoan (Technical services) và các dịch vụ mang lại lợi nhuận cao khác.

Nhu cầu thị trường trong nước năm 2010 cũng như nhiều năm tiếp theo còn rất nhiều tiềm năng. Các Công ty Dầu khí hoạt động tại Việt Nam như JVPC, Thăng Long, Cửu Long, Premier Oil, Pearl Energy, Salamender, Hoàng Long/Hoàn Vũ, Côn Sơn, Trường Sơn, Petronas, Lam Sơn,... đang tiến hành một loạt các chương trình khoan thăm dò và phát triển.

Với tiềm năng to lớn của thị trường trong nước và thị trường nước ngoài chưa được thâm nhập, năm 2010, PV Drilling có kế hoạch đầu tư thêm một số máy móc thiết bị chính như: các loại máy phay, máy khoan...cho dịch vụ Workshop; đầu tư thêm 3 trạm đo Karota khí cho dịch vụ Mud Logging với mục đích mở rộng thị phần của dịch vụ này ra nước ngoài (hiện tại dịch vụ này đã vươn lên chiếm tới 80% thị phần tại Việt Nam và được các nhà thầu dầu khí đánh giá cao); đầu tư thêm bộ cần thử vỉa cho dịch vụ Well test để tăng đáp ứng nhu cầu thị trường, trong khi hiện nay với các thiết bị hiện có dịch vụ này chỉ đáp ứng được 25% nhu cầu thị trường nội địa; đầu tư thêm 3 bộ thiết bị kéo thả ống chống cho dịch vụ Tubular running để mở rộng thị phần tự cung cấp thiết bị thay vì đi thuê thiết bị từ các nhà cung cấp để cho thuê lại.

Việc đầu tư thêm các thiết bị chuyên ngành khoan với kỹ thuật cao, có xác định mục tiêu và thị trường đầu ra rõ ràng, sẽ làm tăng hiệu quả kinh doanh của các loại hình dịch vụ, nâng cao ưu thế trong đấu thầu cung cấp các dịch vụ này cho khách hàng, giảm đáng kể một số loại chi phí như chi phí vận chuyển thiết bị từ nước ngoài về Việt Nam..., tăng lợi thế trong việc sửa chữa bảo dưỡng thiết bị với đội ngũ kỹ sư và kỹ thuật viên lành nghề của Công ty Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí biển PVD (đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí).

Cùng với việc tiếp tục chú trọng đầu tư để mở rộng các dịch vụ khác liên quan đến khoan, năm 2010 PV Drilling sẽ tăng đáp ứng nhu cầu thị trường, nhất là tận dụng thị trường nội địa có nhu cầu thăm dò dầu và phát triển ổn định.

Mở rộng thị trường ra nước ngoài:

Để kịp thời nắm bắt cơ hội kinh doanh đến từ thị trường khoan và dịch vụ khoan dầu khí trên thế giới, một trong những chiến lược phát triển dài hạn của PV Drilling là mở rộng thị trường khoan và các dịch vụ liên quan đến khoan ra nước ngoài. Trong năm 2010, PV Drilling sẽ tiếp tục tham gia các dự án nước ngoài cùng với Tập đoàn Dầu khí Việt nam ở thị trường Venezuela và một số quốc gia khác. Hiện tại văn phòng của PV Drilling ở Venuezue đã được thành lập để xúc tiến dự án ở nước này.

Bên cạnh đó, PV Drilling cũng hướng đến các thị trường ở các nước có mối quan hệ truyền thống tốt với Việt Nam và cũng sẽ xem xét đến việc marketing các dịch vụ liên quan đến khoan ở những thị trường mà PV Drilling đã và đang có giàn khoan như thị trường Algeria.

Ngoài ra PV Drilling đang thành lập Liên doanh với Baker Hughes và sẽ phát triển với đối tác khác có thể mạnh về các dịch vụ của mình, tận dụng ưu thế của liên doanh thâm nhập thị trường khoan ra nước ngoài.

Đối với hoạt động tài chính

Nền kinh tế Việt Nam từ khi gia nhập WTO từ tháng 11/2006 đã và đang hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới, do đó nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường tài chính Việt Nam nói riêng sẽ phụ thuộc rất nhiều vào nền kinh tế thế giới. Những bất ổn tài chính kéo dài từ năm 2008 đến 2009 cho chúng ta thấy rằng thị trường tài chính sẽ còn nhiều những biến động khó lường. Vì thế đòi hỏi từng doanh nghiệp cũng như PV Drilling phải quản lý và điều hành tốt các nguồn lực tài chính như quản lý vốn bằng tiền; kiểm soát việc sử dụng tài sản để tránh tình trạng sử dụng lãng phí; tăng cường kiểm soát ngân sách; kiểm soát hoạt động kinh doanh và các chi phí sản xuất kinh doanh; tiếp tục duy trì công tác thực hành tiết kiệm bằng cách đưa ra các giải pháp cụ thể để tối ưu từng loại chi phí như đã làm trong năm 2009 theo chủ trương của Tập đoàn Dầu khí Việt nam và triển khai các giải pháp tài chính nhằm giảm thiểu chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh. Đặc biệt khẩn trương hình thành đội ngũ chuyên gia quản lý tài chính có năng lực, trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu của các hoạt động kinh doanh và xây dựng hệ thống thông tin quản lý tài chính hiệu quả để có thể quản lý được tốt các dòng tiền ngày một phát sinh lớn.

Một trong những công tác quan trọng trong năm 2010 là tiến hành Tập trung ngân quỹ vì công tác quản trị dòng tiền là công tác thiết thực và không thể thiếu trong việc quản trị tài chính của một doanh nghiệp, đặc biệt, trong bối cảnh vay vốn khó khăn, kinh doanh không thuận lợi như hiện nay, việc kiểm soát tiền mặt càng trở nên quan trọng. Vì thế PV Drilling đã tiến hành và hoàn thành dự án tập trung ngân quỹ, quản trị dòng tiền mặt trong năm 2010, nhằm tối ưu hóa dòng tiền của Tổng Công ty. PV Drilling đang kết hợp với Ngân hàng để thiết lập Ngân hàng điện tử. Thông qua ngân hàng điện tử, tài khoản của các Công ty thành viên sẽ được liên kết với nhau qua tài khoản chủ của công ty mẹ và mỗi tài khoản của từng Công ty thành viên sẽ được thiết lập hạn mức tổn quỹ tiền mặt tối ưu. Từ việc tập trung ngân quỹ này, Công ty mẹ luôn được cập nhật và được dự báo lượng tiền mặt trong ngắn hạn, biết rõ được tình hình lưu chuyển tiền mặt của toàn tổng công ty, từ đó điều tiết dòng tiền nhàn rỗi từ đơn vị này cho đơn vị khác đang cần, giảm được chi phí tài chính thay vì đơn vị đang thiếu phải đi vay với lãi suất vay, đồng thời có thể sử dụng nguồn tiền nhàn rỗi để ký quỹ hoặc đầu tư trong ngắn hạn, tăng khả năng sinh lợi cho dòng tiền.

Tuy nhiên để đạt được điều này, PV Drilling phải biết cách cân đối và quản lý tốt dòng tiền mặt. Bởi lẽ, nếu giữ quá nhiều tiền mặt, PV Drilling sẽ bị ứ đọng vốn hoặc thiếu tiền mặt cũng khiến PV Drilling nói chung và các đơn vị thành viên nói riêng khó nắm bắt được cơ hội đầu tư để tăng năng lực kinh doanh của mình, dẫn đến việc phải đi vay, chấp nhận trả lãi. Do vậy, để giữ cho lượng tiền mặt luôn ổn định, PV Drilling sẽ sử dụng các mô hình dự báo dòng tiền để dễ cân đối dòng tiền ra vào, từ đó nhìn thấy toàn cảnh tình hình lưu chuyển tiền mặt của toàn tổng công ty để có những quyết định kinh doanh sáng suốt. Đồng thời PV Drilling cũng tăng cường kiểm tra hệ thống quản lý tiền để kịp thời phát hiện những sai sót trong dữ liệu và công tác tài chính nhằm hạn chế rủi ro lưu chuyển tiền mặt.

Tóm lại, trong điều hành tài chính PV Drilling sẽ điều hành tập trung, ứng dụng những giải pháp tài chính thích hợp để tối ưu hóa lợi nhuận tài chính, đồng thời mạnh dạn nghiên cứu các chính sách và cơ chế để ứng dụng nhằm đạt kết quả kinh doanh tốt, đáp ứng sự mong đợi của cổ đông.

Công nghệ thông tin

Sự thành công của việc triển khai hệ thống quản lý ERP giai đoạn I – phân hệ tài chính là bước đệm vững chắc để PV Drilling tiếp tục tiến hành ERP giai đoạn II. Từ đầu tháng 9/2009, ERP giai đoạn II đã được tiến hành trên các phân hệ về quản lý Nhân sự, quản lý Dự án- hợp đồng, Mua hàng, và sẽ đưa hệ thống vào sử dụng trong năm 2010. Hệ thống này được đưa vào sử dụng thành công sẽ giúp triển khai tốt hệ thống báo cáo quản trị nhanh, phục vụ cho việc cung cấp thông tin cho Ban lãnh đạo nhằm ra quyết định của Ban lãnh đạo Tổng Công ty. Đây là nền tảng vững chắc để phát triển hệ thống quản trị doanh nghiệp toàn diện cho Tổng công ty.

Ngoài ra, PV Drilling sẽ tiếp tục phát huy việc ứng dụng tốt hệ thống quản lý vật tư Maximo, để vật tư trên giàn tồn ở mức tối ưu nhất, không đặt hàng quá ít gây chậm trễ cho hoạt động của giàn, cũng không dư thừa gây ứ đọng vốn. Để đạt được điều này, PV Drilling sẽ tiếp tục triển khai quy trình đánh giá mức tồn kho vật tư như vẫn thực hiện vào cuối năm để có những điều chỉnh mức tồn vật tư hợp lý. Đồng thời cuối năm 2009 khi có thêm 3 giàn khoan thì việc cân đối lượng vật tư cho 3 giàn rất quan trọng, do đó PV Drilling vừa thiết lập kho trung tâm vào cuối năm 2009 để tập trung và điều phối vật tư giữa các giàn khoan sao cho đạt hiệu quả tốt nhất.

Hoạt động đầu tư**Đối với dự án đang thực hiện:**

Một trong những dự án đầu tư quan trọng của PV Drilling trong năm 2010 là tiếp tục triển khai dự án đóng mới giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD) để phục vụ cho chiến dịch khoan của Biển Đông. Giàn TAD chủ yếu sẽ phục vụ cho thị trường khoan nước sâu (2.000 mét). Thị trường giếng khoan nước sâu chiếm 40% lượng giếng khoan thăm dò của thế giới và là thị trường còn nhiều tiềm năng. Giàn khoan TAD sẽ là cơ hội đầu tư của PV Drilling để mở rộng năng lực kinh doanh của mình. Do đó việc quản lý, giám sát dự án đóng mới giàn khoan TAD an toàn, đúng tiến độ và hiệu quả, kịp đưa giàn vào chiến dịch khoan của Biển Đông vào cuối năm 2011 là công tác hàng đầu cần chú trọng.

Bên cạnh đó PV Drilling cũng cần phải thực hiện sự chuẩn bị chu đáo về nhân lực và kinh nghiệm điều hành loại giàn khoan này để đảm bảo khai thác một cách có hiệu quả cao nhất giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm.

Đối với các dự án chưa thực hiện:

PV Drilling sẽ xem xét lại các dự án đầu tư trong kế hoạch năm 2010, xem xét đến khả năng kinh tế mà dự án mang lại trong thời điểm đưa thiết bị vào kinh doanh và tiềm năng thị trường trong tương lai, từ đó sẽ ưu tiên những dự án quan trọng, loại bỏ các dự án không còn hiệu quả.

Định hướng xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp:

Trong năm 2010, PV Drilling sẽ phát triển hệ thống quản trị doanh nghiệp theo mô hình của các nước trong khu vực có điều chỉnh phù hợp với pháp luật Việt Nam và yêu cầu quản lý điều hành Tổng Công ty, trong đó tập trung vào việc điều phối, điều hành và kiểm soát của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc và Ban Kiểm Soát tạo cơ chế điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh song hành với cơ chế giám sát và quản trị rủi ro, đồng thời tăng minh bạch thông tin theo chuẩn quốc tế nhằm củng cố và xây dựng niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tăng cường thị giá của cổ phiếu PVD.

Quan Hệ Cổ Đông Tại PV Drilling

Ngoài những giá trị nội tại quyết định lên giá trị cổ phiếu, một trong những quyết định quan trọng chi phối thị giá cổ phiếu là do nhà đầu tư quyết định thông qua mua bán thị trường, vì vậy việc cung cấp thông tin minh bạch chính xác sẽ là nền tảng cho mọi quyết định của nhà đầu tư. Hoạt động Investor Relations (IR) – Quan hệ cổ đông của PV Drilling ra đời nhằm đảm bảo cung và cầu thông tin cho các nhà đầu tư, xây dựng niềm tin cho các cổ đông và nhà đầu tư.



Khi thị trường từng bước phát triển, nhu cầu trao đổi và tiếp cận các thông tin tài chính, kinh doanh của nhà đầu tư sẽ dần trở nên bức thiết hơn. Đã có nhiều minh chứng nói lên sự cần thiết của công tác IR và đón đầu xu thế, bước đi quan trọng của doanh nghiệp là quan tâm đúng mực đến công tác IR.

Ngăn chặn những đợt giảm giá sâu, nhưng đồng thời công tác IR cũng phải giúp tránh những đợt tăng giá mạnh. Điều đó cho thấy, IR không chỉ gây dựng niềm tin cho nhà đầu tư, mà còn cảnh báo nhà đầu tư khi niềm tin của họ trở nên không thực tế. Chức năng của IR trở nên rõ ràng, đó chính là bình ổn giá cổ phiếu; và công tác IR tốt sẽ đưa cổ phiếu về đúng giá trị thực của Tổng Công ty.

Nhận thức được tầm quan trọng của cổ đông đối với doanh nghiệp, PV Drilling luôn tâm niệm xây dựng và phát triển hoạt động IR thật vững mạnh và hiệu quả. Nhằm giải quyết ba vấn đề gây mất cân đối cung cầu thông tin như:

thông tin không đầy đủ, thông tin không rõ ràng và thông tin đến sai đối tượng, PV Drilling đã thành lập Nhóm IR với mong muốn tìm đến cốt lõi trong hiệu quả truyền thông IR, trong đó nguyên lý quan trọng nhất là: thông tin trong yếu, trung thực, diễn giải khách quan và sự cân bằng trước các đối tượng đã, đang và sẽ đầu tư.

Ngoài việc xây dựng bộ phận chuyên trách, PV Drilling còn tiến hành những công tác cụ thể nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của nhà đầu tư:

Xây dựng một kênh giao tiếp rộng rãi

Trong website www.pvdrilling.com.vn, PV Drilling còn thiết lập bổ sung một trang Quan hệ cổ đông nhằm cung cấp những thông tin chuyên phục vụ cho nhà đầu tư bao gồm các thông tin về báo cáo tài chính, chỉ số tài chính, các thông tin công bố, thông báo, các nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, tài liệu thuyết trình về PV Drilling,... mang tính chất minh bạch, rõ ràng và trung thực, mang lại cho cổ đông những thông tin cập nhật nhất, kịp thời nhất về quyền lợi của cổ đông hoặc hỗ trợ quyết định đầu tư của các nhà đầu tư. Đặc biệt, việc công bố cơ cấu cổ đông là điểm nhấn của trang Quan hệ Cổ đông, mang lại niềm tin cho nhà đầu tư về một doanh nghiệp hoạt động rõ ràng, minh bạch, đảm bảo sự kết nối thông tin liên tục cập nhật và chính xác giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư.

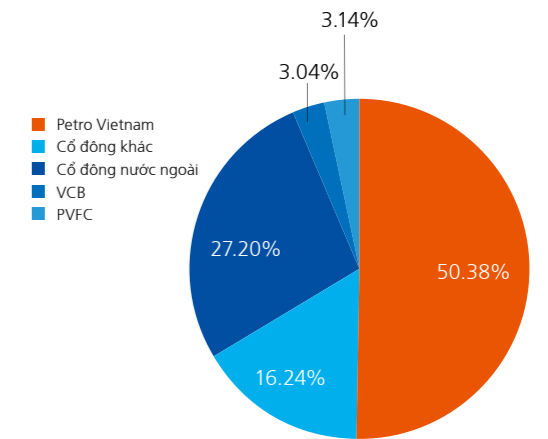
Ngoài ra, để tiếp nhận và phản hồi mọi thắc mắc từ phía nhà đầu tư, PV Drilling còn thiết lập Phần hỏi đáp cụ thể cho từng phần nội dung của thông tin nhằm hỗ trợ thêm thông tin cho các nhà đầu tư. Bên cạnh đó, địa chỉ email: investorrelation@pvdrilling.com.vn luôn sẵn sàng tiếp nhận và phúc đáp tất cả các câu hỏi của các cổ đông, các nhà đầu tư về các chỉ tiêu tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, các thông tin liên quan đến cổ phiếu, cổ tức...

PV Drilling luôn tâm niệm xây dựng và phát triển hoạt động IR thật vững mạnh và hiệu quả nhằm đáp ứng cao nhất nhu cầu thông tin của nhà đầu tư.

Tổ chức các hội nghị và tọa đàm với nhà đầu tư

Bên cạnh việc xây dựng một kênh giao tiếp rộng rãi, việc tổ chức và tham gia các buổi hội nghị, tọa đàm với nhà đầu tư cũng là một hình thức giúp nhà đầu tư gắn bó với doanh nghiệp hơn. Công tác tiếp nhà đầu tư tại PV Drilling rất được chú trọng và quan tâm đúng mực. Đối với các cổ đông hiện hữu, PV Drilling luôn cập nhật những thông tin mới nhất về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh, kế hoạch phát triển,... Đối với các nhà đầu tư tiềm năng, PV Drilling luôn dành nhiều tâm huyết trong việc giới thiệu các thông tin cơ bản nhất về lịch sử, qui mô, phạm vi hoạt động, dịch vụ cung cấp, quá trình phát triển, chiến lược phát triển, thị trường,... nhằm đem lại cho các nhà đầu tư sự hiểu biết nhất định về PV Drilling, hỗ trợ quyết định đầu tư của các nhà đầu tư tiềm năng.

PV Drilling thường xuyên tiếp đón các nhà đầu tư theo lịch hẹn tại trụ sở Công ty, đồng thời PV Drilling còn tích cực tham gia vào những cuộc hội nghị, tọa đàm với nhà đầu tư trong và ngoài nước. Thông qua các cuộc gặp gỡ này bên cạnh việc giúp cho các nhà đầu tư hiểu rõ hơn về Công ty và đánh giá được tiềm năng phát triển cũng như cơ hội đầu tư, việc thấu hiểu những tâm tư và mong đợi của các nhà đầu tư cũng giúp Lãnh đạo và đội ngũ cán bộ công nhân viên của PV Drilling cố gắng và phấn đấu hơn nữa để luôn thành công và phát triển trong kinh doanh, mang lại lợi ích lâu dài cho cổ đông nhằm đáp lại sự tin tưởng cho cổ đông dành cho PV Drilling và giữ vững vị thế là một trong các Công ty có uy tín trên thị trường chứng khoán.



Cơ cấu cổ đông

Trong năm 2009, số lượng cổ phiếu phát hành tăng trưởng một cách đáng kể nhờ việc sáp nhập PVD Invest vào PV Drilling và chia cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu, việc này đã giúp đưa tổng số cổ phiếu lưu hành lên 210 triệu cổ phiếu.

Tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài	
DEUTSCHE BANK AG LONDON	3,06%
AMERSHAM INDUSTRIES LIMITED	2,13%
UBS AG LONDON	1,43%
JF VIETNAM OPPORTUNITIES FUND	1,30%
CITIGROUP GLOBAL MARKETS FINANCIAL PRODUCTS LLC	1,16%
VIETNAM DRAGON FUND LIMITED	0,98%
TONG YANG VIETNAM PRIVATISATION TRUST FUND 1	0,85%
KITMC WORLDWIDE VIETNAM	0,84%
HSBC HONG KONG	0,79%
VIETNAM ENTERPRISE INVESTMENT LTD	0,78%
VIETNAM HOLDING LTD	0,74%
LIONEL HILL LIMITED	0,72%
RED RIVER HOLDING	0,61%
GRINLING INTERNATIONAL LIMITED	0,60%
VIETNAM EQUITY HOLDING	0,59%
VENNER GROUP LIMITED	0,55%
SGAM VIETNAM OPPORTUNITIES FUND	0,51%
BALESTRAND LIMITED	0,43%
MARKET VECTORS ETF TRUST-MARKET VECTORS-VIETNAM ETF	0,42%
EPSOM LIMITED	0,41%
PHEIM AIZAWA TRUST	0,41%
Khác	7,89%

TỔNG CỘNG 27,20%

Quan Hệ Cộng Đồng

Bên cạnh việc không ngừng nâng cao năng lực, tăng cường hiệu quả sản xuất kinh doanh, năm 2009 PV Drilling đã dành gần 12 tỷ đồng ủng hộ cho các hoạt động từ thiện, xã hội, vì sự phát triển cộng đồng như:

- Để chia sẻ bớt những khó khăn, mất mát của trẻ em đang sống tại các làng trẻ mồ côi trên toàn quốc, năm 2009, PV Drilling đã tài trợ cho “giải vô địch bóng đá các làng trẻ em SOS toàn quốc năm 2009” với số tiền tài trợ trên 800 triệu đồng.
- Để kịp thời cứu giúp cho các em nhỏ không may bị bệnh tim bẩm sinh, PV Drilling đã phối hợp với bệnh viện tim Tâm Đức (TP Hồ Chí Minh) tài trợ mổ miễn phí cho 60 em có hoàn cảnh gia đình khó khăn, tổng trị giá 800 triệu đồng. Ngoài ra Công đoàn, Đoàn Thanh niên còn vận động được hơn 60 CBCNV đăng ký hiến máu trực tiếp cho các bệnh nhân trên trong quá trình phẫu thuật.
- PV Drilling tích cực hưởng ứng kêu gọi của Chính phủ về chương trình “hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo” với số tiền ủng hộ trong năm 2009 là 6,5 tỷ đồng.

Ngoài ra, cùng với những đóng góp tích cực cho chương trình xóa đói giảm nghèo, bảo trợ gia đình có công với cách mạng, bảo trợ trẻ em và người tàn tật, hưởng ứng chương trình nghĩa tình biên giới - hải đảo, ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam, tài trợ các hoạt động văn hóa, thể thao... PV Drilling được đánh giá và ghi nhận là đơn vị có nhiều hoạt động thiết thực và kịp thời nhằm chia sẻ bớt những khó khăn trong xã hội.

Hướng về cộng đồng – xã hội là sứ mệnh, là tâm nguyện của toàn thể Ban Lãnh đạo và CBCNV PV Drilling.



Hướng về cộng đồng – xã hội là sứ mệnh, là tâm nguyện của toàn thể Ban Lãnh đạo và CBCNV PV Drilling.

Báo Cáo Tài Chính



Nội dung

- 68 Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc
- 70 Báo Cáo Của Kiểm Toán Viên
- 71 Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất
- 73 Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh Hợp Nhất
- 74 Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ Hợp Nhất
- 76 Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Báo Cáo Của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Tổng Công ty và các công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Hội Đồng Quản Trị Và Ban Tổng Giám Đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Như Linh	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2009
Ông Đỗ Đình Luyện	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2009
Ông Đỗ Văn Khanh	Thành viên	
Ông Trần Văn Hoat	Thành viên	
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên	
Ông Đàm Hải Giang	Thành viên	
Ông Dương Xuân Quang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2009
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2009 và miễn nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2009
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2009
Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên	miễn nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2009

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Văn Khanh	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Hoat	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Văn Đức Tòng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 8 tháng 12 năm 2009
Ông Lương Trọng Diệp	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2009

Trách Nhiệm Của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất. Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Khanh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Báo Cáo Của Kiểm Toán Viên

Các Cổ Đông Của Tổng Công Ty Cổ Phần Khoan Và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty"). Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi cũng đồng thời kiểm toán các bút toán điều chỉnh nhằm trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính 2008 được đề cập tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Theo ý kiến của chúng tôi, những điều chỉnh trên là phù hợp và đã được phản ánh đầy đủ.

Phạm Văn Thịnh
Phó Tổng Giám đốc

Chúng tôi kiểm toán viên số Đ.0028/KTV
Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên

Chúng tôi kiểm toán viên số 1144/KTV

Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị tính: Đồng

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
(Trình bày lại)				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.564.984.787.363	2.065.294.939.509
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	874.496.810.546	687.790.226.960
1. Tiền	111		214.647.329.468	195.122.511.791
2. Các khoản tương đương tiền	112		659.849.481.078	492.667.715.169
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	66.538.500.160	120.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		66.538.500.160	120.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.268.125.429.271	1.056.945.202.837
1. Phải thu khách hàng	131		1.136.718.078.814	1.043.280.603.366
2. Trả trước cho người bán	132		14.779.200.555	10.594.443.966
3. Các khoản phải thu khác	135		121.167.849.253	9.992.206.019
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.539.699.351)	(6.922.050.514)
IV. Hàng tồn kho	140	8	321.322.589.359	174.461.359.251
1. Hàng tồn kho	141		323.126.788.930	176.136.789.143
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.804.199.571)	(1.675.429.892)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.501.458.027	26.098.150.461
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		24.597.506.333	15.304.253.492
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.025.223.808	5.296.448.738
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		47.887.192	1.131.403.825
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.830.840.694	4.366.044.406
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.803.360.361.919	6.567.567.785.523
I. Tài sản cố định	220		9.420.069.408.168	6.272.698.419.123
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	9.234.063.154.606	2.012.619.597.868
- Nguyên giá	222		9.884.260.846.194	2.411.225.758.222
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(650.197.691.588)	(398.606.160.354)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	145.771.189.037	146.890.993.792
- Nguyên giá	228		156.414.116.803	152.853.500.592
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.642.927.7660)	(5.962.506.800)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	40.235.064.525	4.113.187.827.463
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		132.228.757.663	245.120.496.730
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	13	92.228.757.663	74.976.402.570
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	40.000.000.000	172.694.670.160
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(2.550.576.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		248.062.253.416	46.320.363.334
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		228.992.969.093	18.251.152.491
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	4.943.370.483	10.789.332.833
3. Tài sản dài hạn khác	268		14.125.913.840	17.279.878.010
IV. Lợi thế thương mại	270	12	2.999.942.672	3.428.506.336
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		12.368.345.149.282	8.632.862.725.032

Bảng Cân Đối Kế Toán Hợp Nhất

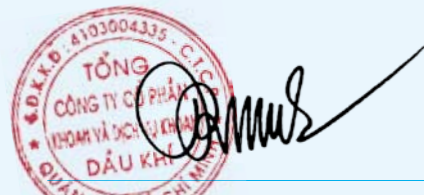
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị tính: Đồng

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
(Trình bày lại)				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.123.016.572.646	6.051.085.089.434
I. Nợ ngắn hạn	310		2.495.123.349.273	3.934.636.483.213
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	806.633.054.376	1.983.809.569.154
2. Phải trả người bán	312		1.012.942.480.790	1.027.989.526.309
3. Người mua trả tiền trước	313		1.222.173.036	263.742.121.539
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	156.595.921.731	95.391.623.085
5. Phải trả người lao động	315		6.359.255.857	29.827.800.836
6. Chi phí phải trả	316		419.060.650.686	232.344.501.167
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		69.532.689.342	301.531.341.123
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		22.777.123.455	-
II. Nợ dài hạn	330		5.627.893.223.373	2.116.448.606.221
1. Phải trả dài hạn khác	333		55.860.688.733	212.198.276.591
2. Vay và nợ dài hạn	334	18	5.542.044.065.214	1.878.918.456.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		29.988.469.426	25.331.873.630
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.231.670.174.951	2.090.816.903.947
I. Vốn cổ đông	410	19	4.225.407.414.608	2.071.196.775.334
1. Vốn điều lệ	411		2.105.082.150.000	1.321.675.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.382.297.368.926	201.153.600.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.300.856.869	5.974.444.429
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		227.573.623.721	149.576.096.366
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		111.829.124.523	79.911.387.199
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		397.324.290.569	312.906.207.340
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		6.262.760.343	19.620.128.613
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		6.262.760.343	19.620.128.613
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	20	13.658.401.685	490.960.731.651
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		12.368.345.149.282	8.632.862.725.032

MẪU B 01-DN/HN

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	31/12/2009	31/12/2008
Ngoại tệ các loại		
USD	11.497.560	7.451.168
EUR	16.519	16.497
GBP	389.429	560
DINARS	6.095.159	39.418.953
SGD	5.722	-



Đỗ Văn Khanh
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2010

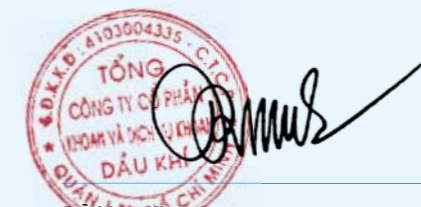
Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng

Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh Hợp Nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN/HN
Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
(Trình bày lại)				
1. Doanh thu gộp	01		4.096.780.459.931	3.728.745.990.771
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10	21	4.096.780.459.931	3.728.745.990.771
4. Giá vốn hàng bán	11	22	(2.856.789.363.142)	(2.520.350.855.424)
5. Lợi nhuận gộp	20		1.239.991.096.789	1.208.395.135.347
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	203.272.528.578	134.722.761.616
7. Chi phí tài chính	22	24	(322.239.023.428)	(229.046.603.811)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(71.726.406.915)	(78.731.366.518)
8. Chi phí bán hàng	24		(2.386.741.179)	(2.569.526.528)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(271.713.740.548)	(233.633.166.666)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		846.924.120.212	877.868.599.958
11. Thu nhập khác	31		138.274.178.600	18.547.726.680
12. Chi phí khác	32		(113.262.934.919)	(21.783.874.626)
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		25.011.243.681	(3.236.147.946)
14. Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	50	13	53.999.541.884	54.115.856.630
15. Lợi nhuận trước thuế	60		925.934.905.777	928.748.308.642
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	25	(102.427.677.326)	(36.622.392.064)
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	15	(5.845.962.350)	10.738.407.833
18. Lợi nhuận sau thuế	70		817.661.266.101	902.864.324.411
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	20		3.049.304.085	10.817.239.081
- Cổ đông của Tổng Công ty			814.611.962.016	892.047.085.330
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	26	5.865	7.183



Đỗ Văn Khanh
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng

Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ Hợp Nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN/HN
Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	2009	2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	925.934.905.777	928.748.308.642
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	256.842.657.960	184.828.166.672
Các khoản dự phòng	03	17.972.965.971	8.437.472.465
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	137.089.818.598	71.131.901.609
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(131.014.314.953)	(127.655.819.245)
Chi phí lãi vay	06	71.726.406.915	78.731.366.518
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	1.278.552.440.268	1.144.221.396.661
Tăng các khoản phải thu	09	(107.457.235.430)	(19.239.343.144)
Tăng hàng tồn kho	10	(146.989.999.787)	(130.446.865.251)
Tăng các khoản phải trả	11	617.936.357.032	951.605.571.545
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(220.035.069.443)	53.567.834.827
Tiền lãi vay đã trả	13	(46.126.766.531)	(83.494.260.164)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(60.828.894.339)	(7.838.107.729)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(89.113.526.847)	(121.204.945.459)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.225.937.304.923	1.787.171.281.286
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.573.631.717.494)	(3.424.336.178.517)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ			
3. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	24	131.534.055.724	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	25	(52.277.314.229)	(288.334.569.325)
5. Tiền thu lãi tiền gửi	26	47.024.501.020	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	27	79.883.857.901	122.775.262.896
Net cash used in investing activities	30	(3.367.466.617.078)	(3.589.895.484.946)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	7.817.040.913
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.975.836.014.457	2.832.685.796.353
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.647.660.624.347)	(504.049.558.528)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(367.521.865.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.328.175.390.110	1.968.931.413.737
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong năm	50	186.646.077.955	166.207.210.077
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	687.790.226.960	521.940.969.552
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	60.505.631	(357.952.669)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	874.496.810.546	687.790.226.960

Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ Hợp Nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN/HN

Thông Tin Bổ Sung Cho Các Khoản Phi Tiền Tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 329.317.922.317 đồng (2008: 498.735.992.806 đồng) giá trị tài sản mua sắm trong năm nhưng chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền mua tài sản cố định trên đã bao gồm 498.735.992.806 đồng (2008: 296.019.592 đồng), là số tiền chi mua tài sản cố định trong năm trước được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Trong năm 2009, Tổng Công ty đã công bố chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông với số tiền là 526.244.260.000 đồng (2008: 220.277.740.000 đồng). Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển nên không được thể hiện trong báo cáo trên.



Đỗ Văn Khanh
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

1 Thông Tin Chung

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và sáu công ty con cùng ba công ty liên doanh, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 2 năm 2006 và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi là “Petro Việt Nam”).

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển (sau đây gọi tắt là “PVD Offshore”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 1 tháng 9 năm 2009. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore tại số 43A, đường 30 tháng 4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PVD Well”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 8 năm 2007, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well tại lầu 10, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan (sau đây gọi tắt là “PVD Logging”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2007, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging tại lầu 10, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí (sau đây gọi tắt là “PVD Tech”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001532 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 8 năm 2007. Trụ sở đăng ký của PVD Tech tại số 21, đường Nguyễn Trung Ngạn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (sau đây gọi tắt là “PVD Training”), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training tại Khu công nghiệp Đông Xuyên, đường 30 tháng 4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “PVD Invest”), trước đây tên là Công ty Đầu tư Khoan Thái Bình Dương, là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký

kinh doanh số 4103006510 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 24 tháng 4 năm 2007, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Invest tại số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Theo Nghị quyết số 01/11/2008/NQ-ĐHĐCĐ ngày 9 tháng 11 năm 2008, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty đã phê duyệt quyết định sáp nhập PVD Invest vào Công ty mẹ. Theo đó, vào ngày 4 tháng 9 năm 2009, Công ty mẹ đã phát hành thêm 25.716.285 cổ phần cho các cổ đông hiện hữu của PVD Invest và các bên góp vốn theo hợp đồng góp vốn đầu tư giàn khoan PV Drilling III tại PVD Invest. Ngày 20 tháng 10 năm 2009, số lượng cổ phiếu phát hành thêm này đã chính thức niêm yết và giao dịch. Theo đó, Công ty mẹ đã phản ánh các nghiệp vụ sáp nhập với PVD Invest vào báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của các công ty con được trình bày cụ thể tại Thuyết minh số 12 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên doanh

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (sau đây gọi tắt là “BJ-PVD”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49202100003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International (sau đây gọi tắt là “PVD-PTI”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008. Trụ sở đăng ký của PVD-PTI tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Cản ống Khoan Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “PVD Tubulars”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 7 tháng 10 năm 2008. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan và các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

2 Cơ Sở Lập Báo Cáo Tài Chính Và Năm Tài Chính

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3 Trình Bày Lại Số Liệu Năm Trước

Theo như trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 25 dưới đây, Bộ Tài chính đã chính thức thông báo về chính sách thuế áp dụng với các công ty con của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã trình bày lại báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 để phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung liên quan đến các năm tài chính trước theo yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29. Ảnh hưởng chi tiết của việc trình bày lại số liệu đến các khoản mục của báo cáo tài chính đã công bố năm trước như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất
tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Số trước điều chỉnh VNĐ	Số sau điều chỉnh VNĐ	Chênh lệch VNĐ
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	52.764.831.015	95.391.623.085	42.626.792.070
Lợi nhuận chưa phân phối	355.532.999.410	312.906.207.340	(42.626.792.070)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Số trước điều chỉnh VNĐ	Số sau điều chỉnh VNĐ	Chênh lệch VNĐ
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.410.872.603	36.622.392.064	30.211.519.461
Lợi nhuận sau thuế	922.258.604.791	892.047.085.330	(30.211.519.461)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.431	7.183	248

4 Áp Dụng Hướng Dẫn Kế Toán Mới

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Phương pháp hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán theo Thông tư 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Tổng Công ty bị lỗ, Tổng Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 giảm 13.085.969.301 đồng và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tăng với số tiền tương đương so với việc áp dụng theo VAS10.

5 Tóm Tắt Các Chính Sách Kế Toán Chủ Yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kê toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Tổng Công ty và các công ty con.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (xem chi tiết dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ của cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Các khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Các khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản mua được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh nghiệp vụ mua công ty con. Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đối với trường hợp sáp nhập công ty con, việc sáp nhập được hạch toán theo hướng dẫn tại công văn số 3618/BTC-CĐKT ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài chính, theo đó giá trị tài sản và nợ phải trả của Công ty con bị sáp nhập được ghi nhận theo giá trị ghi sổ tại ngày sáp nhập vào báo cáo riêng của Công ty mẹ. Chênh lệch giữa giá trị vốn cổ phần Công ty mẹ phát hành thêm cho cổ đông thiểu số của Công ty con bị sáp nhập theo mệnh giá và giá trị tài sản thuần của Công ty con bị sáp nhập tại ngày sáp nhập được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần của Công ty mẹ

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận mà Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược về hoạt động và

tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại thể hiện phần phụ trội giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc công ty liên doanh tại ngày đầu tư. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản vô hình và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua công ty con và công ty liên doanh được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc công ty liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại được hạch toán vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2009 Số năm	2008 Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 10	6 - 10
Máy móc và thiết bị	5 - 8	5 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 4	3 - 4
Phương tiện vận tải	7	5 - 7
Tài sản khác	10 - 20	10 - 15

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định thay đổi thời gian khấu hao áp dụng cho một số loại tài sản cố định được mua mới từ năm 2009, thể hiện chi tiết trong bảng trên đây. Việc thay đổi tỷ lệ khấu hao không làm ảnh hưởng trọng yếu đến chi phí khấu hao của Tổng Công ty trong năm.

Thuê tài sản

Tổng Công ty là bên cho thuê

Khoản tiền thuê thu từ các hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, lợi thế thương mại phát sinh từ việc cổ phần hóa và các phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Lợi thế doanh nghiệp Nhà nước khi cổ phần hóa được Tổng Công ty ghi nhận là tài sản vô hình và khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận từ ngày giao dịch và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu dịch vụ được ghi nhận theo tỉ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động trong năm.

Để hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Các chênh lệch tỷ giá này sẽ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả khác có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý theo như trình bày tại Thuyết minh số 4. Các chênh lệch tỷ giá khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

6 Tiền Và Các Khoản Tương Đương Tiền

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	2.088.854.836	1.325.160.265
Tiền gửi ngân hàng	212.558.474.632	193.785.462.026
Tiền đang chuyển	-	11.889.500
Các khoản tương đương tiền	659.849.481.078	492.667.715.169
	874.496.810.546	687.790.226.960

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng

7 Các Khoản Đầu Tư Tài Chính Ngắn Hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản đầu tư với kỳ hạn trên ba tháng đến một năm.

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn	22.000.000.000	120.000.000.000
Trái phiếu Chính phủ	44.538.500.160	-
	66.538.500.160	120.000.000.000

8 Hàng Tồn Kho

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	29.030.268.932	7.333.502.107
Nguyên liệu, vật liệu	204.792.357.315	70.763.705.102
Công cụ, dụng cụ	1.527.675.260	1.594.368.301
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	84.998.620.305	93.594.244.636
Hàng hoá	2.464.024.592	2.023.885.718
Hàng gửi đi bán	313.842.526	827.083.279
	323.126.788.930	176.136.789.143
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.804.199.571)	(1.675.429.892)
	321.322.589.359	174.461.359.251

9 Tài Sản Cố Định Hữu Hình

	Nhà xưởng Vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2009	37.123.548.550	232.356.242.628	25.080.113.821	19.860.218.436	2.096.805.634.787	2.411.225.758.222
Tăng trong năm	5.449.374.646	63.386.132.368	20.446.073.258	19.332.585.236	-	108.614.165.508
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	203.625.014.826	10.723.856.440	-	-	7.165.161.920.322	7.379.510.791.588
Tăng khác	-	746.261.381	895.006.557	-	-	1.641.267.938
Thanh lý	-	(485.885.165)	(1.285.363.178)	(28.841.400)	-	(1.800.089.743)
Giảm khác	(668.311.978)	(475.650.687)	(156.459.153)	(789.076.244)	(12.841.549.257)	(14.931.047.319)
Tại ngày 31/12/2009	<u>245.529.626.044</u>	<u>306.250.956.965</u>	<u>44.979.371.305</u>	<u>38.374.886.028</u>	<u>9.249.126.005.852</u>	<u>9.884.260.846.194</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2009	8.130.172.543	94.193.725.754	10.852.342.643	9.760.699.209	275.669.220.205	398.606.160.354
Khấu hao trong năm	9.185.564.340	30.939.082.695	4.244.087.658	3.572.963.287	204.220.539.014	252.162.236.994
Tăng khác	-	38.744.397	114.124.476	792.275.507	-	945.144.380
Giảm do thanh lý	-	(341.945.157)	(1.145.063.583)	(28.841.400)	-	(1.515.850.140)
Tại ngày 31/12/2009	<u>17.315.736.883</u>	<u>124.829.607.689</u>	<u>14.065.491.194</u>	<u>14.097.096.603</u>	<u>479.889.759.219</u>	<u>650.197.691.588</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2009	<u>228.213.889.161</u>	<u>181.421.349.276</u>	<u>30.913.880.111</u>	<u>24.277.789.425</u>	<u>8.769.236.246.633</u>	<u>9.234.063.154.606</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>28.993.376.007</u>	<u>138.162.516.874</u>	<u>14.227.771.178</u>	<u>10.099.519.227</u>	<u>1.821.136.414.582</u>	<u>2.012.619.597.868</u>

Giảm khác thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản là 1.445.959.707 dinar Algeria sang thành đồng Việt Nam.

Như trình bày tại thuyết minh số 18, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 7.353.395.529.465 đồng (2008: 3.571.767.320.103 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

10 Tài Sản Cố Định Vô Hình

	Quyền sử dụng đất	Khác	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2009	109.833.329.400	43.020.171.192	152.853.500.592
Tăng trong năm	-	3.560.616.211	3.560.616.211
Tại ngày 31/12/2009	<u>109.833.329.400</u>	<u>46.580.787.403</u>	<u>156.414.116.803</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2009	-	5.962.506.800	5.962.506.800
Khấu hao trong năm	-	4.680.420.966	4.680.420.966
Tại ngày 31/12/2009	-	10.642.927.766	10.642.927.766
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2009	<u>109.833.329.400</u>	<u>35.937.859.637</u>	<u>145.771.189.037</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>109.833.329.400</u>	<u>37.057.664.392</u>	<u>146.890.993.792</u>

11 Chi Phí Xây Dựng Cơ Bản Dở Dạng

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Dự án giàn khoan biển PVD II	-	1.400.442.580.427
Dự án giàn khoan biển PVD III	-	2.689.476.352.614
Các công trình xây dựng cơ bản khác	40.235.064.525	23.268.894.422
	40.235.064.525	4.113.187.827.463

Trong năm, Tổng Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với số tiền 135.416.016.300 đồng

(năm 2008: 68.132.958.892 đồng). Đây là các chi phí liên quan đến các khoản vay sử dụng cho việc xây dựng các giàn khoan của Tổng Công ty.

12 Công Ty Con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Tên công ty con	Vốn điều lệ đã đăng ký		Vốn đã góp		Tỷ lệ sở hữu
	31/12/2009	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2009	
	VND	VND	VND	VND	%
PVD Offshore	80.000.000.000	80.000.000.000	57.640.139.096	57.640.139.096	100
PVD Well Services	50.000.000.000	50.000.000.000	804.342.798	804.342.798	100
PVD Logging	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	100
PVD Tech	100.000.000.000	50.000.000.000	100.000.000.000	50.000.000.000	100
PVD Training	26.354.650.000	22.334.500.000	13.440.940.000	11.390.630.000	51

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2007, Tổng Công ty đã mua 51% quyền sở hữu PVD Training, trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, với giá mua là 6.970.091.000 đồng. Nghiệp vụ mua này tạo ra khoản lợi thế thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 4.285.636.640 đồng.

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

	Lợi thế thương mại
	VNĐ
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2009 và 31/12/2009	4.285.636.640
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2009	857.130.304
Khấu hao trong năm	428.563.664
Tại ngày 31/12/2009	1.285.693.968
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2009	2.999.942.672
Tại ngày 31/12/2008	3.428.506.336

13 Đầu Tư Vào Các Công Ty Liên Doanh

Tóm tắt các thông tin tài chính liên quan đến các công ty liên doanh của Tổng Công ty:

Tên công ty liên doanh	Vốn điều lệ đã đăng ký	31/12/2009	Vốn đã góp 31/12/2008	Tỷ lệ sở hữu
	USD	VNĐ	VNĐ	%
BJ-PVD	1.000.000	7.880.670.000	7.880.670.000	49
PVD-PTI	4.000.000	34.238.560.029	34.238.560.029	51
PVD Tubulars	3.500.000	30.548.750.000	20.271.435.771	51

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào liên doanh tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
BJ-PVD	22.481.496.286	22.117.998.104
PVD-PTI	36.547.013.489	32.586.968.695
PVD Tubulars	33.200.247.888	20.271.435.771
	92.228.757.663	74.976.402.570

Phần sở hữu của Tổng Công ty đối với lợi nhuận và giá trị khoản đầu tư tại các công ty liên doanh trong năm như sau:

	Tại ngày 31/12/2008	Vốn góp trong năm	Lợi nhuận được chia	Lợi nhuận đã nhận	Tại ngày 31/12/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
BJ-PVD	22.117.998.104	-	47.387.999.202	47.024.501.020	22.481.496.286
PVD-PTI	32.586.968.695	-	3.960.044.794	-	36.547.013.489
PVD Tubulars	20.271.435.771	10.277.314.229	2.651.497.888	-	33.200.247.888
	74.976.402.570	10.277.314.229	53.999.541.884	47.024.501.020	92.228.757.663

14 Đầu Tư Dài Hạn Khác

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Trái phiếu chính phủ	-	44.538.500.160
Chứng chỉ quỹ, tiền gửi	20.000.000.000	4.738.170.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	-	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	-	95.418.000.000
	40.000.000.000	172.694.670.160

15 Tài Sản Thuế Thu Nhập Hoàn Lại

Dưới đây là thuế thu nhập hoàn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoàn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Ghi nhận vào lợi nhuận trong năm	4.643.582.340	6.094.825.493	10.738.407.833
Tại ngày 31/12/2008	4.694.507.340	6.094.825.493	10.789.332.833
Ghi nhận vào lợi nhuận trong năm	909.469.658	(6.755.432.008)	(5.845.962.350)
Tại ngày 31/12/2009	5.603.976.998	(660.606.515)	4.943.370.483

16 Vay Và Nợ Ngắn Hạn

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn	4.886.507.544	1.762.464.258.050
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	801.746.546.832	221.345.311.104
	806.633.054.376	1.983.809.569.154

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí ("PVFC")	4.886.507.544	-
JP Morgan	-	408.296.850.000
DBS Bank Limited	-	471.111.750.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	-	513.299.595.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	-	55.681.563.050
ABN AMRO N.V. Bank ("ABN-AMRO")	-	314.074.500.000
	4.886.507.544	1.762.464.258.050

Khoản vay ngắn hạn từ PVFC, một bên liên quan, thể hiện khoản vay ngắn hạn để bổ sung nguồn vốn lưu động của PVD Training với tổng hạn mức 5.000.000.000 đồng.

17 Thuế Và Các Khoản Phải Nộp Nhà Nước

	31/12/2009	31/12/2008
	(Trình bày lại)	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	40.473.398.255	33.198.049.613
Thuế nhập khẩu	196.574.040	1.543.772
Thuế thu nhập doanh nghiệp	84.726.066.530	44.259.017.368
Thuế thu nhập cá nhân	10.823.912.605	12.615.945.880
Thuế nhà thầu	20.375.970.301	5.317.066.452
	156.595.921.731	95.391.623.085

18 Vay Và Nợ Dài Hạn

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay dài hạn	6.343.790.612.046	2.100.263.767.104
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	(801.746.546.832)	(221.345.311.104)
	5.542.044.065.214	1.878.918.456.000

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vietcombank	919.305.989.910	1.043.892.165.924
PVFC	179.929.947.013	213.134.775.525
BIDV để đầu tư giàn khoan PV Drilling II	2.719.358.925.123	843.236.825.655
BIDV để đầu tư giàn khoan PV Drilling III	627.935.000.000	-
The Hongkong and Shanghai Banking Corporation Limited	1.897.260.750.000	-
	6.343.790.612.046	2.100.263.767.104

Vào ngày 4 tháng 7 năm 2005, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Vietcombank với số tiền 80.237.605 đô la Mỹ để tài trợ cho dự án đóng mới giàn khoan tự nâng đa năng 90 mét (PV Drilling I). Thời hạn của khoản vay là 109,5 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, trong đó có 25,5 tháng ân hạn. Khoản vay này được hoàn trả sáu tháng một lần trong 84 tháng sau khi kết thúc thời gian ân hạn. Khoản vay này được Petro Việt Nam, cổ đông chính của Tổng Công ty bảo lãnh, và chịu lãi suất lãi tiền vay bằng lãi suất SIBOR sáu tháng cộng lãi suất biên. Lãi vay trong thời gian ân hạn được cộng dồn vào nợ gốc vay sáu tháng một lần.

Vào ngày 13 tháng 11 năm 2006, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với PVFC, một bên liên quan, với hạn mức tín dụng là 18.599.000 đô la Mỹ để tài trợ cho dự án đóng mới giàn khoan đất liền (PV Drilling 11). Thời hạn vay vốn là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, bao gồm 12 tháng ân hạn cho cả gốc và lãi. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ tiền vay với giá trị còn lại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là

246.474.178.317 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008: 291.392.191.020 đồng). Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm bằng lãi suất SIBOR sáu tháng cộng lãi suất biên. Lãi vay được thanh toán ba tháng một lần. Khoản vay này được hoàn trả thành 12 lần, sáu tháng một lần kể từ ngày 13 tháng 5 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn đồng tài trợ với các bên là BIDV, PVFC và Eximbank với hạn mức tín dụng 155.000.000 đô la Mỹ để tài trợ cho dự án đóng mới giàn khoan PV Drilling II. Thời hạn vay vốn là 132 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, bao gồm 24 tháng ân hạn cho cả gốc và lãi. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ tiền vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 3.325.293.141.786 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng bằng đô la Mỹ được tính bình quân dựa trên tỷ lệ tài trợ của các tổ chức tín dụng đồng tài trợ cộng với lãi suất biên và lãi suất vay này không vượt quá một mức cố định đã được thống nhất giữa các bên. Lãi vay được thanh toán sáu tháng một lần. Khoản vay này được hoàn trả thành 18 lần, sáu tháng một lần kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2010.

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với BIDV với hạn mức 35.000.000 đô la Mỹ để tài trợ cho dự án đóng mới giàn khoan PV Drilling III. Thời hạn vay vốn là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng bằng đô la Mỹ của tổ chức kinh tế cộng với lãi suất biên. Lãi vay được thanh toán ba tháng một lần. Khoản vay này được hoàn trả thành 12 lần, sáu tháng một lần kể từ ngày ký hợp đồng vay.

Vào ngày 8 tháng 12 năm 2008, Tổng Công ty cũng đã ký hợp đồng vay dài hạn đồng tài trợ trị giá 115.000.000 đô la Mỹ với The Royal Bank of Scotland N.V (trước đây là ABN AMRO Bank N.V.) Australia và New Zealand Banking Group Limited, The Hongkong and Shanghai Banking Corporation Limited, Oversea-Chinese Banking Corporation Limited, First Commercial Bank, Far East National Bank, Vietnam Technology Commercial Bank và Land Bank of Taiwan để tài trợ cho việc thanh toán các khoản vay bắc cầu ngắn hạn và nợ phải trả liên quan đến việc đầu tư mua sắm cho Dự án đóng mới giàn khoan PV Drilling III. Khoản vay này được bảo lãnh bởi PetroVietnam và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ tiền vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 3.781.628.209.362 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm bằng lãi suất LIBOR ba tháng cộng lãi suất biên và được hoàn trả trong 5 năm sau 18 tháng ân hạn kể từ ngày ký hợp đồng vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	801.746.546.832	221.345.311.104
Trong năm thứ hai	1.059.199.896.832	513.349.711.104
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.044.472.647.026	1.191.586.717.242
Sau năm năm	1.438.371.521.356	173.982.027.654
	6.343.790.612.046	2.100.263.767.104
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(801.746.546.832)	(221.345.311.104)
Số phải trả sau 12 tháng	5.542.044.065.214	1.878.918.456.000

19 Vốn Chủ Sở Hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 5 tháng 2 năm 2010 của Tổng Công ty, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 2.105.082.150.000 đồng (2008: 1.321.675.040.000 đồng).

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
Số lượng cổ phần được phép phát hành	210.508.215	132.167.504
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	210.508.215	132.167.504
Mệnh giá cổ phần (đồng)	10.000	10.000

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty. Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Petro Việt Nam") hiện sở hữu 50,38% tổng số cổ phần của Tổng Công ty.

Thay đổi vốn cổ đông trong năm như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	FChênh lệch tỉ giá hối đoái	Quý đầu tư và phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1/1/2008	1.101.397.300.000	201.153.600.000	9.872.495.037	58.751.471.235	34.554.623.567	424.716.279.644	1.830.445.769.483
Cổ tức bằng cổ phần	220.277.740.000	-	-	-	-	(220.277.740.000)	-
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	-	(3.898.050.608)	-	-	-	(3.898.050.608)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	879.631.812.721	879.631.812.721
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	-	(534.289.112.230)	(534.289.112.230)
Phân phối quỹ	-	-	-	90.824.625.131	45.356.763.632	(236.875.032.795)	(100.693.644.032)
Tại ngày 31/12/2008	1.321.675.040.000	201.153.600.000	5.974.444.429	149.576.096.366	79.911.387.199	312.906.207.340	2.071.196.775.334
Sáp nhập PVD Invest	257.162.850.000	1.181.143.768.926	(5.463.718.305)	(1.798.517.224)	(985.560.645)	(14.993.911.791)	1.415.064.910.961
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	-	790.130.745	-	-	-	790.130.745
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	814.611.962.015	814.611.962.015
Cổ tức đã trả	526.244.260.000	-	-	-	-	(526.244.260.000)	-
Phân phối quỹ	-	-	-	79.796.044.579	32.903.297.969	(188.955.706.995)	(76.256.364.447)
Tại ngày 31/12/2009	2.105.082.150.000	1.382.297.368.926	1.300.856.869	227.573.623.721	111.829.124.523	397.324.290.569	4.225.407.414.608

Trong năm, Tổng Công ty đã tăng vốn điều lệ thêm 526.244.260.000 đồng (2008: 220.277.740.000 đồng) bằng việc phát hành thêm 52.624.426 cổ phiếu (2008: 22.027.774 cổ phiếu) cho các cổ đông hiện hữu sử dụng nguồn lợi nhuận chưa phân phối. Đồng thời, Tổng Công ty cũng đã phát hành 25.716.285 cổ phiếu để thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của PVD Invest để hoàn tất việc sáp nhập PVD Invest như đã trình bày tại thuyết minh số 1. Việc tăng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty thông qua.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư và phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi theo Điều lệ của Tổng Công ty từ lợi nhuận hợp nhất sau thuế của năm 2009. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Chi tiết chênh lệch tỉ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria)	CLTG của giai đoạn xây dựng cơ bản (PVD Invest)	CLTG phát sinh từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	Tổng số
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 1/1/2008	9.872.495.037	-	-	9.872.495.037
Phát sinh trong năm	18.395.662.657	(43.713.163.264)	-	(25.317.500.607)
Phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	-	21.419.449.999	-	21.419.449.999
Tại 31/12/2008	28.268.157.694	(22.293.713.265)	-	5.974.444.429
Phát sinh trong năm	(13.881.331.524)	(96.096.247.634)	(13.085.969.301)	(123.063.548.459)
Chuyển vào chi phí trả trước dài hạn	-	131.422.999.685	-	131.422.999.685
Chuyển vào doanh thu chưa thực hiện	-	(7.569.320.481)	-	(7.569.320.481)
Điều chỉnh do sáp nhập	-	(5.463.718.305)	-	(5.463.718.305)
Tại 31/12/2009	14.386.826.170	-	(13.085.969.301)	1.300.856.869

20 Lợi Ích Của Cổ Đông Thiểu Số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Training. Theo như trình bày tại Thuyết minh số 1, trong năm Công ty mẹ đã hoàn tất thủ tục sáp nhập công ty con PVD Invest vào Công ty mẹ thông qua việc chuyển đổi cổ phiếu để sở hữu toàn bộ 100% vốn cổ phần tại PVD Invest, vì vậy lợi ích của các cổ đông thiểu số tại PVD Invest đã được chuyển toàn bộ về sở hữu của các cổ đông Công ty mẹ.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại PVD Training được xác định như sau:

	VND
Vốn điều lệ của công ty con	26.354.650.000
Trong đó:	
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	13.440.940.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	12.913.710.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	49%

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và 2008:

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Tổng tài sản	40.993.957.014	4.345.376.636.268
Tổng nợ phải trả	(12.832.693.898)	(3.342.465.189.714)
Tài sản thuần	28.161.263.116	1.002.911.446.554
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	26.354.650.000	1.021.511.660.000
Các quỹ khác	286.965.903	(40.714.513.161)
Lợi nhuận chưa phân phối	1.519.647.213	22.114.299.715
Lợi ích của cổ đông thiểu số	13.658.401.685	490.960.731.651
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	12.913.710.000	500.121.040.000
Các quỹ khác	-	(19.956.421.570)
Lợi nhuận chưa phân phối	744.691.185	10.796.113.221

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 và 2008:

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trong năm	6.223.069.561	22.338.003.954
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	3.049.304.085	10.817.239.081

21 Doanh Thu Thuần

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng	719.031.615.462	706.391.540.167
Doanh thu cung cấp dịch vụ khoan	1.399.921.577.141	1.503.016.439.145
Doanh thu cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ khác	1.977.827.267.328	1.519.338.011.459
4.096.780.459.931	3.728.745.990.771	

22 Giá Vốn Hàng Bán

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn hàng bán	666.890.561.051	663.203.344.102
Giá vốn cung cấp dịch vụ khoan	606.517.837.927	605.585.984.198
Giá vốn cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ khác	1.583.380.964.164	1.251.561.527.124
2.856.789.363.142	2.520.350.855.424	

23 Doanh Thu Hoạt Động Tài Chính

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	78.218.887.345	73.539.962.615
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.789.590.629	4.129.326.936
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	122.253.842.271	56.666.398.238
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.208.333	387.073.827
203.272.528.578	134.722.761.616	

24 Chi Phí Hoạt Động Tài Chính

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	71.726.406.915	78.731.366.518
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	139.879.316.077	75.261.228.545
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	106.769.027.920	72.264.054.767
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	2.550.576.000
Chi phí tài chính khác	3.864.272.516	239.377.981
322.239.023.428	229.046.603.811	

25 Chi Phí Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp Hiện Hành

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	925.934.905.777	928.748.308.642
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(53.999.541.884)	(58.319.344.073)
Trừ: Chênh lệch đánh giá lại khoản phải trả ngắn hạn	(10.981.143.543)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	10.246.421.755	96.287.239.115
Thu nhập chịu thuế	871.200.642.105	966.716.203.684
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	217.537.417.449	37.132.604.440
Giảm trừ thuế	(115.370.655.181)	(510.212.376)
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	260.915.058	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	102.427.677.326	36.622.392.064

Theo công văn ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính, một số công ty con của Tổng Công ty, bao gồm PVD Logging, PVD Well và PVD Tech, không được hưởng ưu đãi thuế trong năm 2007 và 2008. Theo đó, các Công ty con phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung cho năm 2007 và 2008 với số tiền 42.626.792.070 đồng. Trong đó, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 số tiền thuế ghi nhận bổ sung là 30.211.519.461 đồng. Tổng Công ty đã trình bày lại số liệu trong báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 để phản ánh khoản thuế bổ sung này. Theo đó, các khoản phải nộp Nhà nước của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 tăng thêm 42.626.792.070 đồng và lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 giảm 30.211.519.461 đồng. Chi tiết ảnh hưởng đến các khoản mục của báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được trình bày trong Thuyết minh số 3.

Công ty mẹ và PVD Offshore được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 và năm 2008) và giảm 50% cho năm tiếp theo.

PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ từ 0% đến 25% cho các hoạt động. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm từ năm 2005 đến năm 2007 và được miễn 50% trong 7 năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật, và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm từ năm 2005 đến năm 2006 và được miễn 50% trong 7 năm tiếp theo từ năm 2007 đến năm 2013 cho hoạt động đào tạo an toàn.

Ngoại trừ PVD Offshore, Tổng Công ty được giảm 30% thuế phải nộp cho quý 4 năm 2008 và cho cả năm 2009 theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26 Lãi Trên Cổ Phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trong năm	814.611.962.016	892.047.085.330
Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(4.129.326.936)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(2.074.620.880)	(10.917.622.720)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	812.537.341.136	877.000.135.674
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	138.537.894	122.089.043
Lãi trên cổ phiếu	5.865	7.183

27 Các Khoản Công Nợ Tiềm Tàng

Tại ngày lập báo cáo, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại và PVD Invest tại ngày kết thúc hoạt động. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Nghĩa vụ thuế của PVD Invest sẽ được quyết toán đến trước thời điểm PVD Invest hoàn tất các thủ tục hành chính với cơ quan cấp phép đầu tư để rút giấy phép hoạt động kinh doanh sau khi đã được sáp nhập vào Công ty mẹ. Hiện tại, đến ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để hoàn tất thủ tục theo yêu cầu.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria và PVD Invest mà cần phải lập dự phòng thêm.

28 Các Khoản Cam Kết

Cam kết vốn

Vào ngày 3 tháng 12 năm 2009, PV Drilling đã ký hợp đồng với Công ty Keppel Fels Limited xây dựng giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (Tender Assist Drilling Rig – TAD) với giá trị hợp đồng là 192.053.854 đô la Mỹ. Dự kiến giàn khoan này sẽ được hoàn tất và đưa vào hoạt động trong Quý 4 năm 2011. Giàn khoan này được đầu tư dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh, trong đó PV Drilling góp 51% vốn hoạt động.

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	21.056.276.772	19.094.565.100
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	66.283.769.576	54.402.896.236
Sau năm năm	185.861.794.710	18.517.343.594
	273.201.841.058	92.014.804.930

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu, và tiền chi phí dịch vụ phải trả cho tòa nhà Sailing Tower trong suốt thời gian thuê. Thời gian thuê văn phòng thỏa thuận trong các hợp đồng thuê là từ 1 năm đến 8 năm.

29 Nghiệp Vụ Và Số Dư Với Các Bên Liên Quan

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Cung cấp dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	263.931.162.893	203.645.992.732
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	1.120.015.302.911	1.818.523.473.578
Mua hàng		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	149.907.341.505	3.375.509.152
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	-	295.803.054.400
Vay từ PVFC		
Hoàn trả	47.424.660.150	44.954.031.500

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2009	2008
	VND	VND
Lương	4.821.816.490	4.165.775.341
Tiền thưởng	4.821.069.819	4.900.163.737
Các khoản phúc lợi khác	288.000.000	168.000.000
	9.930.886.309	9.233.939.078

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	824.631.154	889.510.280
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	561.785.266.984	111.379.068.171
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	19.205.795.071	9.916.738.956
Các khoản vay phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	184.816.454.557	213.134.775.525
Phải trả khác		
Petro Việt Nam	12.408.188.494	166.464.000.000

30 Phê Duyệt Phát Hành Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 31 tháng 3 năm 2010.

Đỗ Văn Khanh
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng